

Luận Phá Tướng Của Tổ Đạt Ma

Dũ Châu, chùa Hoa Nghiêm, Sa môn Thích Tôn Cảnh, giáo khắc.

Việt dịch: Thích Huyền-Vi

1) Hỏi: Nếu có người chí tâm cầu Phật đạo (1), cần phải tu pháp gì mới là tốt cùng ?

Đáp: Chỉ một pháp quán tâm, tóm thâu các sự vật. Đó là tốt cùng.

2) Hỏi: Thế nào là một pháp, hay tóm thâu các sự vật ?

Đáp: Tâm là nguồn gốc các sự vật, tất cả các sự vật do tâm sinh ra, nếu rõ được tâm thì rõ cả muôn sự vật, cũng như cây lớn có nhiều nhánh lá và các bông trái, đều nương gốc rễ. Người trồng cây, phải cẩn thận, gốc rễ mới có sanh trưởng cây lá; kẻ chặt cây phải đào gốc rễ, cây mới chết tận gốc. Nếu ai rõ biết tâm tu hành thì dùng sức ít, mà dễ thành tựu. Trái lại, không rõ biết tâm mà tu hành thì phí công mà không ích lợi gì. Thế nên, biết tất cả việc lành dữ đều do tâm mình tạo tác. Ngoài tâm mình ra, tìm cầu ở đâu khác, không bao giờ được.

3) Hỏi: Quán tâm như thế nào thì gọi là rõ biết ?

Đáp: Đại Bồ Tát khi tu hành đạt sâu vào trí huệ đến bờ bên kia (2) rõ biết bốn đại (3), năm ấm (4) vốn không, chẳng có ta; rõ biết tâm mình khởi ra muôn diệu dụng. Có hai thứ sai khác: Những gì là hai ? Một là tâm thanh tịnh; hai là tâm ô nhiễm. Hai thứ tâm pháp này tự nhiên xưa nay cũng đều hiện hữu, mặc dù do các duyên giá hợp, đối đãi lẫn nhau. Tâm tịnh thường ưa hơn lành, thể nhiễm thường nghĩ việc ác; nếu không thọ nhiễm ô thì gọi là thánh, thường được xa lìa các sự khổ đau, chúng vui niết bàn (5). Nếu sa vào tâm nhiễm ô, tạo nghiệp chịu các sự ràng buộc, che đậy thì gọi đó là phàm, chìm đắm trong ba cõi (6), chịu nhiều sự khổ não. Vì sao ? Vì tâm nhiễm ô kia, ngăn chặn thể chơn như (7). Trong kinh Thập Địa nói: " Trong thân chúng sanh có Phật tánh kim cương (8), cũng như vàng mặt trời, thể sáng tròn đầy rộng lớn vô biên; chỉ vì bị nhiều lớp mây năm ấm che lấp, cũng như trong thùng nước có ngọn đèn, ánh sáng không thể chiếu ra bên ngoài". Lại nữa trong Kinh Niết Bàn cũng nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh (9), chỉ vì bị vô minh che lấp, nên không được giải thoát. Phật tánh tức là giác tánh, tánh giác ngộ; giác ngộ cho mình và giác ngộ cho người, hiểu biết rõ ràng, gọi đó là giải thoát". Thế nên biết tất cả việc lành, lấy sự giác ngộ làm gốc, nhờ gốc giác ngộ, nên mới hiện bày các cây công đức và quả niết bàn. Tất cả pháp lành nhờ đó mà thành tựu. Quán tâm như thế, gọi là rõ biết.

4) Hỏi: Trên nói Phật tánh chơn như, tất cả công đức nhờ giác ngộ làm cội gốc. Chưa biết tâm vô minh lấy gì làm cội gốc ?

Đáp: Tâm vô minh mặc dù có 84 000 phiền não tình dục và các ác độc nhiều như số cát sông Hằng đều do ba độc làm cội gốc. Ba độc là tham lam, giận tức và si mê. Tâm ba độc này, tự nó đầy đủ tất cả các việc ác. Cũng như cây lớn, gốc tuy là một, nhưng sanh ra nhánh lá nhiều vô biên. Gốc ba độc kia, trong mỗi mỗi gốc rễ, sanh ra các nghiệp ác, trăm ngàn muôn ức, số đó khó mà thí dụ. Tâm ba độc như thế, ở trong bản thể (10), ứng hiện sáu căn, cũng gọi là sáu anh làm giặc, tức là sáu cái hiểu biết (11). Do sáu hiểu biết này, ra vào các giác quan, ham muốn muôn cảnh vật, đúc kết thành nghiệp ác, ngăn che thể chơn như (12), nên gọi là sáu anh giặc. Tất cả chúng sanh do ba chị độc hại, sáu anh giặc cướp làm loạn thân tâm, chìm đắm trong biển sanh tử, luân hồi trong sáu đường khổ, chịu các sự đau đớn, cũng như con sông, do các nguồn suối nhỏ, chảy mãi không dứt, lan tràn khắp nơi, trở thành sóng ba đào muôn dặm. Nếu có người cắt đứt nguồn suối, các dòng liền chấm dứt. Người cầu đạo giải thoát hay chuyển trừ ba chị độc hại trở thành ba tụ tịnh giới (13), chuyển sáu anh giặc trở thành sáu pháp ba la mật (14) tự nhiên lìa hẳn tất cả khổ não.

5) Hỏi: Sáu đường, ba cõi rộng lớn thânh thang; nếu chỉ có quán tâm, làm sao khỏi được các khổ không cùng tận ?

Đáp: Nghiệp báo của chúng sanh trong ba cõi đều do tâm vọng sanh ra. Chính yếu nếu không có vọng tâm, thì ở trong ba cõi liền được giải tỏa rất mau. Ba cõi nói ở đây tức là ba thứ độc hại: tham lam là chỉ cho cõi dục; giận tức là chỉ cho cõi sắc; si mê là chỉ cho cõi vô sắc, nên gọi là ba cõi. Do ba độc này mà gây nghiệp có nặng có nhẹ, lãnh chịu quả báo không đồng, phân chia đi đến sáu chỗ, nên gọi là sáu đường khổ.

6) Hỏi: Thế nào gọi là phân chia có nặng có nhẹ trong sáu đường khổ ?

Đáp: Chúng sanh không rõ chánh nhưn (15), mê theo vọng tâm làm các việc thiện, chưa ra khỏi được ba cõi, phải đầu sanh về ba đường nhẹ. Thế nào gọi là đường nhẹ ? Ấy là mê theo vọng tâm thật hành mười điều lành (16), vọng cầu yên vui khoái lạc, chưa ra khỏi cõi tham lam, được sanh lên các cõi trời. Mê vọng giữ gìn năm giới cấm (17), vọng động khởi ra thương ghét đủ kiểu, chưa ra khỏi cõi giận tức, sanh lại trong loài người. Mê chấp các pháp hữu vi (18), tin tưởng tà ma, cầu làm các việc phước báo chưa ra khỏi cõi si mê, sanh về con đường A Tu La (19). Ba hạng như thế, gọi là ba đường nhẹ.

Thế nào gọi là ba đường nặng ? Ấy là buông lung tâm làm theo ba điều độc hại, chỉ tạo các nghiệp xấu, đọa lạc trong ba đường nặng. Nếu ai nghiệp tham lam bồn sển quá nặng, đọa trong đường quỷ đói, nếu ai nghiệp giận tức quá nặng thì sa trong đường địa ngục; người nghiệp si mê tà kiến nặng nề, phải đọa trong đường súc sanh. Ba con đường nặng như thế cộng chung với ba con đường nhẹ ở trước, thành ra sáu nẻo đường. Thế nên biết rằng tất cả nghiệp khổ do tâm mình tạo ra, chỉ ai thấu nhiếp được vọng tâm, lìa các tà ác thì những đau khổ luân hồi trong ba cõi, sáu đường, tự nhiên tiêu diệt, lìa hết các khổ, chắc chắn giải thoát, hưởng quả yên vui.

7) Hỏi: Như Phật đã nói ta ở trong ba vô số đại kiếp (20), siêng năng chịu khổ vô lượng, mới được thành Phật; tại sao nay nói, duy chỉ quán tâm, chế ngự ba độc, liền được giải thoát ?

Đáp: Lời Phật đã nói, không bao giờ hư vọng. Vô số kiếp, tức là tâm ba độc, tiếng nước Hồ gọi là A Tăng Kỳ, tiếng nhà Hán dịch là không thể tính kể. Tâm ba độc này, ở trong chúng nó có những ác nhiều như số cát sông Hằng, ở trong mỗi niệm là một kiếp; như vậy, số cát sông Hằng không thể đếm được, nên nói ba vô số đại kiếp. Tánh chơn như (21) đã bị ba tánh độc hại bao trùm, nếu không có tâm vượt qua ba độc hại nhiều như số cát sông Hằng kia, thì làm sao giải thoát được ? Nay, nếu ai hay chuyển tham lam, giận tức, si mê v.v..., ba tâm độc hại, trở thành ba môn giải thoát (22), như thế gọi là qua được ba vô số đại kiếp.

Chúng sanh trong đời mạt pháp (23) căn tánh ám độn ngu si, không hiểu lời nói bí mật của Đức Phật về ba vô số đại kiếp, rồi nói trần kiếp thành Phật chưa dám nghĩ đến, há không phải là nghi lầm trên con đường tu tiến, làm cho nhiều người thoái tâm bỏ đi sao ?

8) Hỏi: Đại Bồ Tát do trì ba tụ tịnh giới, thật hành sáu pháp ba la mật, mới thành Phật đạo; nay bảo người học, duy chỉ quán tâm, không thật hành giới hạnh, làm sao thành Phật được ?

Đáp: Ba tụ tịnh giới, tức là chế ngự được ba tâm độc hại. Chế ngự ba độc trở thành quy tụ vô lượng việc thiện. Quy tụ có nghĩa là nhóm họp. Vô lượng pháp lành nhóm họp trong tâm. Thế nên gọi là ba tụ tịnh giới. Sáu pháp ba la mật tức là thanh tịnh sáu căn. Tiếng nước Hồ gọi là ba la mật. Chữ Hán gọi là đạt bỉ ngạn, bởi vì sáu căn thanh tịnh không bị nhiễm sáu trần, tức là qua khỏi con sông phiền não, đến bờ bờ đề. Nên gọi là sáu pháp ba la mật.

9) Hỏi: Như trong nhiều bộ kinh đã nói: Ba tụ tịnh giới là: 1/ Thề dứt tất cả điều ác. 2/ Thề làm tất cả điều lành. 3/ Thề độ tất cả chúng sanh. Nay chỉ nói chế ngự ba tâm độc hại như vậy, có trái với văn nghĩa không ?

Đáp: Lời Phật đã nói là chân thật. Đại Bồ Tát, ở đời quá khứ trong khi tu hành, vì đối với ba độc: Tham, sân, si phát ba thề nguyện, giữ gìn tất cả tịnh giới. Đối với tham độc, thề dứt tất cả các điều ác, thường thật hành tất cả việc lành; đối với độc hại của giận tức, thề độ tất cả chúng sanh; nên thường tu con đường trí huệ; đối với độc hại của si mê, nhờ trì giới, định, huệ, ba thứ tịnh pháp này, nên vượt qua ba thứ độc hại để thành Phật đạo. Tiêu trừ hết các ác độc, gọi là 'dứt'. Thường gìn giữ ba tụ tịnh giới, đầy đủ các việc thiện, gọi đó là 'tu'. Hay dứt các việc ác, làm các việc thiện, thì thành tựu được muôn hạnh lành, mình và người đều lợi, giúp nhiều quần sanh, nên gọi là 'giải thoát'. Như thế, ta biết rằng thật hành giới hạnh không xa lìa bản tâm, nếu tâm ta thanh tịnh thì tất cả cõi Phật đều được thanh tịnh. Cho nên trong kinh nói: " Tâm như thì chúng sanh như, tâm sạch thì chúng sanh sạch; muốn được cõi Phật phải thanh tịnh tâm ta, tùy tâm ta thanh tịnh cõi nào, thì cõi Phật thanh tịnh cõi ấy. Ba tụ tịnh giới tự nhiên thành tựu "

10) Hỏi: Như trong kinh đã nói: Sáu pháp ba la mật cũng gọi là lục độ. Ấy là bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Nay nói sáu căn thanh tịnh gọi là ba la mật, để hiểu tổng quát. Lại nữa, sáu độ nghĩa của chúng như thế nào ?

Đáp: Muốn thật hành lục độ, phải thanh tịnh sáu căn, trước nên hàng phục sáu giặc (24). Hay bỏ các giặc trong ánh mắt, xa lìa các cảnh sắc, gọi là bố thí; hay cấm ngăn các giặc về lỗ tai, đối với các tiếng giọng trong đời, không cho buông lung, gọi là trì giới; hay hàng phục giặc của lỗ mũi, phải chế ngự các mùi thơm, tự tại điều nhu, ấy gọi là nhẫn nhục; hay cẩn thận giặc của miệng, không theo các mùi vị, khen, vịnh, giảng nói, gọi là tinh tấn; hay hàng phục giặc trong thân, đối với các sự xúc chạm về sắc dục, như nhiên không lay động, gọi là thiền định; hay điều phục giặc loạn của ý, không thuận theo vô minh, thường tu tập giác huệ, gọi là trí huệ. Lục độ là sáu thứ vận chuyển, sáu ba la mật ví như thuyền bè, hay vận chuyển chúng sanh, đưa sang bờ bên kia. Thế nên gọi là lục độ...

11) Hỏi : Trong kinh nói: Đức Thích Ca Như Lai, khi còn là Bồ Tát đã từng uống ba đấu, sáu thăng sữa cháo nấu nhừ, mới được thành Phật, trước nhờ uống sữa, sau mới chứng quả Phật. Đâu chỉ quán tâm mà được giải thoát ?

Đáp: Thành Phật như thế, lời nói không hư vọng. Phải nhờ uống sữa, sau mới thành Phật. Nói về uống sữa có hai nghĩa : Sự uống sữa của Phật không phải là sữa bất tịnh trong thế gian, mà chính là sữa pháp thanh tịnh; ba đấu là tiêu biểu cho tụ tịnh giới; sáu thăng là để tiêu biểu cho sáu pháp ba la mật. Khi Đức Phật thành đạo, nhờ dùng sữa pháp thanh tịnh như thế, mới chứng quả Phật. Nếu nói Đức Như Lai uống các loại sữa bò, sữa dê bất tịnh hòa hợp trong thế gian, há không phải là điều hủy báng rất sai lầm sao ? Chơn như là gì ? Là tánh kim cương bất hoại của mỗi người, là pháp thân vô lậu, hàng xa lìa tất cả các khổ trong thế gian; đâu cần các loại sữa bất tịnh để giúp sự đói khát. Trong kinh đã nói: Loại bò kia không ở vùng cao nguyên, không ở nơi ẩm thấp, không ăn các loại lúa, ngô tầm thường, không cùng với các loài bò thế gian đồng bầy; thân của loại bò kia có sắc vàng tía. Nói loại bò như thế tức là hiện thân của Phật Tỳ Lô Giá Na (25) (Vairocana Buddha). Vì tâm đại từ bi, thương xót tất cả, nên ở trong pháp thể thanh tịnh lưu xuất ra sữa pháp nhiệm màu, ấy là ba tụ tịnh giới cùng sáu pháp ba la mật để nuôi dưỡng tất cả những ai cầu giải thoát. Bò chơn tịnh như thế, sữa pháp chơn tịnh, chẳng những Như Lai uống sữa pháp ấy thành đạo, mà là tất cả chúng sanh, nếu người nào uống được sữa ấy đều chứng đặng bậc Vô Thượng Chánh Đẳng, Chánh Giác (26) (Anuttara Samyaksambodhi).

12) Hỏi: Trong kinh đã nói: Đức Phật dạy chúng sanh kiến thiết chùa tháp, đúc vẽ hình tượng, đốt hương, rải hoa, thấp đèn, ngày đêm sáu thời, nhiều tháp, hành đạo, ăn chay, lễ lạy, gieo trồng các công đức, đều thành Phật đạo; nếu duy quán tâm, nhiếp chung các hạnh, nói như thế có đồng như hư không chăng ?

Đáp: Đức Phật đã dạy trong kinh, có vô lượng phương tiện, bởi vì tất cả chúng sanh đa số là độn căn, hạ liệt, không ngộ được nghĩa lý sâu xa, do đó phải nương theo pháp hữu vi, dụ cho vô vi. Nếu không thật hành bên trong, chỉ lo hưởng ngoại tìm cầu, hy vọng để được phước, thì không hợp với lý đạo giải thoát. Chùa tháp, Tự Viện, Tàng Lâm là những nơi

thanh tịnh. Những chốn để diệt trừ ba thứ độc hại, thường thanh tịnh sáu căn, thân tâm an nhiên, trong ngoài sáng sạch. Ấy gọi là Chùa tháp, Từ Viện, Tùng Lâm.

Đúc vẽ hình tượng để làm gì ? Để cho tất cả chúng sanh nương theo gương sáng ấy cầu Phật đạo; bởi vì thật hành các hạnh giác ngộ, giống như diệu tướng chơn dung Như Lai, đâu phải chỉ đúc vẽ hình tượng để cúng bái. Thế nên, người cầu đạo giải thoát phải lấy thân làm lò, lấy giáo pháp làm lửa, lấy trí huệ làm thợ chuyên môn, ba tụ tịnh giới, sáu pháp ba la mật dùng làm khuôn mẫu, rèn luyện Phật tánh (27) chơn như trong thân, đưa vào tất cả trong mô hình giới luật, đúng theo giáo pháp phụng hành, không cho thiếu sót một điểm nào, tự nhiên thành tựu hình tượng chơn dung. Đó là sắc thân vi diệu rất ráo thường trú, không phải là pháp hữu vi bại hoại. Nếu người cầu đạo giải thoát, không hiểu lý đạo như thế, cứ đúc vẽ chơn dung Phật, Bồ Tát rồi cầu công đức, đâu có được !

Đốt hương để làm gì ? Đây không phải là hương có hình tượng trong thế gian mà là hương chánh pháp vô vi (28), xông trừ tiêu diệt các xú uế nghiệp ác vô minh. Hương chánh pháp như thế nào ? Có năm thứ: Một là giới hương, nghĩa là hay dứt các việc ác, hay thật hành các việc lành. Hai là định hương, nghĩa là tin sâu đại thừa, tâm không bao giờ thoái chuyển. Ba là huệ hương, nghĩa là đối với thân tâm, thường quán sát bên trong của mình. Bốn là giải thoát hương, nghĩa là hay đoạn tất cả dây vô minh trói buộc. Năm là giải thoát tri kiến hương, nghĩa là quán sát chiếu soi thường sáng suốt, thông đạt không ngăn ngại. Năm thứ hương như thế, gọi là hương tối thượng, trong thế gian không có thứ hương nào so sánh được. Khi Đức Phật còn tại thế, thường bảo các đệ tử dùng lửa trí huệ, đốt các hương vô giá ấy, cúng dường lên mười phương các Đức Phật. Chúng sanh đời nay không hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, chỉ đem lửa bên ngoài thiêu đốt các thứ hương trầm đàn, huân lục có ướp chất thơm, hy vọng cầu phước báo, làm sao có thể được ?

Việc rải hoa cúng Phật, nghĩa cũng như vậy, nghĩa là thường giảng chánh pháp, nói các hoa thơm công đức, làm lợi ích chúng hữu tình, rải thấm tất cả, đối với tánh chơn như, khắp thí trang nghiêm. Hoa công đức này các Đức Phật thường khen ngợi, rất ráo thường trú, không bao giờ héo rụng. Nếu có ai rải hoa như thế, đặng phước vô lượng. Nếu nói Như Lai bảo chúng sanh cắt rọc lụa tơ làm tổn thương cây cối hoa lá để mà rải cúng dường, thật là vô lý. Vì sao ? Bởi vì người tri tịnh giới đối với sum la vạn tượng của trời đất, của thiên nhiên, không nên xúc phạm. Ai mà lầm lẫn xúc phạm, bị tội rất nặng, huống là ngày nay ai cố ý hủy phạm tịnh giới, làm hại muôn vật để mà cầu phước báo, muốn lợi ích cho mình mà tổn giảm đến vật khác thì đâu nên ?

Thắp đèn cúng Phật có ý nghĩa gì ? Tức là tâm chánh giác vậy. Dùng sự giác ngộ rõ ràng dụ đó là đèn; Thế nên, tất cả ai muốn cầu giải thoát phải dùng thân mạng làm đài của đèn, tâm làm tim đèn, làm tăng trưởng các giới hạnh như chế thêm dầu; trí tuệ sáng suốt, dụ như yển sáng của đèn. Người tu phải đốt đèn chơn chánh giác ngộ như thế để chiếu phá tất cả vô minh si ám, thường dùng pháp này khai thị chuyển tướng, tức là một ngọn đèn, nối tiếp thắp lên trăm nghìn ngọn đèn, mỗi ánh đèn tiếp nối vô cùng tận. Thế nên gọi là yển sáng đèn trường cửu. Thuở đời xưa có Đức Phật, hiệu là Nhiên Đăng (Dipamkara Buddha), nghĩa lý cũng như thế. Chúng sanh ngu si, không thể lãnh hội lời nói phương tiện của Như Lai, chuyên thật hành hư vọng, chấp trước các việc làm hữu vi, bèn đốt những loại dầu thế gian, để soi trong nhà trống, rồi xưng là y giáo, há không phải sai lầm sao ? Vì có sao ? Vì Đức Phật phóng một tướng hào quang giữa chân mây, chiếu sáng một muôn tám nghìn thế giới, đâu cần nhờ các đèn dầu để làm sáng suốt cho chúng sanh. Xét kỹ lý này rất là đúng.

Còn đêm ngày sáu thời hành đạo là như thế nào ? Nghĩa là trong sáu căn, ở trong tất cả thế gian, thường thật hành Phật đạo, tu các hạnh giác ngộ, điều phục sáu căn, thời gian lâu dài không nên bỏ bê. Ấy gọi là sáu thời.

Nhiều tháp hành đạo có ý nghĩa gì ? Tháp là chỉ cho thân tâm, phải khiến tuệ giác tuần nhiều thân tâm, mỗi niệm không dừng nghỉ. Gọi đó là nhiều tháp. Các vị thánh đời quá khứ đều thật hành con đường ấy nên đạt được niết bàn. Người đời nay, không lãnh hội ý này, không chịu thật hành bên trong của mỗi người mà chỉ chấp trước tìm cầu bên ngoài; đem thân bất tịnh nhiều tháp thế gian, ngày đêm tuần hành, mang lại nhiều sự mệt mỏi; đối với chơn tánh, không lợi ích gì cả.

Lại nữa ăn chay có ý nghĩa gì ? Cần phải lãnh hội ý chánh, không thông lý chánh, việc làm luống công. Chũ chay là chính trực, nghĩa là giữ gìn thân tâm chân chánh, không cho tán loạn. Chũ ăn đây có nghĩa là thu thập, giữ gìn, hộ trì các giới hạnh, đúng như pháp mà hộ trì, quyết phải ngăn cấm sáu trần bên ngoài, chế ngự ba thứ độc hại bên trong, siêng năng cảnh giác, giữ gìn thân tâm thanh tịnh. Rõ nghĩa như thế, gọi là ăn chay. Lại nữa ăn chay có năm cách: Một là ăn pháp hỷ, nghĩa là y theo chánh pháp giữ gìn, luôn hoan hỷ phụng hành. Hai là ăn thiền duyệt, nghĩa là trong ngoài yên lặng, thân tâm thơ thới nhẹ nhàng. Ba là ăn chánh niệm, nghĩa là thường giữ chánh niệm các đức Phật, tâm cùng miệng tương ứng. Bốn là ăn thiện nguyện, nghĩa là đi, đứng, nằm, ngồi thường cầu nguyện lành. Năm là món ăn giải thoát, nghĩa là tâm thường thanh tịnh, không nhiễm ô các trần tục. Năm thứ ấy, gọi là ăn chay. Nếu lại có người không ăn năm thứ tịnh thực như thế, tự nói ăn chay (trì trai) không có nghĩa lý vì chỉ đoạn hết đồ ăn vô minh mà thôi. Nếu ai xúc phạm năm thứ đã nói trên thì gọi là phá trai, không ăn chay. Nếu phá thì làm sao được phước ? Đời nay có nhiều người mê, không tỏ ngộ đạo lý trên, thân tâm buông lung, các việc ác đều làm; buông lòng ham muốn, không sanh tâm hổ thẹn, chỉ dứt thức ăn cá thịt bên ngoài, tự cho là ăn chay, chắc chắn không bao giờ có việc ấy.

Việc lễ lạy như thế nào ? Nên đúng như pháp mà làm, cần phải lý thể sáng suốt bên trong, sự theo quyền biến, lý phải thật hành đúng cách, lãnh hội được nghĩa như thế, mới gọi là y pháp. Nói về chũ lễ, nghĩa là tôn kính; chũ lạy là phục tùng. Tức là cung kính chơn tánh, chuyển dẹp vô minh, gọi là lễ lạy. Nếu ai thường dứt lòng ác, hằng giữ niệm lành, mặc dù

không hiện tướng trạng, gọi đó là lễ lạy. Tướng kia tức là pháp tướng. Đức Thế Tôn muốn cho người đời tiêu biểu lòng khiêm tốn, cũng là việc lễ lạy; nên chỉ cách khuất phục thân bên ngoài, để chỉ cho sự cung kính bên trong. Sự lễ bái bên ngoài để làm sáng tỏ bên trong, tánh tướng được tương ứng. Nếu không thật hành lý pháp, chỉ chấp cách thức bên ngoài, trong thì phóng túng sân, si, thường bị nghiệp xấu, ngoài thì luống nhọc thân tướng, dối hiện oai nghi, không hổ thẹn với thánh nhơn, cuồng tâm với phàm tục, không tránh khỏi nẻo luân hồi, đâu thành công đức.

13) Hỏi: Như trong kinh Ôn Thất nói: Nơi để chúng tăng tắm gội, đặng phước vô lượng. Thế thì nhờ nơi pháp sự (29), công đức mới thành, nếu chỉ quán tâm có thể tương ứng được không ?

Đáp: Chúng tăng tắm gội là như thế nào ? Không phải việc tắm gội hữu vi thế gian. Đức Thế Tôn một hôm nọ, vì các đệ tử, nói kinh Ôn Thất. Vì muốn chúng tăng thọ trì pháp tắm gội, cố ý mượn việc thế gian để tỷ dụ cho chơn tôn (30), ẩn nói bảy việc công đức cúng dường.

Thế nào là bảy việc ? Một là nước mát; hai là nước nóng; ba là bột đậu để tắm; bốn là nhánh dương; năm là tro sạch; sáu là dầu tô cao (31); bảy là áo lót trong. Đem bảy pháp này thí dụ cho bảy việc. Tất cả chúng sanh do bảy pháp này, tắm gội sạch sẽ, hay dứt trừ tâm ác độc vô minh cấu uế.

Bảy pháp ấy là: Một là lấy tịnh giới rửa sạch các lỗi quấy, cũng như nước sạch rửa các bụi nhơ. Hai là trí huệ quán sát trong ngoài, cũng như đem lửa nấu nước, nước mới nóng. Ba là phân biệt chọn bỏ các điều ác, cũng như bột đậu, tắm rửa sạch các chất mồ hôi dơ trong người. Bốn là chơn thật đoạn các vọng tưởng, cũng như nhấm cành dương, sạch sẽ trong miệng, hơi bay thơm tho. Năm là chánh tín quyết định không nghi, cũng như tro sạch xoa trong thân thể hay trừ các gió độc. Sáu là nhu hòa nhẫn nhục, cũng như chất dầu tô cao, thông nhuận da thúá. Bảy là hổ thẹn ăn năn các nghiệp xấu, cũng như áo trong ngăn che các hình thể xấu xa. Như bảy pháp trên là những nghĩa bí yếu trong kinh.

Đức Như Lai, lúc bấy giờ, vì các hàng đại thừa lợi căn mà nói, chớ không phải vì hàng tiểu trí, hạ liệt, phàm phu. Do đó người đời nay không thể giải ngộ. Nói ôn thất tức là chỉ cho thân ta. Bởi vì đốt lửa trí tuệ, sưởi ấm tịnh giới, tắm gội trong thân. Phật tánh chơn như (32), thọ trì bảy pháp, để trang nghiêm cho mình.

Lúc ấy có vị tỳ kheo (Bhikshu) thông minh thượng trí, đều tỏ ngộ ý Phật, y theo lời dạy tu hành, thành tựu công đức, đồng lên quả Phật.

Chúng sanh đời nay, không hiểu thấu đáo việc trên, đem nước thế gian, tắm gội cái thân xác thịt, tự nói y theo kinh dạy, thật là lầm lẫn. Hơn nữa Phật tánh chơn như, không phải là hình tướng phàm phu đầy trần cấu phiền não, xưa nay vốn không tướng trạng, đâu nên đem nước thế gian, tắm gội thân vô vi (33) ? Sự việc như thế là không tương ứng, làm sao ngộ được đạo ? Nếu ai muốn thân thanh tịnh, phải quán thân này, gốc của nó là nhơn tham dục, chỗ sinh ra không thanh tịnh, trong ngoài đầy dẫy các thú hôi thối nhớp nhơ. Nếu tắm gội thân này cầu cho thanh tịnh, cũng giống như đào hết đất mới được sạch. Lấy đây mà nghiệm xét, tất nhiên biết rõ tắm gội bên ngoài không phải là lời ý của Phật nói.

14) Hỏi: Trong kinh nói: Chỉ tâm niệm Phật, quyết được vãng sanh cõi tịnh phương tây. Theo một môn này liền được thành Phật, đâu cần gì phải nhờ sự quán tâm, cầu sự giải thoát ?

Đáp: Luận về người niệm Phật, cần phải chánh niệm. Rõ nghĩa là chánh, không rõ nghĩa là tà. Chánh niệm quyết định vãng sanh, tà niệm làm sao đạt đạo ? Phật là giác ngộ, có chỗ nói là giác sát thân tâm (34), chớ cho khởi niệm ác. Chủ niệm là nhớ nghĩ, tức là nghĩ nhớ hạnh nguyện trì giới không quên, tinh tấn chuyên cần. Nghĩa như thế gọi là niệm.

Thế nên biết rằng niệm ở trong tâm, không phải ở nơi lời nói. Nhờ nôm mới bắt được cá, khi được cá rồi phải quên nôm. Nhờ lời nói tìm ý, được ý rồi phải quên lời nói. Đã xưng danh là niệm Phật thì phải biết con đường niệm Phật. Nếu tâm không thật, miệng niệm danh hiệu suông, ba thú độc hại bên trong cứ phát khởi dễ dàng, nhơn, ngã đây bụng, đem tâm vô minh làm sao thấy Phật tánh, phí công vô ích.

Thế nên biết rằng, tụng cùng với niệm nghĩa lý khác xa. - nơi miệng thì gọi là tụng, ở nơi tâm thì gọi là niệm. Vì thế biết rằng: Niệm là từ tâm mình phát khởi, gọi là pháp môn giác hạnh. Tụng ở trong miệng, tức là cái tướng của tiếng giọng, chấp tướng cầu lý, không bao giờ được. Thế nên biết rằng chỗ tu của các Đức Phật đời xưa quá khứ đều chẳng phải là lý thuyết bên ngoài, mà lúc nào cũng quán tâm. Túc tâm là nguồn của muôn hạnh lành. Túc tâm là chủ của muôn công đức. Niết bàn thường vui, là do dứt hết vọng tâm. Luân hồi trong ba cõi đều do vọng tâm phát khởi. Tâm là cửa ngõ một đời. Tâm là cổng tam quan giải thoát (35). Người biết rõ cửa ngõ thì đâu lo gì khó vào nhà giải thoát. Kẻ biết được cổng tam quan thì lo gì không thông suốt được mười pháp giới (36).

Nhìn thấy người đời nay hiểu biết quá nông cạn, chỉ biết sự tướng là công lao, phung phí tiền của, phần nhiều làm khổ đau cho các loài dưới nước trên bờ; vọng tạo hình tượng cho đẹp, bắt nhơn công phải làm, chọn gỗ tốt, ciment quý, sơn son vẽ lục, hết lòng hết dạ, tổn hao của mình, mê mẩn đến người; chưa biết hổ thẹn, thì làm sao nhận được giác tri. Thấy việc hữu vi thì siêng năng ái trước, nói đến vô tướng thì khù khờ như mê. Ham lo việc tử thiện nhỏ hiện đời, đâu biết đó là khổ lớn cho tương lai.

Những người tu học như thế, luống uổng công lao, bỏ chánh trở về tà, nói cần là được phước. Hành giả phải luôn nhiếp tâm chiếu kiến bên trong, giác ngộ quán sát bên ngoài cho sáng suốt. Dứt trừ ba thú độc hại, hàng tiêu diệt chúng, đóng chặt sáu giác (37) không cho xâm lấn; tự nhiên có công đức nhiều như số cát sông Hằng, nhiều thú trang nghiêm vô số pháp môn, mỗi pháp đều thành tựu. Siêu phàm chúng Thánh, trước mắt không xa. Ngộ ở trong giây phút, đâu có phiền gì phải cúi đầu.

Bí quyết trong cửa đạo, làm sao nói cho hết ? Lược thuật quán tâm, sáng tỏ phần nào, nói thêm bài kệ:

" Ta vốn cầu tâm, tâm tự tại,
Cầu tâm không thấu, đợi biết tâm,
Phật tánh không từ ngoài tâm được
Khi vọng tâm sanh là tội sanh.
Ta vốn cầu tâm, không cầu Phật,
Rõ biết ba cõi không một vật,
Nếu muốn cầu Phật, phải cầu tâm,
Chỉ tâm ấy, tâm tâm là Phật ".
Dịch xong ngày 01-07-1992

Luận Tối Thượng Thừa

Luận về bản thể tu hành làm đạo, cần phải biết rõ thân này. Tâm thì xưa nay thanh tịnh, không sanh không diệt, không có phân biệt, tự tánh tròn đầy. Tâm thanh tịnh, ấy là bản sư (1), mà cũng chính là thắng niệm của các đức Phật trong mười phương.

1) Hỏi : Làm sao biết được tâm mình xưa nay thanh tịnh ?

Đáp: Trong Kinh Thập Địa nói : Trong thân chúng sanh có Phật tánh kim cương, cũng như vàng mặt trời, thể yển sáng tròn đầy, rộng lớn vô biên, chỉ vì mây đen năm ấm (2) che tối, như đèn sáng để ở trong bình, không thể nào chiếu ánh sáng ra ngoài. Ví như mây mù trong thế gian, tâm hướng đều phát khởi, che tối trong thiên hạ, thì mặt trời đâu có chiếu sáng được. Có sao không sáng ? Thật ra ánh sáng vốn không hoại, chỉ vì mây mù che tối, tất cả chúng sanh tâm thanh tịnh, cũng lại như thế. Chỉ vì vin theo vọng niệm các kiến chấp (3) phiền não, mây đen che phủ, chỉ phải ngưng nhiên giữ gìn tâm trí, một vọng niệm không sanh, pháp niết bàn (4) tự nhiên hiển hiện. Thế nên biết chắc tâm mình xưa nay thanh tịnh.

2) Hỏi: Làm sao biết tâm mình xưa nay không sanh không diệt ?

Đáp : Kinh Duy Ma nói : 'Nhu' không có sanh; 'Nhu' không có diệt. 'Nhu' là Phật tánh chơn nhu, tánh nó thanh tịnh. Thanh tịnh là nguồn của tâm. Chơn như sẵn có, không phải theo duyên sanh. Lại nữa, Kinh nói: Tất cả chúng sanh đều 'nhu', các vị hiền thánh cũng 'nhu'; Tất cả chúng sanh là nói đến chúng ta; còn nói hiền thánh là chỉ cho các đức Phật. Danh tướng mặc dù khác, trong thân pháp tánh chơn như (5) đều đồng không sanh, không diệt. Thế nên nói đều 'nhu'. Vì vậy, nên biết chắc tâm mình xưa nay không sanh không diệt.

3) Hỏi : Thế nào gọi là tâm mình làm bản sư ?

Đáp: Chơn tâm này tự nhiên sẵn có, không từ bên ngoài đến, không nhờ tu mới có. - trong ba đời, chỗ chí thân nhứt không gì hơn tự giữ gìn cái tâm. Nếu ai biết rõ tâm, giữ gìn nó thì đến bờ bên kia, ai mê muội tâm, bỏ nó thì đọa lạc trong ba đường khổ (6). Thế nên biết rằng các đức Phật trong ba đời dùng tâm mình làm bản sư. Cho nên trong luận nói : "An nhiên giữ tâm, thì vọng niệm không phát khởi, chắc chắn được vô sanh pháp nhãn". Thế nên đủ biết tâm là Bản Sư, tức là ông thầy căn bản của mỗi người.

4) Hỏi : Thế nào gọi là tâm mình hơn pháp niệm Phật kia ?

Đáp : Thường niệm đức Phật kia, không khởi sự sanh tử; giữ gìn bản tâm ta thì đến được bờ bên kia. Kinh Kim Cương nói: " Nếu lấy sắc thấy ta, dùng tiếng giọng cầu ta, người ấy làm hạnh tà, không thể thấy Như Lai". Thế nên, nói: Giữ gìn bản chơn tâm, hơn niệm đức Phật khác. Kinh lại nói: "Thắng hơn chỉ là lời khuyên người tu hành, chớ sự thật thì kết quả rất ráo bình đẳng không hai".

5) Hỏi : Chúng sanh cùng Phật chơn-thể đã đồng, có sao chư Phật không sanh không diệt, thọ vô lượng khoái lạc, tự tại vô ngại, còn chúng ta, chúng sanh đọa trong đường sanh tử, chịu không biết bao nhiêu là khổ ?

Đáp : Các đức Phật trong mười phương ngộ đạt pháp tánh, tự nhiên chiếu sáng nơi nguồn tâm; vọng tưởng không sanh, chánh niệm chẳng mất, tâm ngã sở (8) diệt, nên không sanh tử. Vì không sanh tử, tức rất ráo tịch diệt. Như thế biết rằng muôn sự an vui tự có. Tất cả chúng sanh mê mờ chơn tánh, không biết bản tâm, các thứ vọng duyên nộ trị, không giữ được chánh niệm, liền có vọng tâm thương, ghét, nổi lên. Vì có thương ghét, nên tâm khí phá hoại, tâm khí đổ vỡ liền có sanh tử; có cảnh sanh tử, thì các việc khổ tự hiện. Kinh Tâm Vương nói : "Phật tánh chơn như chìm trong tri kiến; trong biển sáu thức, chìm đắm sanh tử, không được giải thoát". Nỗ lực lãnh hội gìn giữ chơn tâm căn bản, vọng niệm không sanh, tâm ngã sở tận diệt, tự nhiên cùng với Phật bình đẳng không hai ,

6) Hỏi : Chơn như pháp tánh, đồng một không hai; mê thì cùng mê, ngộ thì cùng ngộ. Có sao Phật thì tánh giác, chúng sanh bị hôn mê, vì có sao như thế ?

Đáp : Từ đây vào phần bất tư nghi (9), chẳng phải tâm phàm hiểu thấu; biết tâm liền ngộ, loạn tánh nên mê, duyên hợp thì tụ, nói không thể cùng; chỉ tin chơn đế (10), giữ bản tâm mình. Nên Kinh Duy Ma nói : "Không có tự tánh, không có tha tánh, pháp trước không sanh, nay tức không diệt". Ngộ được điểm này, tức lìa hai bên, vào được vô phân biệt trí (11). Nếu

hiểu nghĩa này, thật hành pháp cốt yếu, giữ gìn tâm luôn luôn. Giữ gìn tâm này, chính là căn bản của niết bàn, là yếu môn nhập đạo, là tôn chỉ của mười hai phần giáo, mà cũng là vị Tổ Sư của các đức Phật trong ba đời.

7) Hỏi : Làm sao biết được giữ bản chơn tâm là căn bản của niết bàn ?

Đáp : Niết bàn là gì ? Thế niết bàn là tịch diệt, vô vi an lạc; tâm ta đã là chơn tâm, vọng tưởng đoạn hết thì đủ chánh niệm; vì đủ chánh niệm, tịch chiếu trí bát nhã sanh, vì tịch chiếu trí sanh, thông suốt pháp tánh, vì thông suốt pháp tánh, nên được niết bàn. Thế nên biết chắc giữ gìn bản chơn tâm là căn bản của niết bàn.

8) Hỏi : Làm sao biết được giữ bản chơn tâm là yếu môn nhập đạo ?

Đáp : Cho đến chỉ dùng ngón tay vẽ hình tượng Phật, hoặc tạo công đức nhiều như số cát sông Hằng; chỉ vì đức Phật muốn hướng dẫn chúng sanh kém trí tuệ, tạo nghiệp thặng báo cho tương lai, và như đó thấy Phật. Nếu vị nào muốn tự mình sớm được thành Phật, phải lãnh hội, giữ gìn bản chơn tâm. Các đức Phật trong ba đời, vô số vô biên, nếu có một vị nào không giữ gìn chơn tâm mà đặng thành Phật thì không bao giờ có. Cho nên trong Kinh nói : "Giữ tâm một chỗ, không việc gì chẳng làm xong". Vậy biết giữ gìn bản chơn tâm là yếu môn vào đạo vậy.

9) Hỏi : Làm sao biết được giữ gìn bản chơn tâm là tôn chỉ của mười hai phần giáo?

Đáp : Đối với trong tất cả kinh điển, Như Lai thường nói về tội phước, tất cả nhân duyên quả báo, hoặc dẫn tất cả núi sông đất liền cỏ cây, nhân vật v.v... các thú vật tạp, phát khởi vô lượng vô biên thí dụ, hoặc hiện vô số thần thông, các thú biến hóa, chỉ vì đức Phật dạy bảo cho chúng sanh nào kém trí huệ, có nhiều tâm tham muốn, tâm hạnh ngàn sai muôn khác. Thế nên đức Như Lai theo tâm muốn của chúng sanh dẫn vào nhứt thừa (12). Ta đã nhận biết Phật tánh chúng sanh, xưa nay thanh tịnh, như mây ở dưới mặt trời; chỉ phải hiểu rõ gìn giữ bản chơn tâm, thì mây mù vọng niệm sẽ hết, mặt trời trí huệ liền hiện; cần gì phải học nhiều, hiểu biết rộng mới dứt được khổ sanh tử. Tất cả nghĩa lý và những việc trong ba đời, ví như lau gương, bụi hết, yếm sáng tự nhiên hiện. Nhưng nay ở trong tâm vô minh, học được những gì, khó mà liễu ngộ. Nếu ai an nhiên không mất chánh niệm, học được những gì trong tâm vô vi, mới là chơn học. Tuy nói chơn học, rốt ráo không có gì đáng học; Vì sao ? Bởi vì ta và niết bàn, cả hai đều không có thật. Lại nữa, không hai mà cũng chẳng có một, nên thường nói là 'vô sở học' (13).

Pháp tánh mặc dù không, nhưng cần phải liễu ngộ giữ gìn bản chơn tâm; vọng niệm không sanh, tâm ngã sở mới diệt. Nên trong kinh Niết Bàn nói : "Ai mà rõ biết Phật không thuyết pháp. Ấy là người đầy đủ đa văn". Thế nên, biết rằng giữ gìn bản chơn tâm là tôn chỉ của mười hai bộ kinh (phần giáo).

10) Hỏi : Làm sao biết được giữ gìn bản chơn tâm là tổ của các đức Phật trong ba đời ?

Đáp : Các đức Phật trong ba đời đều từ trong tâm tánh sanh ra. Trước giữ gìn chơn tâm, vọng niệm không sanh khởi, tâm ngã sở diệt, sau được thành Phật. Thế nên biết rằng giữ gìn chơn tâm là tổ của các đức Phật trong ba đời.

Từ trước đến đây có bốn câu hỏi và trả lời thật là xác đáng, nếu muốn giảng rộng ra thì không cùng tận. Tôi nay hy vọng quý vị biết được bản tâm của mình là Phật, thế nên ân cần khuyến khích quý vị. Ngàn Kinh muôn Luận không qua được sự giữ gìn bản chơn tâm là cốt yếu nhứt. Xét kỹ trong Kinh Pháp Hoa chỉ cho quý vị các vật trọng yếu, như là vị thuốc thần diệu, ngọc minh châu v.v...chứa trong xe báu lớn, các vị không tự lấy, không chịu uống dùng. Đau khổ làm sao ! Ai mà lãnh hội, vọng niệm ấy không sanh, tâm ngã sở diệt, tất cả công đức, tự nhiên tròn đầy, không nhờ sự tìm cầu bên ngoài, mới dứt được khổ sanh tử. Đối với tất cả chỗ, chánh niệm xét tâm, chớ nên ưa mến hiện tại, trông gốc khổ cho tương lai, mình khùng rồi làm cho kẻ khác khùng theo, khó thoát khỏi con đường sanh tử.

Gắng sức ! gắng hết sức ! Nay tuy vô thường, cùng tạo như thành Phật trong tương lai, chớ khiến ba đời luống dối, uổng mất công phu. Trong Khế Kinh nói : "Thường ở trong địa ngục như dạo xem vườn hoa, sống trong đường ác khác, như ở nhà của mình". Chúng ta cùng chúng sanh, hiện nay là như thế, nhưng không hiểu không biết, sợ hãi khùng khiếp, rõ ràng không ra khỏi vọng tâm. Lạ thay ! khổ thay ! Nếu vị nào sơ tâm học tọa thiền, y theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, ngồi đơan trang chánh niệm, nhắm mắt ngậm miệng, giữ tâm bình thị, gần xa tùy ý, khởi tưởng mặt trời, giữ gìn chơn tâm, mỗi niệm chớ trụ, khéo điều hòa hơi thở. Chớ để hơi thở loạn động, vừa thô vừa tế, làm cho người trở thành bệnh khổ. Ban đêm khi ngồi thiền, hoặc thấy tất cả cảnh giới lành dữ, hoặc vào các chánh định xanh, vàng, đỏ, trắng v.v..., hoặc thấy trong thân lưu xuất yếm sáng, hoặc thấy thân tướng Như Lai, hoặc thấy các thú biến hóa; chỉ biết nhiếp tâm, chớ nên chấp trước, đều do vọng tưởng mà thấy, toàn là tướng không.

Khế Kinh nói : "Cõi nước mười phương đều như hư không, ba cõi huyền hóa, chỉ do nhứt tâm tạo tác (14)". Nếu không được định, không thấy các cảnh giới, cũng không có chi làm lạ. Chỉ trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, thường liễu nhiên giữ gìn bản chơn tâm. lãnh hội thì vọng niệm không sanh, tâm ngã sở đoạn diệt. Tất cả muôn sự vật không ra ngoài tâm mình. Do đó các đức Phật giảng rộng, cho nhiều lời dạy, lời thí dụ, chỉ vì chúng sanh thật hành không đồng, nên khiến giáo môn sai khác. Kỳ thật, tám muôn bốn ngàn pháp môn, ba thừa (15), vị-thể của bát chánh đạo (16), bảy mươi hai tông Hiền Hạnh (17), đều lấy tâm mình làm căn bản. Nếu ai tự biết bản tâm, mỗi niệm rèn luyện, người nào không trụ trước, thì người đó tự thấy Phật tánh. - trong mỗi niệm, thường cúng dường các đức Phật trong mười phương nhiều như số cát sông Hằng. Mười hai phần giáo (12 bộ Kinh), mỗi niệm thường chuyển. Nếu ai rõ tâm này vốn là tất cả tâm nghĩa tự hiện, tất cả bốn nguyện đầy đủ, tất cả công hạnh tròn đầy, mọi việc đều giải quyết xong, không còn thọ thân hậu hữu (18). Lãnh hội được như thế thì vọng niệm không sanh, tâm ngã sở đoạn diệt, bỏ báo thân này rồi, quyết định được vô sanh pháp nhẫn (19), không thể nghĩ bàn.

Ta phải nỗ lực nhận chân, chớ nên tạo tác nghiệp nhơn, như thế là lời nói chân thật, không vọng, khó mà nghe được lời quý báu ấy, nghe rồi thật hành ngay, trong số nhiều như cát sông Hằng, chỉ được một hai. Thật hành rồi, đến được đích, trong muôn ức kiếp, hiếm có chỉ một vài người. Tốt đẹp tự an tự tịnh, ai mà khéo điều phục các căn, chính là thấy được nguồn tâm, thường khiến soi sáng thanh tịnh, chớ cho tâm vô-ký phát sanh .

11) Hỏi : Thế nào gọi là tâm vô-ký ?

Đáp : Các người nhiếp tâm, vì duyên cảnh bên ngoài, dứt được ít tâm thô, trong luyện chơn tâm. Khi tâm chưa thanh tịnh, trong sự đi, đứng, nằm, ngồi, thường gạn ý, theo dõi tâm, chưa được rõ ràng thanh tịnh, riêng chiếu nguồn tâm. Ấy gọi là tâm vô-ký, cũng gọi là lậu tâm, chưa ra khỏi đại định sanh tử, không giữ gìn chơn tâm, vị ấy chìm đắm trong biển khổ sanh tử, không biết chừng nào ra khỏi. Thật đáng thương xót, phải gắng sức siêng tu.

Trong Kinh nói : "Chúng sanh nếu tình thật không phát được bên trong, thì dù ở trong ba đời gặp được các đức Phật, nhiều như số cát sông Hằng cũng khó mà giác ngộ". Khế Kinh đã nói : "Chúng sanh biết được tâm mình rồi tự độ, các đức Phật không thể độ được chúng sanh" Nếu Phật độ được chúng sanh, thì các đức Phật đời quá khứ vô lượng, như số cát sông Hằng, có sao chúng sanh không được độ thành Phật ? Chỉ là sự thật không tự phát minh bên trong tâm thức, nên bị chìm đắm nơi biển khổ. Gắng sức ! gắng hết sức ! Siêng tìm bản chơn tâm, chớ cho vọng lậu. Quá khứ không biết đã trôi qua, nhưng quan trọng nơi thân hiện tại, gặp được thầy tổ, nghe được diệu pháp, phân-minh khuyến khích nhau, quyết hiểu rõ lời nói, liễu đạo biết được chơn tâm. Ấy là con đường đạo thứ nhất.

Ai không chịu phát tâm chí thành, cầu nguyện thành Phật, để mà được tự tại khoái lạc, mà cứ chạy theo thế tục, ham cầu danh lợi, tương lai sẽ đọa trong đại địa ngục, chịu nhiều sự khổ não, làm sao cứu cho kịp. Làm sao ? Làm sao? Gắng sức! Cố gắng hết sức ! Chỉ phải mặc áo thô, ăn cơm hẩm, liễu nhiên giữ gìn bản chơn tâm, giả vờ không hiểu lời nói, nhưng tinh thần rất tỉnh, dùng năng lực cho được công hiệu, ấy là người đại tinh tấn. Người mê trong thế gian, không hiểu rõ lý này, ở trong tâm vô minh, trải qua nhiều sự gian truân, rộng làm các tướng thiện, trông mong được giải thoát; ấy chính là trở về con đường sanh tử. Nếu liễu ngộ, không mất chánh niệm, mà vẫn độ được chúng sanh, ấy là Bồ Tát có sức lực. Phân minh lời nói đến các vị phải giữ gìn bản tâm thứ nhất.

Nếu ai không siêng năng giữ gìn bản tâm là hạng người rất si mê. Hiện tại một đời không chịu nhẫn khổ, muốn tương lai muôn kiếp chịu tai ương, thật không biết quý vị ấy thuộc về hạng người nào ? Ai mà bị tám ngọn gió (20) thổi không lay động, thì vị đó giống như núi trân bửu. Nếu ai biết quả thể (21), chỉ đối với muôn cảnh vật khởi diệu dụng nhiều như cát sông Hằng, biện luận khôn khéo như nước chảy, tùy theo bệnh mà cho thuốc, ngăn chặn không cho vọng niệm phát sanh, tâm ngã sở đoạn diệt, ấy là bậc thượng phu xuất thế. Như Lai lúc sanh tiền khen ngợi những bậc người trên. Tôi nói lời này, chí tâm khuyên các vị, chớ nên sanh vọng niệm, tâm ngã sở chấm dứt, ấy là bậc đại sĩ xuất trần.

12) Hỏi : Làm thế nào diệt tâm ngã sở ?

Đáp : Vì có tâm quá nhỏ hẹp cần phải thắng nó, tự nghĩ ta phải làm như thế, vì tâm ngã sở là bệnh trong niết bàn. Trong Kinh Niết Bàn nói : "Vị như hư không, bao dung muôn sự vật, nhưng hư không này không tự nghĩ nói ta hay bao dung như thế". Đây là dụ cho tâm ngã sở diệt, đến chánh định Kim Cang (Vajra- Samadhi) (22).

13) Hỏi : Các người tu hành cầu chơn thường tịch diệt, chỉ ưa thiện thô sơ vô thường trong thế gian, không thích thiện chơn thường màu nhiệm của đệ nhất nghĩa đế (23). Lý kia chưa nhận định, chỉ muốn phát tâm duyên nghĩa, liền nghĩ, tâm giác ngộ phát khởi, thì đó là lậu tâm (24); chỉ muốn quên tâm, thì bị hôn trú vô minh. Lại không đúng lý, chỉ muốn chẳng dùng, tâm không duyên nghĩa, tức là ác chấp không, mặc dù thọ thân người, thường làm hạnh phúc sanh; lúc bấy giờ không có phương tiện định lực, nhưng cũng không thể giải ngộ, không sáng suốt thấy Phật tánh. Đó chỉ là chỗ chìm đắm của kẻ tu hành. Nếu ai vượt đến vô dư niết bàn (25) xin khai thị chơn tâm cho.

Đáp : Ai lãnh hội được chơn tâm, lòng tin đầy đủ, chí nguyện thành tựu, tinh tâm thơ thối, nhớ lại lời Phật dạy. Mỗi người tự tạo thân tâm nhàn tĩnh, không bị vin níu theo các việc đời, ngồi đoan trang, giữ chánh niệm, khéo điều hòa hơi thở, nhận rõ tâm kia, ẩn ẩn hiện hiện thì rõ biết tâm thức này lưu động, cũng như dòng nước chảy, như sóng nắng mặt trời đập chơn không dùng trụ. Khi thấy tâm thức này chỉ là : không trong, không ngoài, hoàn hoàn như như, ẩn ẩn hiện hiện, thì sự phản phúc tiêu mòn, ngưng động dừng trú. Thức lưu động này thoát vậy tự tiêu diệt. Diệt được thức này chính là diệt hoặc-chướng trong chúng thập địa Bồ Tát (26). Thức này diệt rồi, chơn tâm lưu xuất, ngưng tịch đạm bạc, sáng suốt trong lành; tôi không thể diễn tả hình trạng của chơn tâm được. Nếu vị nào muốn rõ hơn, xin xem trong Kinh Niết Bàn quyển thứ ba, phẩm Kim Cương Thân và quyển thứ ba Kinh Duy Ma Cật, thấy trong phẩm A Súc Phật, từ từ nghiên cứu, kiểm điểm thuần thực. Nếu trong các Kinh nói trên, ai thông hiểu nghĩa lý, thật hành trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, và khi gặp năm thứ ham muốn, tám ngọn gió độc, không bị chao động tâm này, người ấy đã lập được phạm hạnh, công tác tu hành đã làm xong, rốt ráo không thọ thân sanh tử. Năm thứ ham muốn là gì ? -- Là sắc dục, tiếng hay, chất thơm, mùi vị và sự chạm xúc.

Tám ngọn gió độc là gì ? -- Đó là lợi lộc, suy tàn, chê bai, danh dự, xưng khen, cơ hiềm, đau khổ và yên vui. Đây chính là nơi mà người tu hành rèn luyện Phật tánh. Bị vướng các điều trên, thân này không được tự tại. Trong Kinh nói : "Thế gian không có chỗ Phật trú, Bồ Tát không được ứng dụng hiện tiền". Ai muốn giải thoát báo thân này, cần tánh chúng sanh đời quá khứ có kẻ lanh lợi, có người đần độn, khó mà phân biệt. Người thượng căn chỉ trong một niệm ngộ Phật tánh, kẻ hạ cơ trải qua vô lượng kiếp khó tỉnh cơn mê. Nếu ai, khi có thân lực, tùy theo tính chúng sanh, khởi căn cơ Bồ Tát, lợi mình, lợi

người, trang nghiêm cõi Phật. Ta cần phải rõ pháp tử y (27) mới thấu rõ Phật tánh. Nếu y theo văn tự chấp trước, thì quên mất chơn tôn. Các tỳ kheo ! Các vị học đạo, xuất gia tu hành. Đây nói xuất gia, ra khỏi gông cùm sanh tử, ra khỏi nhà lửa thế gian, ấy gọi là xuất gia. Chánh niệm đầy đủ, tu hành chóng thành, cho đến hiểu rõ chi tiết của thân, đến khi mạng chung, không mất chánh niệm, liền được thành Phật.

Từ trước đến đây sưu tập bản luận này, dùng ngay lòng tin y theo văn tự giải bày nghĩa lý, nói lên những lời cảm nghĩ, thật chưa phải liễu ngộ chứng biết. Đúng theo lý đạo của Thế Tôn, có điểm nào lệch, xin thành tâm sám hối. Nếu đúng với Thánh giáo, nguyện hồi hướng pháp thí cho chúng sanh, xin đều nhận thức bản tâm, một thời thành Phật. Người nghe xin gắng sức tiến tu, tương lai sẽ thành Phật.

14) Hỏi : Luận Tối Thượng Thừa này, từ đầu đến cuối, đều chỉ rõ tâm mình là đạo, chưa rõ hai môn hạnh và quả, nhiếp về môn nào ?

Đáp: Luận này lấy tối thượng thừa làm tôn chỉ. Song chỉ lý luận bàn bạc, dắt người từ chỗ mê đến giải ngộ. Trước tránh khỏi sự sanh tử luân hồi, rồi sau đó mới độ người. Nói thẳng là lợi mình, không nói lợi tha, thế nên nhiếp về môn hạnh. Tuy nhiên, xét đạo lý tối thượng cũng chung nhiếp về môn quả. Nếu ai y theo lý đạo trong tập này mà tu hành thì sẽ thành Phật tức khắc.

Luận Tối Thượng Thừa một quyển

dịch xong ngày 10-7-92

Mùa An Cư Nhâm Thân P.L. 2536

Phần chú giải Luận Tối Thượng Thừa

(1) Bốn sự : Thầy căn bản. Phật tử gọi đức Thích Ca Mâu Ni là vị Giáo sư căn bản. Nên niệm là bốn sự. Vị thầy khai giáo mình giác ngộ đầu tiên, xưng là bốn sự. Chính tâm mình cũng là bốn sự.

(2) Năm ấm : Đã chú giải trong tập Luận Pháp Tướng, số 4.

(3) Kiến Chấp : Chấp chắc ý kiến của mình. Ôm lấy ý kiến phi lý về những thân kiến, cố chấp tà kiến thiệt ngã ở trong mình, biên kiến, lệch về ý kiến xấu một bên.

(4) Niết bàn : Nirvana. Cảnh trí của người tu hành sút sạch các phiền não và tự biết rằng mình chẳng còn luyến ái các việc.

(5) Pháp tánh chơn như : Pháp tánh tức là chơn như, tánh tức là thể. Ấy là bản chất không thay đổi. Chơn như là cái thể của muôn pháp, cái thể ấy thường trú, không thay đổi nên gọi là pháp tánh. Người ta cũng dùng chữ pháp tánh để gọi niết bàn của Phật, vì nó là thể tánh thường trú chẳng biến đổi. Kinh Niết Bàn nói : "Nhu Lai nhập niết bàn, cũng như củi hết thì lửa tắt". Lời nói ấy không đủ nghĩa lý (bất liễu nghĩa). Còn như nói Như Lai nhập pháp tánh, lời nói ấy mới đủ nghĩa lý (liễu nghĩa).

(6) Ba đường khổ : Trois mauvaises voies (F) . Địa ngục, quỷ đói và súc sanh. Những ai khi làm người mà có tánh hung ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ việc ác, khi chết phải sa vào ba đường khổ.

(7) Vô sanh pháp nhẫn : Đức nhẫn nhục của người tu học đắc đạo nhập chơn lý. Các pháp đều không sanh không diệt. Người tu hành nếu hiểu các pháp vốn không sanh diệt. Tức là hiểu thật tướng của các pháp thì đâu còn lo rầu, buồn giận, đâu còn phiền não đối với chúng sanh, đối với sự vật. Được đức tánh ấy gọi là vô sanh pháp nhẫn.

(8) Ngã sở : Tức là ngã sở hữu, cái của ta, vật của mình. Tự thân mình, kêu là ngã; vạn vật ở ngoài thân, thuộc về mình, gọi là ngã sở hay là ngã sở hữu, tỳ như nhà của mình, vợ con của mình, tiền của, ruộng vườn, đất nước của mình, đều là ngã sở.

(9) Bất tư nghì : Suy nghĩ và bàn luận không xiết; dùng trí mà xét hay dùng lời mà luận, cũng chẳng cùng tận. Cũng gọi là bất khả tư nghì...

(10) Chơn đế : Nghĩa lý học thuyết chơn thật, không sai chạy đối với tục đế. Như nói: Thế gian pháp là tục đế, còn xuất thế gian pháp là chơn đế... Cũng gọi là thật đế.

(11) Vô phân biệt trí : Tâm trí không phân biệt. Vô phân biệt trí là cái trí của Phật hoặc của Bồ Tát đã chứng đại viên giác; cái trí vô lậu của hàng Thánh giả, chẳng phân biệt sự với lý. Tướng này với tướng kia. Tuy nhiên, cũng có cái vô phân biệt trí của hàng hữu lậu, tức là của hàng chưa đắc quả Thánh.

(12) Nhứt thừa : Ekayana. Véhicule unique (F). Cổ xe duy nhứt. Thừa duy nhứt, tức là khoa giáo duy nhứt của Phật vậy. Thừa là cổ xe, tiếng dùng để tỷ dụ với giáo pháp của Phật. Giáo pháp có thể chở người ta tới niết bàn, nên gọi là Thừa.

(13) Vô sở học : Chẳng học chi hết, chẳng có chi mà học. Tự mình liễu đạt rằng các pháp vốn không, tất cả đều như hư không, nên không thấy rằng mình đắc, không thấy rằng mình có, không nhận rằng mình thấy, không nhận rằng mình biết. Vô sở học cũng như vô sở đắc, vô sở tri, vô sở kiến...

(14) Nhứt tâm tạo tác : Une seule pensée (F). Một lòng làm việc. Một lòng tạo tác nghĩa là cái thật thể chơn như của muôn vật. Nhứt tâm tạo tác có hai loại : Một thuộc về sự; một thuộc về lý. Không nghĩ chi chuyện khác là một lòng của sự (sự nhứt tâm tạo tác). Nhập vào thật tướng là một lòng của lý (lý nhứt tâm tạo tác).

(15) Ba thừa : Triyana. Trois véhicules (F). Ba cỗ xe dùng để chuyên chở. Tức là ba khoa giáo có thể đưa người tu hành đến niết bàn, cảnh thanh tịnh. Tam thừa là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa.

(16) Bát chánh đạo : Aryatangamarga. Noble voie octupe (F). Con đường bát chánh, tức là tám nẻo chánh trong đạo Phật thuộc về tứ diệu đế, trong chơn lý thứ tư đạo đế. Ai noi theo tám con đường đó mà đi thì thoát khổ, được an lạc. Đó là : 1/ Chánh kiến, hay chánh tri kiến. 2/ Chánh ngữ. 3/ Chánh tư duy. 4/ Chánh nghiệp. 5/ Chánh mạng. 6/ Chánh tinh tấn. 7/ Chánh niệm và 8/ Chánh định.

(17) Bảy mươi hai tôn hiền hạnh : Tức là bảy mươi hai tôn của các Hiền Thánh Tăng tu hạnh bồ đề (?).

(18) Hậu hữu thân : Về thân có sau. Cái thân quả báo đời vị lai, cái thân tâm đời sau, gọi là hậu hữu thân.

(19) Vô sanh pháp nhẫn. Đã giải ở mục số 7, phía trên.

(20) Tám ngọn gió thổi : Huit vents (F) : Cũng gọi là bát pháp. Tám pháp tử như tám ngọn gió có thể làm phiền động lòng người, thương, ghét của thế gian, nên gọi là tám ngọn gió thổi. Đó là : 1/ Lợi lộc. 2/ Suy đồi. 3/ Chê bai. 4/ Khen ngợi. 5/ Xung dương. 6/ Cơ hiểm. 7/ Khổ lụy và 8/ Vui sướng.

(21) Quả thể : Thể thức kết quả ... Người nhận biết thể thức kết quả là bậc chứng ngộ cao ... bậc chuyển được cảnh vật thế gian.

(22) Chánh định kim cang : Vajra-Samadhi, phép chánh định gọi là kim cang. Cũng gọi là kim cang tam muội; kim cang dụ định. Ai tu phép thiền định ấy; người đắc phép thiền định ấy, được trí huệ chắc và bén như chất kim cương, có thể cắt đứt các phiền não vi tế, các ý kiến tà vạy, thiên lệch, nên gọi là chánh định kim cang.

(23) Đệ nhứt nghĩa đế : Chơn lý có ý nghĩa bậc nhứt trong giáo pháp của Phật, có hai bề chơn lý (nhị đế): 1/ Chơn đế là chơn lý thật nghĩa đế cho hàng Thánh giả, bậc xuất gia xét hoặc nghe. Vì ý nghĩa cao sâu, huyền diệu, vô vi, nên cũng kêu là đệ nhứt nghĩa đế, hay thắng nghĩa đế. 2/ Tục đế là để cho các hàng thiên, nhơn tại tục, các người phàm phu học và tu, có tánh cách hữu vi; cũng gọi là thế đế...

(24) Lậu tâm : Lậu : rỉ ra, tiết lộ ra làm cho dơ dáy. Lậu tâm tức là tâm còn phiền não trọng trước. Tâm còn triu mến, còn tham dục, tức là còn sa đọa vào ba nẻo ác lụy...

(25) Vô dư niết bàn: Cảnh niết bàn rốt ráo, không còn để lại cái chi hết, tức là không còn nghiệp báo, khổ quả chi nữa. Khi đến thời kỳ bỏ cái xác thân này, dứt hết tất cả. Gọi đó là vô dư niết bàn.

(26) Thập địa Bồ Tát : Dasabhumi Bodhisattvas. Đây là mười địa vị đại thừa Bồ Tát. 1/ Hoan hỷ địa. 2/ Ly cấu địa. 3/ Phát quang địa. 4/ Diệm Huệ Địa. 5/ Cực nan thắng địa. 6/ Hiện tiền địa. 7/ Viễn hành địa. 8/ Bất động địa. 9/ Thiện huệ địa và 10/ Pháp vân địa.

(27) Tú y : Bốn phép mà người tu học đạo Phật nên nương tựa : 1/ Y pháp, bất y nhơn. 2/ Y nghĩa, bất y ngữ. 3/ Y trí, bất y thức. 4/ Y liễu nghĩa kinh, bất y bất liễu nghĩa kinh...

Phần chú giải này trích giải trong Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn và ý kiến của dịch giả.

Ngày 3-8-1992

Luận huyết mạch của tổ Đạt Ma

Ba cõi (1) hỗn độn phát khởi, đồng về chơn tâm, trước Phật sau Phật, lấy tâm truyền tâm, không lập văn tự.

1) Hỏi : Nếu không lập văn tự, lấy gì làm tâm ?

Đáp : Ông hỏi tôi tức là tâm ông; tôi đáp ông tức là tâm tôi. Tôi nếu không tâm, do đâu giải đáp cho ông ? Ông nếu không tâm lấy gì hỏi tôi ? Hỏi tôi tức là tâm ông, từ vô thủy nhiều đại kiếp đến nay, cho đến việc làm, động tác trong tất cả thời gian, tất cả xứ sở, đều là bản tâm của ông, đều là bản Phật của ông. Tâm tức là Phật, cũng lại như thế. Trừ ngoài tâm này, không có Phật nào khác có thể được. Lìa ngoài tâm này để đi tìm bồ đề niết bàn, không bao giờ được. Tự tánh chơn thật, không như không quả. Pháp tức là nghĩa của tâm, tâm mình là niết bàn. Nếu ai nói ngoài tâm có Phật và đạt được bồ đề thì không bao giờ có. Vậy Phật và bồ đề đều ở chỗ nào ? Ví như có người lấy tay nắm bắt hư không có được chăng ? Vì hư không chỉ có danh từ, chỗ không tướng mạo. Lấy không được, bỏ cũng không được, nắm bắt hư không chẳng được. Trừ ngoài tâm này, thấy Phật không bao giờ được. Phật do tâm mình làm ra, làm sao lìa ngoài tâm này mà tìm Phật được ? Phật trước Phật sau là chỉ nói tâm kia, tâm tức là Phật, Phật tức là tâm, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Nếu nói ngoài tâm có Phật, Phật ở chỗ nào ? Ngoài tâm đã không Phật, làm sao phát khởi thấy Phật ? Thay nhau cố gắng hoặc, không rõ biết bản tâm, bị vật vô tình kia thu nhiếp, không được tự do. Nếu người đời không tin, làm cuồng làm loạn vô ích. Phật không có lỗi lầm lo âu chúng sanh điên đảo, không hiểu không biết tâm mình là Phật. Nếu ai biết tâm mình là Phật, không nên tìm Phật ở ngoài tâm. Phật không độ Phật, đem tâm tìm Phật không biết Phật. Người nào tìm Phật bên ngoài, chắc chắn người đó không biết tâm mình là Phật. Cũng không nên đem Phật lễ Phật, không được đem tâm niệm Phật. Phật không tụng kinh, Phật không trì giới, Phật không phạm giới, Phật không trì, phạm, cũng không tạo thiện, tạo ác. Nếu ai muốn tìm Phật, cần phải thấy tánh, thấy tánh tức là Phật. Nếu không thấy tánh, niệm Phật, tụng kinh, trì trai, giữ giới, đều là vô ích. Niệm Phật thì được nhơn quả, tụng kinh thì được thông minh, trì giới thì được sanh về các cõi trời, bố thí thì tăng phước báo, cuối cùng tìm Phật trong tâm thật là khó đặng.

Nếu tự mình không rõ biết, phải học hỏi các bậc thiện tri thức, nhận chơn căn bản sanh tử. Nếu không thấy tánh, thì làm sao gọi là thiện tri thức. Người chưa thấy tánh dù thuyết được mười hai bộ kinh (2) cũng không khỏi được sự sanh tử luân hồi, phải đành chịu khổ trong ba cõi, không khi nào ra khỏi.

Thuở xưa có vị tỷ kheo tên là Thiện Tinh, tụng được mười hai bộ kinh mà còn phải luân hồi, chưa khỏi sanh tử, vì là không thấy được Phật tánh. Ngài Thiện Tinh đã như thế; người đời nay giảng nói được năm, ba bản kinh, luận, cho đó là làm việc Phật pháp, ấy là người ngu si vậy.

Nếu không biết rõ được tâm mình thì dù đọc tụng bao nhiêu kinh điển cũng là vô dụng. Nếu ai muốn tìm Phật, trực tâm phải thấy tánh. Tánh tức là Phật, Phật tức là người tự tại, là bậc không sự tướng, không tạo tác. Nếu không thấy tánh, trọn ngày mờ mịt, hướng bên ngoài tìm cầu, tìm Phật xưa nay không được. Không một vật gì có thể đặng, mặc dù tìm cầu lãnh hội, cũng phải học hỏi nghiên cứu với bậc thiện tri thức, thiết yếu chịu khổ, khiến cho tâm lãnh hội, liễu giải. Sanh tử là việc lớn, không nên bỏ qua, tự vọng cuồng vô ích. Dù có của báu như núi, bà con đông đúc, mở mắt thấy liền, nhưng một mai nhắm mắt có thấy được không? Thế nên biết rằng:

"Các pháp thế gian thuộc hữu vi,
Như đường ngon giấc mộng đông thù,
Như đồ giả dối không bền chặt,
Như bọt tiêu tan mất cấp kỳ,
Như bóng bên hình không lại có,
Như sương trên cỏ nắng còn chi,
Như luồng điện nhoáng không tồn tại,
Nhận xét như vậy mới thật tri".

Nếu không gấp rút tìm minh sư, một đời luống qua. Mặc dù Phật tánh mình tự có nhưng nếu không nhờ minh sư khai thị thì không bao giờ rõ biết mình có Phật tánh. Người không nhờ minh sư mà được ngộ, trong số muôn chỉ được một hai. Nếu tự mình lãnh hội tương hợp đặng ý chánh Thánh như, tức là không cần tham vấn thiện tri thức. Hạng này là hạng sanh ra tự biết, không cần phải học vấn. Nếu ai chưa ngộ giải, phải siêng khổ cầu học, nhờ học mới được ngộ. Nếu ngộ mà chưa liễu, không học cũng được. Không đồng người mê, không thể phân biệt đen trắng, vọng nói lời Phật sắc chỉ, hủy báng nghi kỵ Phật pháp. Những hạng như thế, dù nói pháp như mưa xối, đều trở thành ma nói, chớ không phải Phật nói. Thầy là ma vương thì đệ tử cũng là dân của ma, chỉ dẫn mọi người đi theo đường ma, chắc chắn đọa lạc trong biển khổ sanh tử. Chỉ là những người không thấy Phật tánh, mà xưng là Phật. Các chúng sanh này là người đại tội, cưỡng hoặc tất cả chúng sanh, khiến vào cõi của ma. Nếu không thấy tánh, dù thuyết đặng mười hai bộ kinh giáo, đều là ma thuyết. Toàn là quyến thuộc nhà ma, không phải là đệ tử nhà Phật. Đã không biện rõ trắng đen, làm gì khỏi được con đường sanh tử. Nếu ai thấy tánh, tức là Phật, không thấy tánh tức là chúng sanh. Nếu lìa ngoài chúng sanh tánh, riêng có tánh Phật có thể được, nhưng Phật ở chỗ nào? tức tánh chúng sanh, là tánh Phật. Ngoài tánh không Phật, Phật tức là tánh; trừ ngoài tánh này, không Phật nào có thể được, ngoài Phật không tánh nào có thể được.

2) Hỏi : Nếu không thấy tánh, niệm Phật, tụng kinh, bố thí, trì giới, tinh tấn, rộng làm các việc phước lợi, có đặng làm Phật không?

Đáp : Không thể đặng.

3) Hỏi : Vì sao mà không thể đặng?

Đáp : Có một ít pháp có thể đặng. Ấy là pháp hữu vi, là các pháp như quả, là thọ báo, là luân hồi, không thoát khỏi sự sanh tử, đời nào được thành Phật đạo. Thành Phật phải là thấy tánh. Nếu không thấy tánh, như quả v.v... các pháp trở thành pháp ngoại đạo. Nếu là Phật đạo, thì không bao giờ tập theo pháp ngoại đạo. Phật là người không còn nghiệp báo, không còn như quả; thì làm sao còn có một ít pháp có thể đặng? Ý này là ý hủy báng Phật, nương đâu mà được thành. Nhiều khi chỉ còn trụ trước một tâm, một năng, một giải, một kiến, Phật đều không cho. Phật tánh không trì giới, phạm giới, tâm tánh vốn không, cũng chẳng có cấu tịnh. Các sự vật không tu không chúng, không như không quả. Phật tánh không trì giới, Phật không tu thiện, Phật không tạo ác, Phật không tinh tấn, Phật không giải đãi, Phật là đấng không còn tạo tác. Ai còn tâm trụ trước, tức không tiện thấy Phật tánh. Phật không phải là Phật, chớ khởi vọng lên cho là Phật giảng giải. Nếu không nhận rõ nghĩa này, trong tất cả thời gian, tất cả nơi chốn, đều là không rõ bản tâm. Nếu không thấy tánh, trong tất cả thời, toan khởi tưởng vô tác (3); đó là người tội lớn, là người ngu si, rơi vào trong vô ký không không : mù mịt như kẻ say rượu, không biết tốt xấu. Nếu ai toan tu pháp vô tác, trước phải kiến tánh, sau đó mới dứt hết vin níu. Nếu không thấy tánh mà thành được Phật đạo là điều không bao giờ có. Có người chẳng nhận lý như quả, hằng hái tạo các nghiệp ác, vọng nói lý không, làm ác không có lỗi. Những người như thế phải sa vào địa ngục vô gián hắc ám (4), không bao giờ ra khỏi. Nếu là người trí không nên có kiến giải như thế.

4) Hỏi : Đã ra làm việc lành, động tác tốt trong tất cả thời đều là do bản chơn tâm; khi sắc thân vô thường, tại sao không thấy bản chơn tâm?

Đáp : Bản chơn tâm thường hiện tiền, ông tự không thấy sao?

5) Hỏi : Tâm đã hiện tại, có sao không thấy?

Tổ sư nói : Ông có từng thấy chiêm bao không?

Đáp : Vâng ! Đã từng thấy chiêm bao.

6) Hỏi : Khi ông thấy chiêm bao, là bản thân của ông phải không ?

Đáp : Là bản thân tôi thấy.

7) Hỏi : Lời nói, việc làm, vận động của ông cùng với ông là khác hay không khác ?

Đáp : Không khác.

Tổ sư nói : Nếu đã không khác tức thân này là bản pháp thân của ông; tức pháp thân này là bản chơn tâm của ông. Tâm này từ vô thủy nhiều kiếp đến nay, cũng như vậy không khác; chưa từng có sanh tử, không sanh không diệt, không tăng không giảm, không nhớ không sạch, không tốt không xấu, không đến không đi, không có phải trái, không có tướng nam nữ, không có tăng tục, già trẻ, không thánh không phàm, không Phật không chúng sanh, không tu chúng, không như không quả, không có cân lức, không có tướng mạo; cũng như hư không, lấy không được, bỏ không được, núi, sông, đá vách không thể làm chướng ngại; ra vào qua lại, tự tại thần thông; thấu núi ngũ uẩn (5), qua sông sanh tử; tất cả nghiệp ràng buộc pháp-thân này không được. Chơn tâm này vi diệu khó thấy, chơn tâm này không đồng với sắc tâm; chơn tâm này mỗi người đều muốn tìm thấy. - trong yển sáng đó vận dụng tay chân hoặc nhiều cách khác, kể cả vấn đề hỏi đáp, tìm tòi, nhưng chưa đạt đến chơn lý, thì cũng giống như người gỗ, chỉ là tự nó thọ dụng, chớ chẳng phải là hiểu biết diệu dụng. (Chú thích : nghĩa là khi chưa ngộ thấu đạt chơn lý thì làm tất cả sự việc gì cũng đều là sản phẩm của vô minh. Ví như người gỗ làm việc một cách máy móc).

Vì sao mà không rõ biết ? Đức Phật dạy : Tất cả chúng sanh đều là người mê, như tạo nhiều nghiệp chướng, nên sa vào sông sanh tử, muốn ra khỏi rồi lại bị chìm, chỉ vì không thấy Phật tánh trong mỗi người. Chúng sanh nếu không mê, làm gì có những câu hỏi trong các sự chấp trước, không có một ai lãnh hội cụ thể, tự mỗi người vận động bằng tay chân, thế mà làm sao chẳng biết ? Thế nên biết rằng Thánh như nói không làm, người mê tự không lãnh hội rõ ràng, khó mà thông suốt, duy có Phật là bậc thấu suốt pháp này, còn bao nhiêu trời người và chúng sanh v.v... đều không liễu ngộ.

Nếu trí tuệ sáng biết, tâm này gọi là pháp tánh (6), cũng gọi là giải thoát. Không câu chấp sanh tử, không câu chấp tất cả sự vật, ấy gọi là Đại Tự Tại Vương Như Lai (7), cũng gọi là không nghĩ bàn, cũng gọi là Thánh Thể (8) cũng gọi là trường sanh không chết, cũng gọi là đại tiên. Tên tuy không đồng, nhưng thể chỉ là một. Thánh như có nhiều hạng đều không lìa tâm mình. Tâm lượng rộng lớn, ứng dụng không cùng, ứng vào mắt thì thấy sắc, ứng vào tai thì nghe tiếng, ứng vào mũi thì ngửi mùi, ứng vào lưỡi thì biết vị, cho đến ra làm các việc, đều là do tâm mình. Trong tất cả thời, chỉ có dứt lìa đường chấp mắc nói năng thì mới rõ tâm mình.

Cho nên, nói Như Lai sắc không cùng, trí tuệ cũng lại như thế. Sắc không cùng là tâm mình, tâm thức khéo hay phân biệt tất cả, cho đến ra làm vận dụng, đều là trí tuệ. Tâm không hình tướng, trí tuệ cũng không cùng tận. Thế nên nói Như Lai sắc không cùng, trí tuệ cũng như thế. Sắc thân bốn đại, tức là phiền não, sắc thân thì có sanh diệt, pháp thân thường trú mà không chỗ trú, vì pháp thân Như Lai (9) thường không đổi khác. Trong Kinh nói : "Chúng sanh nên biết, mình sẵn có Phật tánh". Ca Diếp chỉ là ngộ được bản tánh, bản tánh tức là tâm; tâm tức là tánh, tánh thì đồng tâm của chư Phật. Phật trước, Phật sau chỉ truyền tâm này, còn ngoài tâm này ra thì không có thể đặng Phật nào nữa. Chúng sanh điên đảo không biết tâm mình là Phật, hướng ra ngoài ruổi tìm, trọn ngày quờ quạng; niệm Phật, lạy Phật, Phật ở chỗ nào ? Không nên khởi ra kiến chấp (10) như thế, chỉ biết tâm mình, ngoài tâm ra không có Phật nào khác. Khế Kinh nói : "Phàm vật gì có hình tướng đều là hư vọng". Trong Kinh lại nói : "Chỗ sở tại 'tự tâm' tức là có Phật". Tâm mình là Phật, không nên đem Phật lạy Phật (11); thoát nhiên thấy đối tượng kia chỉ là có tướng mạo Phật và Bồ Tát, thì thiết yếu không dùng lễ kính. Tâm ta không tịch, vốn không tướng mạo như thế, nếu chấp tướng tức là ma, bị lạc vào đường tà. Nếu là huyền từ vọng tâm phát khởi, thì không dùng lễ. Người lễ thì không biết, kẻ biết thì không lễ, lễ bị ma ngũ ấm (12) nhiếp. Sợ người tu học không biết, nên ân cần khuyên nhắc. Các đức Phật Như Lai trên thế bản tánh đều không có tướng mạo như thế, cần phải để ý. Chỉ có khác cảnh giới, không cần dùng sự sống, cũng chớ sanh tâm sợ hãi, không cần nghi hoặc, tâm ta xưa nay thanh tịnh, chớ đâu có trụ tại tướng mạo nào đâu. Cho nên đối với các tướng trời, rồng, dạ xoa, quỷ thần, đế Thích, phạm vương v.v... cũng không nên dụng tâm sanh sự kính trọng, cũng chớ sợ sệt; tâm ta xưa nay vắng lặng còn tất cả tướng mạo đều là vọng thấy cũng chớ nên chấp tướng. Nếu phát khởi tâm thấy Phật thấy Pháp và thấy tướng mạo của Phật và Bồ Tát v.v... mà sanh tâm kính trọng, chính mình tự sa vào trong cõi chúng sanh. Nếu ai muốn hiểu thẳng nguồn tâm thì chỉ cần dùng chấp mắc tất cả tướng mạo là được chớ không cần việc gì khác nữa. Nên trong Kinh Kim Cương nói : "Phàm có tướng trạng đều là hư vọng, đều không định thật, huyền tướng không như định". Là pháp vô thường, không nên chấp tướng, đó là hợp với ý của Thánh. Khế Kinh nói : "Xa lìa tất cả tướng, tức gọi là các đức Phật".

8) Hỏi : Vì sao không được lạy Phật và Bồ Tát v.v... ?

Đáp : Thiên ma ba tuần (13) A tu la đủ thần thông thị hiện, đều làm được tướng mạo Bồ Tát. Các thứ biến hóa là ngoại đạo, tất cả như thế đều không phải là Phật. Phật là tâm mình, chớ làm lễ lạy. Phật là tiếng xưng theo nước Tây Vực. Trung Quốc gọi là giác tánh. Giác là linh giác, ứng theo căn cơ, hướng dẫn người vật, nhúng chân mày, nháy hai mắt, vận động tay chân, đều là tánh linh giác của chính mình. Tánh tức là tâm, tâm tức là Phật, Phật tức là đạo, đạo tức là lìa. Về chữ Thiền (Dhyana) không phải phạm thánh lương được; Lại có chỗ nói : "Thấy bản tánh (14) là thiên". Nếu ai chưa thấy bản tánh, tức không phải thiên. Giả sử nói đặng nghìn quyển kinh, muôn bộ luận, nếu không thấy bản tánh, chỉ là phạm phu, không phải là Phật pháp, cứu cánh đạo cao siêu, không thể dùng lời nói mà lãnh hội được, vậy trông cậy vào giáo điển ở

chỗ nào đạt đạo ? Chỉ thấy bản tánh, không biết một chữ cũng được. Thấy tánh tức là Phật, tánh thể xưa nay thanh tịnh, không có tạp uế. Những gì có ngôn thuyết đều là Thánh như từ tâm khởi diệu dụng. Dụng và thể xưa nay vốn không danh ngôn cũng là ví dụ chú không đạt đến diệu dụng, nhờ vào mười hai bộ Kinh ở chỗ nào thấy được tâm. Đạo vốn viên thành, không dùng tu chúng. Đạo không phải sắc thính, nhiệm màu khó thấy. Như người uống nước, lạnh hay nóng tự mình biết không thể hướng về người giải nói. Duy có Như Lai hay biết rõ ràng, còn các vị trời, người khác không làm sao biết được. Trí phàm phu không hiểu đến kịp bởi vì còn quá nhiều chấp tướng. Không rõ tâm mình xưa nay vắng lặng, còn vọng chấp tướng và tất cả sự vật bị sa vào ngoại đạo.

Nếu ai rõ biết các sự vật từ tâm mình sanh ra, không nên cố chấp, chấp tức là không biết. Nếu thấy bản tánh thì không vướng bận đối với chữ nghĩa trong mười hai bộ kinh, nghìn tập kinh, muôn quyển luận chỉ làm tâm sáng, nói xong là hiểu thấu, dạy để làm gì ? Chí lý phải dứt lời nói năng; những lời dạy bảo, thật chưa phải đạo lý thâm diệu.

Đạo tức là chơn lý, vốn không nói năng; ngôn thuyết là vọng. Nếu ban đêm nằm mộng thấy các cảnh lâu đài, cung điện, voi ngựa cùng thấy các tướng rừng cây, tùng, bá, ao hồ v.v...; không được phát khởi một niệm vui trước, đều là những chỗ thác sanh, cần phải lưu ý. Nhứt là thời gian gần chết, không được chấp tướng, phải tiêu trừ các chướng ngại. Lòng nghi bồng phát khởi, liền bị ma thu hút (vào đường ma). Pháp thân xưa nay thanh tịnh không thọ nhiễm, chỉ vì vin níu với mê lầm, không hiểu không biết, như dây, cho nên vọng thọ quả báo. Nhân vì có vui, có chấp trước, thì không được tự tại. Chi bằng ngay bây giờ ngộ được bản tánh thân tâm, tức không còn quen thói nhiễm ô. Nếu từ Thánh vào phàm, chỉ thấy các thú tạp loại, tự làm chúng sanh, thế nên các Thánh như nghịch thuận đều (được) tự tại, tất cả nghiệp chướng câu thúc các Ngài không được. Các đức Phật thành đạo đã lâu, nên có oai đức lớn, tất cả các loại nghiệp, bị chư Phật, Bồ Tát chuyển dễ dàng. Thiên đường, địa ngục không làm gì nổi các Ngài. Thần tức của phàm phu quá mờ tối, không đồng với Thánh như, trong ngoài sáng sủa. Nếu có nghi thì không tạo nghiệp, tạo nghiệp thì bị trôi lăn trong biển sanh tử, sau ăn năn không chỗ cứu vãng. Nghèo cùng khổ khổ, đều từ vọng tưởng sanh ra, nếu rõ vọng tâm này thay nhau khuyên gắng, chỉ không tạo tác mà phải tạo tác, tức là tri kiến Như Lai (15).

Người sơ phát tâm, thần thức đều không nhứt định; nếu trong giấc chiêm bao thường thấy các cảnh lạ, không nên nghi ngờ, vì đều là từ tâm mình phát khởi, không phải từ bên ngoài đến. Chiêm bao nếu thấy yển sáng xuất hiện, sáng hơn vàng mặt trời, tức là các tập quán mờ tối tiêu hết, tánh pháp giới (16) hiển lộ. Nếu ai được trạng thái này, tức là có như thành đạo. Chỉ mình tự biết, không nên hướng về người khác nói ra. Hoặc ở trong vườn rừng yên tĩnh đi, đứng, nằm, ngồi, mắt thấy yển sáng, hoặc lớn, hoặc nhỏ, chớ cùng với người khác nói bàn, cũng không được cố chấp, đó cũng là yển sáng trong tánh mình hiện ra. Hoặc ban đêm ở trong nhà tối yên tĩnh đi, đứng, nằm, ngồi, mắt thấy yển sáng, cùng với ban ngày không khác, không được lấy làm ngạc nhiên, đều là tâm mình chiếu sáng. Hoặc ban đêm trong lúc chiêm bao thấy ngôi sao, mặt trăng rõ ràng, cũng từ tâm mình gần chấm dứt các duyên cũng không nên hướng về người ngoài bàn nói. Chiêm bao nếu mơ màng, cũng như đi trong bóng tối, đó cũng là do tâm mình bị phiền não che đậy, mình phải tự biết. Nếu thấy bản tánh, không cần đọc Kinh, niệm Phật học rộng biết nhiều vô ích, thần thức càng mờ tối. Mặc dù giáo thuyết chỉ là nêu rõ tâm, nếu biết tâm, cần gì nương giáo thuyết. Nếu ai từ phàm vào Thánh, liền phải dứt nghiệp dưỡng thần, theo phần vị cho qua ngày. Nếu người nào còn nhiều sự giận tức, khiến tánh tình chuyển đổi, cùng đạo trái nhau, tự hiềm vô ích. Các đức Phật, Bồ Tát ở trong đường sanh tử, tự tại ra vào, ẩn hiện không nhứt định, tất cả nghiệp câu thúc các Ngài không được. Thánh như phá trừ tà ma ngoại đạo, tất cả chúng sanh chỉ cần thấy bản tánh, thì chóng diệt các phiền não tập quán. Thần thức không mờ muội (mới là người lãnh hội tức thời (đốn ngộ), chỉ phải sáng suốt. Ai muốn trực tâm lãnh hội đạo lý, chớ nên chấp trước tất cả sự vật; dứt nghiệp dưỡng thần, các tập quán khác cũng hết luôn. Tự nhiên sáng suốt, không cần dụng công.

Ngoại đạo không lãnh hội ý Phật, dụng công tối đa; trái bỏ ý chính của Phật, suốt ngày triền miên niệm Phật, tụng kinh, làm lu mờ Phật tánh, không khởi vào nẻo luân hồi, Phật là người tự tại, đâu có ý ruổi giông rộng cầu danh lợi, (nhắm có ích dụng gì ở mai sau chăng ?). Chỉ người không thấy tánh, tụng Kinh niệm Phật, học nhiều tinh tấn; hành đạo sáu thời (17), ngồi mãi không nằm; học rộng nghe nhiều, cho là hành theo chánh pháp. Những chúng sanh như thế đó, đều là những người hủy báng Phật Pháp. Trước Phật sau Phật đều dạy chỉ cần thấy tánh. Các hạnh vô thường, nếu ai không thấy Phật tánh, đối nói ta đặng vô thượng bồ đề (18), đó là người bị tội lớn.

Mười vị đại đệ tử, trong số đó Ngài A Nan đa văn đệ nhứt, đối với Phật vẫn không rõ biết, chỉ học rộng nghe nhiều, hàng nhị thừa (10), ngoại đạo đều không biết Phật, chỉ biết số tu chúng, sa vào trong luật như quả. Chúng sanh ấy bị mắc nghiệp báo không thoát khỏi sanh tử, trái (xa) ý Phật, tức là chúng sanh hủy báng Phật, (trừ diệt những loại vọng nghiệp ấy thì không tội lỗi). Khế Kinh nói : "Hạng người xiển đề (20) không sanh lòng tin, giết hại dục tâm không có tội lỗi". Nếu có lòng chánh tin, người này sẽ là một vị Phật. Nếu không thấy tánh, tức là không dùng được việc gì mà cho là lương thiện, tự hổ thẹn vô ích. Thiện ác đành rành, như quả phân minh. Thiên đường, địa ngục chỉ ở trước mắt, kẻ ngu không tin, liền đọa trong địa ngục hắc ám (21); cũng chẳng hiểu chẳng biết, chỉ vì duyên nghiệp quá nặng, do đó nên chẳng có lòng tin. Ví như người không con mắt, (chẳng tin lời người khác nói về ánh sáng) dù hướng về người đó giải thích, y cũng không tin, chỉ vì mù lòa, làm sao biện nói được yển sáng mặt trời; người ngu cũng lại như vậy. Hiện nay đọa trong tạp loại súc sanh, rồi sanh trong nhà nghèo cùng hèn hạ, muốn sống không được, cầu chết chẳng đặng. Mặc dù chịu các sự khổ não, có ai hỏi đến đều nói ta nay an vui, không khác chi đang ở chốn thiên đường. Thế nên biết rằng tất cả chúng sanh lấy

khổ sanh ra (làm) nơi vui thú, cũng chẳng hiểu chẳng biết. Người ác như thế, chỉ vì nghiệp chướng quá nặng nề, thế nên người ấy không thể phát lòng tin, không được tự do (khỏi) nghiệp chướng. Nếu thấy tâm mình là Phật không cần cạo bỏ râu tóc, bạch y cư sĩ cũng là Phật. Nếu không thấy Phật tánh, cạo râu bỏ tóc cũng là ngoại đạo.

9) Hỏi : Bạch y cư sĩ có vợ con, chẳng trừ dâm dục nhờ đâu mà được thành Phật?

Đáp : Chỉ nói thấy tánh, không nói dâm dục. Chỉ vì không thấy tánh; nếu thấy được tánh, dâm dục xưa nay thanh tịnh. Đoạn trừ vọng tâm, cũng không vui thích chấp trước, dù có tập khí khác, không thể nào làm hại. Vì sao ? Vì bản tánh vốn thanh tịnh, tuy ở trong sắc thân năm uẩn (22) nhưng bản tánh (ấy) xưa nay thanh tịnh (chẳng bị nhiễm ô), pháp thân xưa nay không thọ lãnh, không đói, không khát, không lạnh nóng, không bệnh hoạn, không ân ái, không quyến thuộc, không khổ vui, không tốt xấu, không ngắn dài, không mạnh yếu, xưa nay không có một vật gì có thể đặng; chỉ vì chấp có sắc thân này, nên đó có ra các tướng đói khát, lạnh nóng, bệnh hoạn, nếu không chấp, tức là không nhậm vận tạo tác. - trong sự sanh tử đặng tự tại, chuyển tất cả sự vật cùng Thánh như thần thông tự tại vô ngại, không có chỗ nào chẳng an. Nếu tâm ai có nghi, quyết định chẳng đạt thấu suốt tất cả cảnh giới (chẳng làm được điều tốt nhất) tạo tác rồi không khỏi nẻo luân hồi sanh tử. Nếu thấy tánh, chiên đà la (23) cũng được thành Phật.

10) Hỏi : Chiên đà la sát sanh làm sự nghiệp, thì làm sao mà thành Phật được?

Đáp : Chỉ nói thấy tánh, không nói tác nghiệp. Dù chỗ tạo nghiệp không đồng, tất cả nghiệp (bó buộc) chẳng đặng. Từ vô thủy nhiều đại kiếp trở lại đây, chỉ vì không thấy bản tánh, đọa vào địa ngục, do đó tác nghiệp luân hồi sanh tử. Từ ngộ đặng bản tánh, trọn không tác nghiệp. Nếu không thấy tánh, thì dù niệm Phật (không thoát khỏi quả báo) không luận sát sanh hại mạng. Nếu thấy tánh chóng trừ nghi tâm, sát sanh hại mạng cũng không làm gì được.

Từ Tây Thiên 27 đời tổ, chỉ là thay nhau truyền tâm ấn (24). Tôi nay đến cõi này, chỉ truyền đốn giáo đại thừa (25), tức tâm là Phật, không nói trì giới, tinh tấn, khổ hạnh. Cho đến vào nước, lửa, lên rừng gươm, mỗi ngày một bữa ăn, ngồi hoài không nằm đều là pháp hữu vi ngoại đạo. Nếu biết được (các hành vi vận động khởi) phát từ tánh linh giác, thì ông tức là tâm chủ Phật. Phật trước, Phật sau chỉ nói truyền tâm (chứ) không có pháp nào khác nữa. Nếu ai biết được pháp này, phàm phu một chữ không biết cũng là Phật.

Ngược lại, nếu không biết tánh linh giác của chính mình, giả sử thân nát như cát bụi, tìm Phật không bao giờ được. Phật tánh cũng gọi là pháp thân, cũng gọi là bản tâm, tâm này không hình tướng, không nhân quả, không xương (gân) cũng như hư không, nắm bắt không được, không đồng chất ngại, chẳng giống ngoại đạo. Tâm này, trừ Như Lai không một ai lãnh hội được, còn bao nhiêu chúng sanh, người mê khó rõ biết. Tâm này không xa lìa trong sắc thân bốn đại (26), nếu lìa tâm này, không thể vận động được, là thân vô tri, như cỏ cây ngói đá. Thân là vô tánh, như châu mà vận động ? Nếu tâm mình động, cho đến ngôn ngữ, ra làm, tạo tác, thấy nghe, hiểu, biết, đều là động tâm động dụng. Động là tâm động, động tức là dụng kia. Ngoài động dụng ra không có tâm, ngoài tâm không động. Động chẳng phải là tâm, tâm không (phải) động. Động vốn vô tâm, tâm vốn không động. Động không rời tâm, tâm không rời động; động không lìa tâm, tâm không lìa động. Động là dụng của tâm, dụng là động của tâm. Động tức là dụng, dụng tức là động. Không động, không dụng, dụng cùng thể vốn không. Không vốn không động, động dụng đồng tâm, tâm vốn không động.

Trong Khế Kinh nói : "Động mà không chỗ động. trọn ngày đi lại, nhưng chưa từng đi, trọn ngày thấy mà chưa từng thấy, trọn ngày cười mà chưa từng cười, trọn ngày nghe mà chưa từng nghe, trọn ngày biết mà chưa từng biết, trọn ngày vui mà chưa từng vui, trọn ngày đi mà chưa từng đi, trọn ngày đứng mà chưa từng đứng". Nên Khế Kinh lại nói : "Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt" thấy, nghe, hiểu, biết, vốn tự tròn vắng. Cho đến giận, vui, đau, nhức, nào khác người gỗ, chỉ vì xét tìm đau nhức không thể được. Nên trong Kinh nói : "Nghiệp ác liền bị khổ báo, nghiệp lành liền có phước lành, chẳng (những chi) giận tức sa vào địa ngục, hoan hỷ được sanh về cõi trời". Nếu ai biết giận cùng vui, tánh nó không, chỉ không chấp tức được giải nghiệp. Nếu không thấy tánh, giảng kinh quyết định không thông, nói cũng không cùng tận. Lược nêu chánh tà như thế, không bằng ngộ một hai điểm yếu.

Tụng rằng:

Tâm tìm tâm, tìm đâu dễ được ?

Thời gian dài, trọn trước một màu,

Khi thu hẹp, kim lộ đầu,

Ta không tìm Phật, vốn cầu Tâm Không.

Tâm Không, rõ ra không một vật,

Vậy muốn tìm được Phật, cầu tâm,

Chỉ Tâm ấy biết pháp âm,

Lắng nghe thì rõ Phật Tâm nơi mình.

Mình biết mình, làm sao biết chắc ?

Tâm vọng ngoài, chẳng đắc bao giờ,

Mãi vọng niệm, mãi nghi ngờ,

Vọng tâm tiêu diệt, Phật thờ hiển linh.

Kệ nói :

"Ta vốn đến cõi trần,
Truyền đạo cứu mê tân,
Hoa sen nằm cánh nở,
Quả nhiên hiện pháp thân".
Hết phần Luận Huyết Mạch của Tổ Đạt Ma
Dịch xong ngày 17-07-1992

Lời giải :

- 1) Ba cõi hỗn độn : Chúng sanh trong cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc sống rất là phức tạp, rất là đảo ngược, rất là hỗn độn, giống như ở trong nhà lửa đang bốc cháy. Thật khó ra khỏi.
- 2) Mười hai bộ Kinh : Douze Sutras du Grand Véhicule (F). Mười hai bộ Kinh Đại Thừa, biên đủ giáo lý đạo Phật, tức là ba tạng Kinh, gồm đủ hết các Kinh Phật; Cũng gọi là Thập Nhị Bộ Kinh : 1/ Sutra, Khế Kinh, pháp bản, tức Kinh Trường Hàng. 2/ Geya, ứng dụng hay trùng tụng. 3/ Vyakarana, thọ ký. 4/Gatha, phúng tụng, cô khởi tụng. 5/Udāna, tụng thuyết. 6/ Nidana, nhưn duyên. 7/ Avadāna, thí dụ. 8/ Hivrtaka, bổn sự. 9/ Jataka , bổn sanh. 10/ Vaipulya, phương quảng. 11/ Adbhutadharma, vị tăng hũu và 12/ Upadesa, luận nghị, thuyết về lý luận.
- 3) Vô tác tướng : Tưởng không làm ra, không tạo ra. Tưởng không có nhưn duyên tạo tác, tưởng không mưu cầu, không tâm thế mà tạo ra. Cũng như nói vô vi.
- 4) Địa ngục vô gián : Avichi - Enfer où les damnés sont punis sans interruption (F). Vô gián là tiếng dịch nghĩa chữ Phạn A-Tỳ, Avichi. Vô gián địa ngục tức là A-Tỳ địa ngục. Địa ngục không có dứt đoạn : ở cảnh địa ngục này, tội nhưn thấy mình bị hành phạt mãi mãi chẳng ngừng; hết sống rồi chết, hết chết lại sống, họ bị hành khổ mãi. Dầu họ có cầu cho thoát ra cũng không được, họ ở trong cảnh ấy trăm ngàn muôn kiếp.
- 5) Núi ngũ uẩn : Năm uẩn, tức là : sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Năm uẩn này cứng chắc như đá, như núi, khó mà đập tan nên nói là núi ngũ uẩn.
- 6) Pháp tánh : Cái bổn tánh của các sự vật. Còn có nghĩa tánh tự nhiên, tánh riêng của sự vật; như tánh của đất là dày; tánh của nước là ướt; tánh của đá nam châm là hút sắt v.v...
- 7) Đại Tự Tại Vương Như Lai : Mahamahesvarāja-Tathagata. Vị Như Lai đã được tự tại, giải thoát hoàn toàn, không còn hệ lụy một mảy may phiền não.
- 8) Thánh thể : Bản thể thanh tịnh của các đức Phật, Bồ Tát ... Thánh thể cũng như các danh từ Thánh đạo, Phật đạo, chánh pháp, bản thể, chơn như v.v...
- 9) Pháp thân : Dharmakaya. Corps d'essence. Thân đạo lý. Cái chơn thân, đạo thể, thể của pháp tánh. Pháp thân của Như Lai có bốn đức : Thường, lạc, ngã, tịnh. Nó không vướng vào tứ khổ : sanh, già, bệnh, chết. Nó không lớn không nhỏ; không trắng, không đen; không có đạo, không vô đạo; nó tự nhiên, trường tồn, không thay đổi, dầu Phật có ra đời hay không thì nó cũng vậy mãi.
- 10) Kiến chấp : Chấp chắc ý kiến của mình, chỉ cho ý kiến mình là đúng là phải. Còn ý kiến kẻ khác dù có đúng cũng không chấp nhận ... Ấy gọi là kiến chấp.
- 11) Đem Phật lạy Phật : Đây là nói theo lý tánh của đạo. Đem Phật lạy Phật, ý nói không nên đem đức tính Phật của mình lạy tượng Phật bên ngoài. Nói theo lý thì đúng cho những ai đã thành Phật rồi. Trái lại, người còn mang nghiệp chướng quá nhiều chưa nhận biết mình có Phật thiết thì phải kính lễ Phật bên ngoài để tu tiến. Còn ai đã sống với Phật tánh trọn vẹn, vì lợi tha lạy Phật bên ngoài lại càng cao quý, vô ngại.
- 12) Ma ngũ ám nhiếp : Thu nhiếp điều khiển bởi ma năm ám : sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Năm thú ma này chúng ở trong thân tâm mỗi người, chúng biến hiện đủ kiểu làm lu mờ Phật tánh...
- 13) Thiên ma ba tuần : Maradeva Srestha. Thiên ma ba tuần tên thiết của Ma Vương, chúa loài ác ma thường thử thách Phật và người tu Phật... Vua loài Thiên Ma, chủ cảnh trời Tha Hóa Tự Tại Thiên, là cảnh trời thứ sáu trong cõi Dục. Ngài và các Thiên Ma ở cảnh trời ấy có phép thần thông tự tại, thường dùng các ảo thuật mà ngăn cản chướng để cho những người tu học thành Bồ Tát, thành Phật.
- 14) Bản tánh : Tính căn bản tức là Phật tánh. Đức Phật dạy : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Mỗi người y theo bản tánh này mà tu chắc chắn thành Phật quả.
- 15) Tri kiến Như Lai : Chỗ biết và chỗ thấy Như Lai, sự thấy biết. Tri là chỗ biết, sự biết bằng Như Lai tạng tánh. Kiến là chỗ thấy, sự thấy qua Như Lai tạng tánh. Về tri kiến bao quát của Như Lai. Tri là sự hiểu biết của tâm trí; kiến là sự thấy của cả ngũ nhân...
- 16) Tánh pháp giới : Tánh tự nhiên của các pháp. Tức là cái thể của muôn pháp vẫn tự nhiên, chẳng dời đổi, không sanh, không diệt, không có, không không. Gọi tắt là pháp giới, pháp tánh...
- 17) Sáu thời : Sáu thì giờ. Ba thì giờ ban ngày và ba thì giờ ban đêm, hiệp lại là sáu thì giờ. Ba thì giờ ban ngày là, sớm mai, lúc mặt trời giữa trưa, lúc mặt trời lặn. Ba thì giờ ban đêm là : Đầu hôm, nửa đêm, chót đêm.
- 18) Vô thượng bồ đề : Quả bồ đề cao hơn hết; quả đạo, sự giác ngộ cao hơn hết. Đó là sự giác ngộ của bậc Phật. Đối với hai sự giác ngộ của hai bậc Thanh Văn và Duyên Giác, thì sự giác ngộ của Phật là cao nhất.

19) Nhị thừa : Deux véhicules (F). Tiếng kêu chung đại thừa; Hai loại xe, tức hai giáo pháp. 1/ Thanh Văn thừa là giáo pháp dạy về Tứ Diệu Đế để đắc quả A La Hán. 2/ Duyên Giác Thừa hay Bích Chi Phật Thừa là giáo pháp dạy về Thập Nhị Nhân Duyên, giáo pháp của người tự tu tự ngộ quả Duyên Giác ...

20) Xiển đề : Atyantika, kêu trọn chữ là nhứt xiển đề. Dịch nghĩa chẳng thành quả Phật. Tiếng gọi hạng người tà kiến, bài bác lý nhưn quả, không tin rằng tu hành rồi sau sẽ thành Phật, nhập niết bàn... Không tin...

21) Hắc ám địa ngục : Địa ngục tối tăm, không có yển sáng mặt trời chiếu tới. Như nói : địa ngục miền hắc ám. Việc đê tiện, làm lén lút, chẳng có tánh cách công khai. Việc làm trong bóng tối, không ra giữa công lý.

22) Sắc thân năm uẩn : Thân xác này do năm uẩn tạo thành, ấy là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn : Sắc thuộc về sắc thân. Thọ, tưởng, hành, thức, thuộc về tinh thần.

23) Chiên đà la : Candala. Castes des intouchables (F). Hạng hạ tiện ở Ấn-độ, giai cấp hèn hạ. Chiên đà la làm hàng thịt, đánh cá, nô bộc. Nam kêu là chiên đà la. Nữ gọi là chiên đà lý. Ngày nay, người ta thường gọi giai cấp chiên đà la là Pariahs.

24) Truyền tâm ấn : Le sceau du coeur. Dấu in vào tâm sự truyền Phật tâm từ nơi tôn sư qua cái tâm của đệ tử. Cách truyền thọ bí mật một pháp môn từ tâm này sang tâm kia. Chỗ thiết yếu trong tông phái Đồng Nghĩa Pháp Ấn. Truyền phó mối đạo. Bực tôn sư đem cho yếu lý của đạo từ tâm mình mà trao tâm của đệ tử. Ấy là truyền tâm ấn. Tức là trao cho cái Phật tâm, cái bồ đề tâm, chỗ chí lý của thượng thừa.

25) Đốn giáo : Có hai nghĩa : 1/ Dạy cho thành tựu tức khắc. 2/ Dạy cho bằng giáo pháp vắn tắt đại thừa. Phương pháp dạy cho ngộ nhập mau chóng, tức thành Phật quả. Đó là đốn giáo đại thừa.

26) Sắc thân bốn đại : Corps physique quatre éléments Mahābhūtas. Cái thân bằng hình chất. Tức là thân do cha mẹ sanh ra do tứ đại : Đất, nước, gió, lửa, và ngũ âm : sắc, thọ, tưởng, hành, thức hiệp thành. Cái thân ấy sanh ra và lớn lên ở cõi ngũ trước ác thế này, phải chịu các nỗi khổ về sanh, già, bệnh, chết. Bởi vậy cho nên, cái sắc thân bốn đại là hư vọng, là vô thường.

27) Một hoa nở năm cánh : Một hoa chỉ cho Đức Tổ Bồ Đề Đạt Ma, còn năm cánh là chỉ cho sự truyền thừa đến năm vị Tổ Sư : Ấy là : Huệ Khả, Tăng Xáng, Đạo Tín, Hoàng Nhẫn và Huệ Năng.

Tất cả những lời chú giải trong quyển này đều được trích trong Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn và ý kiến của dịch giả.

Xong ngày 4-8-1992

Hết.

Luận Ngộ Tánh của Tổ Đạt Ma

Dũ Châu, Chùa Hoa Nghiêm, Sa Môn Thích Tôn Cảnh giáo khác.

Luận về Đạo thì lấy tịch diệt (1) làm bản thể. Nói về Tu dùng lý tưởng (2) làm tôn chỉ. Trong Khế Kinh nói : "Tịch diệt là bồ đề, vì dứt hết các tướng". Phật là bậc giác ngộ; người có tâm giác ngộ, đạt đến con đường giác ngộ, gọi đó là Phật.

Trong các Kinh nói : "Lìa tất cả tướng trạng, tức gọi là chư Phật". Ai nhận chân có tướng, là những tướng không tướng. Không thể dùng mắt thấy, chỉ có thể dùng trí biết. Nếu ai nghe pháp này, sanh chánh niệm tín tâm (3), người đó phát tâm đại thừa vượt qua ba cõi. Ba cõi đây tức là tham lam, giận tức và si mê. Trái với tham, sân, si là giới, định, huệ, tức gọi là vượt qua ba cõi. Song tham lam, giận tức, si mê cũng không có tánh chơn thật, chỉ căn cứ theo chúng sanh mà nói. Nếu ai phản chiếu, rõ biết thấy tánh tham, sân, si, tức là Phật tánh (4). Ngoài tánh tham, sân, si, ra, lại không có Phật tánh nào khác.

Trong Kinh nói : "Các đức Phật từ xưa đến nay, thường ở nơi ba độc, để trưởng dưỡng chánh pháp thanh bạch, rồi trở thành các đấng Thế Tôn". Ba độc là tham, sân, si... Nói Đại Thừa, Tối Thượng Thừa là thế nào ? Đều là chỗ sở hành của các vị Bồ Tát. Không có chỗ nào mà chẳng 'thừa', cũng không chỗ nào là 'thừa'; trọn ngày 'thừa', nhưng chưa từng 'thừa', ấy là Phật thừa. Khế Kinh nói : "Không thừa là Phật thừa". Nếu người biết sáu căn (5) không thật, năm uẩn (6) giả danh, khắp cơ thể tìm kiếm, quyết không có chỗ nào nhứt định, phải biết người ấy, hiểu được lời Phật nói.

Trong Kinh nhiều chỗ nói : "Nhà cửa của năm uẩn, gọi là thiên viện". Soi sáng và khai giải bên trong, tức là cửa của đại thừa; Các vị có rõ các nghĩa trên hay không ? Không để ý và không nhớ các sự vật, mới gọi là thiên định. Nếu rõ được những câu nói trên, đi, đứng, ngồi, nằm, đều là thiên định. Biết tâm là không, gọi là thấy Phật. Vì có sao ? Các đức Phật trong mười phương đều dùng (vô tâm), không thấy gì nơi tâm, gọi là thấy Phật. Bỏ thân không sền tiếc, gọi là đại bố thí. Lìa các động và định, gọi là đại tọa thiền. Vì sao ? Vì phạm phu một bề hướng động, tiểu thừa (7) một bề hướng định, nghĩa là vượt ra xa sự tọa thiền của phạm phu và tiểu thừa, nên gọi là đại tọa thiền. Nếu người nào lãnh hội ý này, tất cả các tướng không cầu tự giải; tất cả các bệnh không trị tự lành, đây đều là sức đại thiên định.

Phạm người nào đem tâm cầu pháp là mê, ai không đem tâm cầu pháp là ngộ. Không dính mắc văn tự, chữ nghĩa là giải thoát (8); không đắm nhiễm sáu trần (9) gọi là hộ pháp; ra khỏi con đường sanh tử gọi là xuất gia; không thọ thân hậu hữu gọi là đắc đạo; không sanh vọng tưởng gọi là niết bàn; không ở chỗ vô minh gọi là đại trí huệ; không ở với phiền não gọi

là nhập niết bàn; không có tướng vọng tâm gọi là bờ bên kia. Khi mê có bờ bên này, nếu khi ngộ không có bờ bên này. Vì sao ? Bởi vì phàm phu một bề trụ ở đây.

Nếu ai giác ngộ lý tối thượng thừa, tâm không bao giờ trụ ở đây, cũng không trụ nơi kia, thế nên hay xa lìa bờ bên này và bờ bên kia vậy. Nếu ai thấy bờ bên kia khác với bờ bên này, tâm của người đó không có thiên định. Phiền não gọi là chúng sanh, ngộ giải gọi là bờ đề, chẳng phải một, cũng chẳng phải khác, chỉ cách nhau mê và ngộ mà thôi. Khi mê thấy có thể gian để ra, lúc ngộ không có thể gian để ra. Trong pháp bình đẳng (9), không thấy phàm phu khác với Thánh như. Trong Kinh nói : "Pháp bình đẳng, phàm phu không thể vào, Thánh như không thể ra". Pháp bình đẳng chỉ có các đại Bồ Tát cùng chư Phật Như Lai hành trì. Nếu có ai thấy sanh khác với tử, động khác với tĩnh, đều gọi là không bình đẳng. Không thấy phiền não khác với niết bàn, ấy gọi là bình đẳng. Vì có sao ? Vì phiền não cùng niết bàn đồng là tánh không. Người tu quả thấp hy vọng đoạn phiền não, trông mong vào niết bàn, nên bị niết bàn làm trở ngại. Bồ Tát biết rõ phiền não tánh nó không, tức chẳng xa lìa không, nên thường ở niết bàn. Niết bàn là gì ? Niết là không sanh, bàn là không tử. Ra khỏi sanh tử, ra vào niết bàn. Tâm không đi lại, liền vào niết bàn. Thế nên biết rằng niết bàn tức là tâm không (10). Các đức Phật vào niết bàn vì ở chỗ không còn vọng tưởng. Bồ Tát vào chốn đạo tràng (11) tức là chỗ không có phiền não. Chỗ thanh nhàn vắng vẻ, tức là chỗ không tham lam, giận tức, si mê. Tham lam là cõi Dục; giận tức là cõi Sắc; si mê là cõi Vô Sắc. Nếu một niệm vọng sanh, liền vào trong ba cõi; một niệm vọng tâm diệt, lập tức ra khỏi ba cõi.

Thế nên biết rằng sự sanh diệt trong ba cõi, muôn sự vật có không, đều do nhứt tâm. Phàm nói một sự vật : như phá vỡ những vật không tình thức, ngói, đá, tre, cây ... Nếu biết vọng tâm là giả danh, không có thật thể, tức là biết vọng tâm, tự nơi mình cũng là chẳng phải có, cũng là chẳng phải không. Vì có sao ? Vì hàng phàm phu một bề sanh vọng tâm, gọi là có; tiểu thừa một bề diệt vọng tâm gọi là không; Bồ Tát cùng Phật chưa từng sanh vọng tâm, chưa từng diệt vọng tâm, gọi là chẳng phải có, chẳng phải không vọng tâm; Ấy gọi là trung đạo. Thế nên biết rằng gìn giữ tâm, học theo pháp, thì tâm cùng pháp đều mê. Ai không gìn giữ tâm, học theo pháp thì tâm cùng pháp đều ngộ. Phàm người mê, mê ở nơi ngộ, người ngộ, ngộ nơi mê. Những ai chánh kiến, biết tâm vốn không, liền vượt ra khỏi mê cùng ngộ. Không có mê cùng ngộ, mới gọi chánh giải chánh kiến (12). Sắc chẳng từ nơi sắc, do vọng tâm nên có sắc; tâm chẳng từ nơi vọng tâm, do sắc nên có vọng tâm; thế nên biết rằng tâm cùng sắc cả hai tướng đều sanh diệt. Có là có với không, không là không với có. Ấy gọi là 'chơn kiến' (13).

Luận về 'chơn kiến', không có chỗ nào chẳng thấy, cũng không chỗ nào thấy, thấy khắp mười phương (14), nhưng chưa từng có thấy. Vì có sao ? Vì không có chỗ thấy, vì thấy cùng không thấy, vì thấy mà chẳng thấy. Chỗ thấy của phàm phu đều là hư vọng. Nếu vắng lặng không thấy, mới gọi là 'chơn kiến'. Tâm cùng cảnh đối đãi, thấy sanh ở giữa đó, nếu trong không khởi vọng tâm thì ngoài không sanh vọng cảnh, tâm cùng cảnh đều tịnh. Chính đó mới gọi là 'chơn kiến' (thấy chơn thật). Khi hiểu được như trên, đó mới gọi là chánh kiến. Không chấp tất cả sự vật, chính đó mới gọi là đắc đạo; không hiểu tất cả sự vật, ấy mới gọi là hiểu pháp. Vì sao ? Vì thấy cùng không thấy đều là không thật thấy; hiểu cùng không hiểu đều không thật hiểu. Những gì thấy mà giống như không thấy, mới là 'chơn kiến'; những điều hiểu mà không thấy có chi để hiểu, ấy mới thật là liễu ngộ.

Luận về chánh kiến : Chẳng phải thấy thẳng ở nơi cái thấy, mà cũng chẳng phải thấy bởi nơi cái không thấy. Chơn giải là thế nào ? Chẳng giải thẳng nơi cái giải, mà cũng chẳng phải giải ở nơi cái không giải. Phàm có chỗ giải, đều gọi là không giải; không chỗ nào giải được mới gọi là chánh giải. Giải cùng không giải đều chẳng phải chơn giải.

Trong Khế Kinh nói : "Không bỏ trí tuệ gọi đó là ngu si". Vì tâm nó là không, hiểu cùng không hiểu đều là chơn; vì tâm nó là có, hiểu cùng không hiểu đều vọng. Hoặc khi hiểu, thì pháp theo người, hoặc khi không hiểu, thì người theo pháp. Nếu pháp theo nơi người, thì chẳng phải pháp thành pháp. Nếu người theo nơi pháp, thì pháp thành chẳng phải pháp. Nếu người theo nơi pháp, thì pháp đều thành vọng; nếu pháp theo nơi người, thì pháp đều thành chơn. Thế nên, Thánh như cũng không đem tâm cầu pháp, cũng không đem pháp cầu tâm, cũng không đem tâm cầu tâm, cũng không đem pháp cầu pháp. Do đó, biết rằng tâm không sanh pháp, pháp không sanh tâm, tâm cùng pháp cả hai đều vắng lặng, nên thường được ở đại định.

Chúng sanh vọng tâm sanh, thì Phật pháp diệt; vọng tâm chúng sanh diệt, thì Phật pháp mới sanh. Vọng tâm sanh thì chơn pháp diệt, vọng tâm diệt thì chơn pháp (15) sanh. Ai đã biết tất cả sự vật mỗi mỗi không tùy thuộc nhau. Ấy gọi là người đắc đạo. Ai biết được tâm không tùy thuộc tất cả sự vật, người ấy thường ở chốn đạo tràng. Khi mê có tội, lúc liễu ngộ thì không tội. Vì có sao ? Vì tội, tánh nó là không. Nếu khi mê, không tội thấy tội; lúc giải ngộ tức là tội mà chẳng phải tội. Vì sao ? Vì tội, nó vốn không xử sở.

Trong Kinh nói : "Các sự vật, nó không có tự tánh, chơn dụng chớ nghi, nghi tức thành tội". Vì sao ? Tội, như nghi làm mà sanh. Nếu người nào hiểu được như thế, tội nghiệp đời trước liền được tiêu trừ. Khi mê sáu thức, năm ấm (17), đều là pháp sanh tử phiền não, lúc ngộ sáu thức, năm ấm đều là pháp niết bàn không sanh tử. Người tu hành làm đạo, không nên tìm đạo bên ngoài. Vì có sao ? Bởi biết tâm là đạo, nếu khi đặng tâm, không tâm có thể đặng; nếu khi đặng đạo, không đạo có thể đặng. Nếu ai nói đem tâm cầu đạo được, ấy là tà kiến (18). Khi mê có Phật có pháp, lúc ngộ không Phật không pháp. Vì sao ? Bởi vì ngộ tức là Phật Pháp.

Luận về sự tu hành làm đạo. Sắc thân diệt, đạo mới thành, cũng như anh Giáp chặt cây. Sanh nghiệp báo thân này, thường nghi cơn vô thường, không có pháp gì nhứt định, chỉ theo ý nghĩa tu hành; không được nhằm chán sanh tử, cũng không

được ưa thích sanh tử, chỉ trong mỗi niệm, không được vọng tưởng; lúc còn sống chúng được hữu dư niết bàn (19), khi chết vào được vô sanh pháp nhẫn (20). Khi mắt thấy sắc, không nhiễm theo sắc; lúc tai nghe tiếng, không nhiễm theo tiếng; đều là giải thoát. Mắt không đắm sắc, mắt là cửa thiên; tai không mê theo tiếng, tai là cửa thiên. Tóm lại, thấy sắc thấy được tánh sắc, không bị đắm trước là thường giải thoát; người thấy sắc tướng, thường bị ràng buộc. Ai không bị phiền não tức gọi là giải thoát, lại không có giải thoát nào khác. Người khéo quán sát sắc, sắc không sanh vọng tâm, vọng tâm không sanh sắc, tức là sắc cùng tâm đều là thanh tịnh; Khi không vọng tưởng, một tâm là một cõi nước Phật. Lúc có vọng tưởng, một tâm là một cảnh địa ngục. Chúng sanh tạo tác quá nhiều vọng tưởng, từ vọng tâm này đến vọng tâm khác, cho nên thường ở nơi địa ngục.

Các Bồ Tát quán sát vọng tưởng, không cho từ vọng tưởng này sanh vọng tưởng khác, thường ở trong cõi nước Phật. Nếu ai không dùng vọng tâm sanh vọng tâm thì mỗi tâm, mỗi tâm vào không tịch; mỗi niệm, mỗi niệm về nơi vắng lặng, từ một nước Phật đến một cõi nước Phật. Nếu vị nào để vọng tâm sanh vọng tâm thì mỗi tâm không tịch tĩnh, mỗi niệm, mỗi niệm trở về động, từ một địa ngục trải qua một địa ngục. Nếu một niệm vọng tâm phát khởi, thì có hai nghiệp lành và dữ, có thiên đường và địa ngục. Nếu một niệm vọng tâm không phát khởi, tức là không có hai nghiệp lành và dữ, cũng không có thiên đường và địa ngục. Vì bản thể (21) chẳng phải có, chẳng phải không, tại phàm tức là có, tại Thánh tức là không. Chư Phật, Bồ Tát không có vọng tâm đó, nên trong lòng rỗng không, cùng đồng với lượng hư không.

Các yếu điểm này đều là ở trong sự tu chúng của đại đạo, không phải là cảnh giới của tiểu thừa cùng phàm phu. Khi tâm được niết bàn, tức không thấy có niết bàn. Vì có sao? Vì tâm là niết bàn. Nếu ngoài tâm lại thấy có niết bàn, ấy gọi là chạy theo tà kiến. Tất cả phiền não là chủng tâm Như Lai, vì như phiền não mà được trí tuệ. Chỉ có thể nói phiền não sanh Như Lai, không nên nói phiền não là Như Lai. Thế nên, thân tâm là ruộng lúa, phiền não là hạt giống, trí tuệ là mầm mống, Như Lai dụ cho vỏ hạt lúa. Phật ở trong tâm, như chất thơm ở trong cây; phiền não nếu hết, Phật từ tâm ra, mục nát khi nó hết, hương từ cây ra. Tức là biết, ngoài cây ra không có mùi thơm; ngoài tâm thì không có Phật. Nếu ngoài cây có mùi thơm, đó là mùi thơm nào khác; ngoài tâm có Phật, tức là Phật nào khác. Trong tâm ai còn ba độc, ấy gọi là cõi nước uế ác. Trong tâm ai không còn ba độc, ấy gọi là cõi nước thanh tịnh.

Khế Kinh nói: "Nếu khiến cõi nước không thanh tịnh, uế ác đầy dẫy, các đức Phật Thế Tôn ở trong đó xuất hiện, không bao giờ có việc như thế. Bất tịnh uế ác, tức là vô minh ba độc, còn các đức Phật Thế Tôn, tức tâm giác ngộ thanh tịnh. Tất cả ngôn ngữ đều là Phật Pháp; nếu biết dùng không có gì để nói mà nói cả ngày, ấy cũng hợp đạo. Còn chấp cái gì để nói thì dù trọn ngày làm thỉnh cũng chẳng phải là đạo. Thế nên đức Như Lai nói không nên yên lặng, yên lặng không nên nói, nói năng không lìa yên lặng; ai ngộ được nói năng, yên lặng này, đều ở trong chánh định. Nếu khi hiểu biết mà nói, nói cũng giải thoát; nếu khi không hiểu biết mà yên lặng, yên lặng cũng bị ràng buộc. Thế nên, nếu nói lìa tướng, nói cũng gọi là giải thoát; yên lặng nếu mà trước tướng, yên lặng tức là ràng buộc.

Phàm luận về văn tự ấy là: Bản tánh giải thoát. Văn tự không thể làm nên sự ràng buộc, sự ràng buộc tự nó xưa nay chưa làm nên văn tự. Pháp không cao thấp, nếu thấy có cao, thấp thì không phải là chánh pháp, chẳng phải pháp là chiếc bè, còn pháp là người ngồi trên chiếc bè. Người ngồi trên chiếc bè đó liền được qua biển phi pháp, lý đó đúng là chánh pháp. Nếu nói theo thế tục, tức là có trai, gái, sang, hèn. Nếu đúng về đạo lý thì không có nam, nữ, quý, tiện. Xưa kia thiên nữ ngộ đạo, không đổi hình nữ. Xa Nặc hiểu chơn lý đầu đời đổi danh từ giữ ngựa. Đây muốn nói không có nam, nữ, quý, tiện đều do một chân tướng. Thiên nữ ở trong mười hai năm tìm tướng nữ không thể được, tức nhiên biết rằng ở trong mười hai năm, cầu tướng nam cũng không thể được. Nói mười hai năm là nghĩa thế nào? - Tức là mười hai nhập vậy.

Lìa tâm không có Phật, lìa Phật không có tâm; cũng như lìa nước không có băng, lìa băng không có nước. Phải nói lìa tâm, không phải xa lìa nơi tâm, chỉ khiến dừng để vướng mắc tướng của tâm. Khế Kinh nói: "Không thấy hình tướng gọi là thấy Phật, tức là lìa tướng của tâm". Lìa Phật không có tâm; nói Phật từ tâm lưu xuất, tâm hay sanh Phật. Nhưng Phật từ tâm sanh, mà tâm chưa từng sanh nơi Phật. Cũng như cá sanh ở trong nước, nước không sanh nơi cá. Ai muốn xem cá, chưa thấy cá, nhưng trước thấy nước. Người muốn quán sát Phật, chưa thấy Phật, nhưng trước thấy tâm. Tức nhiên biết rằng đã thấy cá, phải quên nước; đã thấy Phật, phải quên nơi tâm. Nếu người nào không quên nơi tâm, chắc chắn bị vọng tâm mê hoặc. Nếu không quên nơi nước, tự nhiên bị nước làm mê lầm. Chúng sanh cùng Bồ đề, cũng như nước cùng với băng; bị ba độc (24) thiêu đốt, tức gọi là chúng sanh; được ba giải thoát (25) thanh tịnh, tức xưng là Bồ đề. Vì ba tháng mùa đông quá lạnh, khiến nước đóng lại thành băng. Vì ba tháng mùa hè rất nóng khiến băng tan thành ra nước. Nếu bỏ hẳn băng, tức là không có nước nào khác. Nếu bỏ rơi chúng sanh, thì không có Bồ đề nào khác.

Thế thì rõ biết tánh băng tức là tánh nước, tánh nước tức là tánh băng. Tánh chúng sanh tức là tánh Bồ đề. Chúng sanh cùng Bồ đề đồng một bản tánh, cũng như đầu con quạ cùng thân mình đồng một căn mà thôi. Chẳng qua vì thời tiết không đồng, mê thì có cảnh khác, có hai danh từ chúng sanh cùng Bồ đề. Thế nên rắn hóa thành rồng, không thể đổi thành con kỳ lân được. Phàm trở thành Thánh, nhưng không đổi được bộ mặt. Chỉ biết tâm ở trong trí, nhờ giới chiếu ra ngoài thân. Thật ra chúng sanh độ Phật, Phật độ chúng sanh, ấy gọi là bình đẳng.

Chúng sanh độ Phật là sao? - Nghĩa là phiền não sanh hiểu biết và giác ngộ. Phật độ chúng sanh là thế nào? Là hiểu biết giác ngộ diệt trừ phiền não. Thế nên biết rằng chẳng phải không có phiền não, chẳng phải không có hiểu biết giác ngộ; biết rằng chẳng phải phiền não không sanh hiểu biết giác ngộ, chẳng phải hiểu biết giác ngộ không diệt trừ phiền não. Nếu khi mê, Phật độ chúng sanh, nếu lúc ngộ, chúng sanh độ Phật. Vì có sao? Vì Phật không tự thành, đều do chúng sanh độ.

Các đức Phật lấy vô minh làm cha, tham ái làm mẹ; vô minh, tham ái đều là tên khác của chúng sanh. Chúng sanh cùng vô minh, cũng như tay trái và tay phải, lại không có chi khác. Khi mê ở bờ bên này, lúc ngộ ở bờ bên kia. Nếu ai biết tâm không, không thấy tướng thì xa lìa cả mê và ngộ; đã lìa ngộ và mê cũng không có bờ bên kia. Như Lai không ở bờ bên này, cũng không ở bờ bên kia, mà cũng không ở giữa dòng. Giữa dòng là chỉ cho những ai tu còn thấp, còn chấp trước; bờ bên này là chỉ cho phàm phu; bờ bên kia là bờ đề vạy.

Phật có ba thân : Hóa thân, báo thân và pháp thân. Hóa thân cũng gọi là ứng thân. Nếu chúng sanh khi làm việc thiện nhiều tức là hóa thân; khi hiện tu trí tuệ tức là báo thân, hiện giác ngộ vô vi tức là pháp thân. Ai thường hiện bay liệng trong mười phương (26) theo cơ nghi mà cứu tế chúng sanh, ấy là hoá thân Phật. Nếu đoạn hết mê hoặc, thành đạo ở núi Tuyết (27), tức là báo thân Phật. Không nói, không luận, không làm, không đặng, tự nhiên thường trú, là pháp thân Phật. Nếu luận cho chí lý, một thân Phật hãy còn chẳng có, làm sao lại có đến ba thân ? - - đây nói ba thân, chỉ căn cứ nơi người trí mà nói. Nói đến người thì có thượng, trung, hạ : ba hạng. Những người hạ trí, vọng động phát hưng, sức phước, vọng thấy hóa thân của Phật. Những người trung trí vọng động đoạn trừ phiền não, vọng thấy báo thân Phật. Những người thượng trí, vọng chúng bờ đề, vọng thấy pháp thân Phật. Những hạng người thượng thượng trí, bên trong chiếu soi tròn vắng, tâm sáng tức Phật, không chờ đợi tâm mà đặng trí Phật, biết rõ ba thân cùng muôn pháp đều không thể chấp, cũng không thể nói, ấy tức là tâm giải thoát (28), thành đạt đại đạo.

Khế Kinh nói : "Phật không nói pháp, không độ chúng sanh, không chúng bờ đề". Lý đạo là như vậy. Chúng sanh tạo nghiệp, nghiệp không tạo chúng sanh. Đời nay tạo nghiệp, đời sau chịu quả báo, không có khi nào giải thoát. Chỉ có bậc Chí Nhân, ở trong thân này, không tạo các nghiệp, nên không chịu các quả báo. Trong Kinh nói : "Không tạo các nghiệp, tự nhiên đắc đạo, há phải là lời nói dối ư ?

Người tạo nghiệp, nghiệp không thể tạo người; nếu người tạo nghiệp, nghiệp cùng người đồng sanh; nếu người không tạo nghiệp, nghiệp cùng người đều diệt. Thế nên biết nghiệp do người tạo, người do nghiệp sanh. Người nếu không tạo nghiệp, tức là nghiệp không thể sinh người. Cũng như người hay hoằng đạo, đạo không thể hoằng người. Những người phàm phu ngày nay, thường ưa tạo nghiệp, vọng nói là không có quả báo, há không bị chút quả khổ nào ư ? Ít nhất theo lý ở trước, tâm tạo, sau đó mới bị quả báo thì làm sao mà giải thoát được ? Nếu tâm trước không tạo, tức là tâm sau không khổ báo, lại đâu có vọng thấy nghiệp báo ? Khế Kinh nói : "Mặc dù tin có Phật, nói Phật tu khổ hạnh, ấy là tà kiến" (29). Tuy tin có Phật, nói Phật có quả báo kim thương (30), mã mạch (31), ấy gọi là lòng tin không đầy đủ, đó gọi là nhứt xiển đề (32). Hiểu thánh pháp gọi là Thánh nhơn, người hiểu phàm pháp gọi là phàm phu. Chỉ người nào hay bỏ phàm pháp đến thánh pháp, tức là phàm phu trở thành Thánh nhơn vậy.

Người ngu trong thế gian chỉ muốn tìm cầu Thánh nhơn ở đâu xa, không tin tâm huệ (33) giải là Thánh nhơn; Khế Kinh nói : "Trong số những người không có đủ trí huệ, chớ nên nói Kinh siêu việt ". Trong Kinh lại nói : "Tâm cũng là pháp, những người kém trí tuệ, không tin tâm này. Hiểu rõ pháp tức tâm trở thành Thánh nhơn, thế mà chỉ muốn học ngoài xa, yêu thích thấy các tượng Phật hay hào quang sáng, các mùi hương, sắc tướng giữa hư không v.v... hành như vậy đều sa vào tà kiến, mất chánh tâm bị cuồng loạn". Kinh Kim Cương nói : "Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức là Thấy Như Lai ". Tám muôn bốn ngàn pháp môn (34) đều do nhứt tâm mà phát khởi. Nếu tướng tâm bên trong thanh tịnh cũng như hư không, tức là tống ra gốc bịnh tám muôn bốn ngàn phiền não bên trong thân tâm. Phàm phu đương sống lo sợ chết, no đến lại lo rầu sợ đói, đều gọi là mê lầm lớn . Do đó mà các vị Thánh nhơn không mưu cầu việc gì trước, mà cũng chẳng lo lắng việc về sau, mà cũng chẳng luyến tiếc hiện tại, mỗi niệm, mỗi niệm, trở về đạo lý. Nếu ai chưa ngộ đại lý này, liền phải sớm tìm các việc tốt lành ở cõi người cõi trời, chớ nên để hai bên đều mất.

Bài kệ:

Suốt năm canh ngồi thiền

1/ Canh một ngồi thẳng, chân kiết già,

Tinh thần tịch tĩnh, mắt không hoa,

Xưa nay nhiều kiếp không sanh diệt,

Vì bởi nhứt thời dứt cái ta.

Các pháp lộ bày toàn giống quý,

Chơn như hiển lộ kể hàng sa,

Tánh tâm hiểu rõ vô hình tướng,

Không động, trạm nhiên đạt Thích Ca.

2/ Canh hai quán chuyển hợp thần minh,

Không tưởng, không mơ, giữ tánh linh,

Vạn vật sum la đều trống rỗng,

Một niệm chấp trước, hóa vô minh,

Thịnh suy bởi tưởng về duyên sự,

Động tịnh vì lo việc chúng sinh,

Tiêu diệt biệt phân là giải thoát,

Phàm phu tức Phật, Phật phàm sanh.

3/ Canh ba tâm tịnh, thể hư không,
Cùng khắp mười phương thấy được thông,
Sông núi bao quanh không trở ngại,
Hằng sa thế giới, chẳng ngoài trong,
Như như bốn tánh đều nhân loại,
Không tướng, không tâm, cả vật đồng,
Bối Phật như phàm, chung tánh vậy,
Muôn loài sanh chúng chảy xuôi dòng.

4/ Canh tư không diệt, cũng không sanh,
Lượng với hư vô, pháp giới thành,
Không khứ, không lai, không khởi diệt,
Chẳng vô, chẳng hữu, chẳng hung lạnh,
Tiêu trừ pháp chấp Như Lai vậy,
Loại bỏ tướng danh, tức Phật sanh,
Chỉ cậy thông minh mà thấu suốt,
Chúng sanh chữa ngộ, giống quần manh,

5/ Canh năm bát nhã chiếu vô biên,
Vọng niệm tiêu tan trái cữu thiên,
Chơn tánh hiện bày đây ánh sáng,
Tà tâm biến dạng, khuất tiền khiên,
Lý mâu sâu kín, nên nghiên cứu,
Tìm được chơn minh, dứt não phiền,
Giác ngộ, tức nhiên thành quả Phật,
Thân tâm thường lạc, sống trường miên.
Dịch xong ngày 23-07-92

Lời giải Luận Ngộ Tánh của Tổ Đạt Ma

1) Tịch diệt : Tịch là thanh tịnh, tịch tĩnh. Diệt là dứt sạch, dứt các phiền não, dứt các tai hại lớn là vòng sanh tử luân hồi, dứt các nhơn quả của cuộc luân hồi. Nên cội bồ đề, chỗ Phật thành đạo được gọi là Tịch Diệt Đạo Tràng. Rồi đến khi Phật bỏ xác thân nơi rừng cây Sa La, gần thành Câu Thi Na, cũng gọi là tịch diệt, tức là niết bàn.

2) Ly tướng : Rời khỏi tướng. Thoát ly tất cả các tướng trạng bên trong (tâm) và bên ngoài (thân) đối với lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), tự mình chẳng có sanh tâm chẳng yêu, chẳng ghét, chẳng chán, chẳng mến. Chẳng phân biệt tướng mình (ngã tướng), tướng người (nhơn tướng), tướng chúng sanh (chúng sanh tướng), tướng thọ mạng (thọ giả tướng). Ly tướng cũng gọi là ly pháp vô tướng, phi tướng. Đối với chấp trước, trước tướng, thủ tướng. Ly tướng tức là chơn thật, niết bàn. Còn chấp tướng, trước tướng, thủ tướng, tức là hư vọng, sanh tử luân hồi. Ly tướng, tức là vô vi. Còn chấp tướng, trước tướng, thủ tướng, tức là hữu vi. Bạc Bồ Tát chơn thật, thật hành lục độ (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ) một cách vô vi. Tự mình rời khỏi các tướng. Ly tướng là một trong ba tướng: Giải thoát, ly tướng và diệt tướng.

3) Chánh niệm : Samyak snoti. Pensée juste. Mémoire parfaite (F). Niệm tướng chơn chánh, suy xét về chánh đạo. Trái với tà niệm. Chánh niệm là cách hành -Đạo thứ bảy trong bát chánh đạo. Người chánh niệm trở nên thanh lành, lướt khỏi và diệt sạch sự rầu lo đau đớn.

4) Phật tánh : Đã chú giải trong tập Luận Pháp Tướng, số 9.

5) Sáu căn : Ayatana. Six organes. Six sens (F). Căn là căn cội, có sức sanh nảy . Như mắt là căn cội có sức sanh nảy sự thấy, cho nên kêu là nhãn căn. Sáu căn là: 1/ Nhãn căn (con mắt : yeux) 2/ Nhĩ căn (lỗ tai: Oreilles). 3/ Tỷ căn (lỗ mũi: nez). 4/ Thiệt căn (cái lưỡi: langue). Thân căn (căn thân: corps). 6/ Ý căn (căn ý: conscience).

6) Năm uẩn : Năm món tích tụ, hòa hiệp làm thành thân tâm của người ta, của chúng sanh, chúng nó che khuất chơn lý, khiến chúng sanh luân hồi, thọ khổ. 1/ Sắc (rupa : forme). 2/ Thọ (Vedana : Sensation). 3/ Tưởng (SanjĐa : Perception).

4/ Hành (Samsharas : Impression). 5/ Thức (VyĐāna : Conscience).

7) Tiểu thừa : Hinayana : Petit véhicule. Chánh âm là tiểu thặng. Cổ xe nhỏ. Nhà tu học ngồi trên cổ xe nhỏ để đi tới tiểu niết bàn của bậc La Hôn và Bích Chi Phật. Đối với đại thừa là cổ xe lớn của những vị đồng mãnh muốn hoàn thành Đại Bồ Tát và Phật Như Lai.

8) Giải thoát : Moksha, Délivrance, se délivrer. Giải là lia khỏi sự trói buộc, được tự tại, mở những dây trói buộc của nghiệp mê lầm. Thoát là ra ngoài quả khổ ba cõi. Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.

9) Pháp bình đẳng : Phép bình đẳng. Đó là một phương pháp mà tất cả chúng sanh phải tu và hành để thành Phật.

10) Tâm không : Cõi không của tâm, tâm tánh rộng lớn, chứa đựng muôn hình tượng, tỷ như cõi đại hư không, nên gọi là tâm không. Lại có nghĩa : tâm trống không. Ấy là lia khỏi các phiền não chướng ngại, trống không lạng lẽ, không tướng. Gọi là tâm không.

11) Chốn đạo tràng : Bodhimandala. Khoảnh đất đạo, nơi Phật ngồi đại định mà thành đạo; Chốn đạo tràng của đức Thích Ca thuộc nước Magadha, gần sông Nairanjana tại rừng Gaya, dưới cây bồ đề, phủ tàn che mát. Về sau, gọi chốn đạo tràng, những chỗ như sau : Nơi chánh điện của chùa. Chỗ tụng kinh hằng ngày. Nơi chú tăng giảng đạo, truyền đạo. Chỗ thanh tịnh, nơi ấy các sư tu luyện, tham thiền...

12) Chánh giải chánh kiến : Giải thích đúng chánh pháp, hợp chơn lý. Ý kiến chơn chánh, chỗ giải chỗ thấy chính đáng... Bậc giác ngộ sáng suốt mới có chánh giải, chánh kiến.

13) Chơn kiến : Ý kiến chơn chánh. Ý kiến đưa mọi người lên quả vị Phật. Ý kiến chân chính, khuyên mỗi người hành đạo Bồ Tát.

14) Mười phương : Dix régions de l'Espace (F). Mười cõi trong không gian: Đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, thượng và hạ.

15) Chơn pháp : Chơn pháp ở đây giống như chơn tâm vậy. Pháp chơn chánh, chơn thật, trong sạch, không nhiễm dơ bởi cảnh xấu, bói tư tưởng xấu. Đối nghĩa là vọng pháp, hay vọng tâm.

16) Sáu thức : Đã chú giải trong tập Luận Phá Tướng, số 11.

17) Năm ấm : Đã chú giải trong tập Luận Phá Tướng, số 4

18) Tà kiến : Micchaditthi; Idée (croyance) perverse. Ý kiến tà vạy. Điều thứ ba trong ngũ kiến, điều thứ tám trong mười sử, điều thứ mười trong thập ác. Ấy là ý kiến tà vạy chẳng rõ đạo lý như quả. Chỉ vào những kẻ làm trái chánh lý mà gọi là tà kiến. Cũng gọi là si mê.

19) Hữu dư niết bàn : Niết bàn còn dư hữu lậu, nghĩa là cái nghiệp làm lộn trong nguyên như sanh tử đầu hết, mà còn dư lại cái khổ quả của cái thân nương vào hữu lậu vậy. Hữu dư niết bàn là cảnh hưởng của người tu hành đắc niết bàn, mà thân vẫn còn ở tại thế đặng giáo hóa chúng sanh. Lúc nào xả báo thân này là nhập niết bàn trọn vẹn : Vô dư niết bàn.

20) Vô sanh pháp nhẫn : Đã chú giải trong tập Luận Tối Thượng Thừa, số 7.

21) Bản thể : Thể chất căn bản của vũ trụ hay chính bản thể của sự vật. Vật nào cũng đều có bản thể của nó.

22) Chánh định : Samyak-samadhi. Contemplation extase pure (F). Sự thiền định chơn chánh của người tu học chánh thống, quyết chí đắc đạo giải thoát. Sự tu chánh định có rất nhiều tầng bậc, nhưng đại để gồm vào hai bậc : 1/ Bậc ở trong cảnh định gần. Pali Upacara samadhi, lo trừ lần những tánh tham, sân, si. 2/ Bậc ở trong cảnh định cao. Pali Appana samadhi, nhập những cảnh sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền và cao hơn nữa.

23) Mười hai nhập : Ayatana. Mười hai cái can thiệp vô với nhau. Như sáu căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, nhập với sáu trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu trần nhập với sáu căn, ấy là mười hai nhập.

24) Ba độc : Trois poisons. Trois passions dangeureuses (F). Ba thứ độc hại. Ba món phiền não lớn : Tham lam, giận tức, si mê là độc hại nhất. Nó phá hủy các căn lành, làm hại đời sống của chúng sinh, nên gọi là ba độc, cũng gọi là ba cấu, ba chướng.

25) Ba giải thoát : Tức là ba cửa giải thoát, cũng gọi tam thoát môn, tam giải thoát. Đã chú giải trong tập Luận Phá Tướng, số 22.

26) Mười phương : Đã chú giải trong tập Luận Ngộ Tánh, số 14.

27) Núi Tuyết : Tuyết Sơn. Tức là núi Dongosiri. Ngày xưa đức Phật tu khổ hạnh ở núi này sáu năm trường, sau đó thành chánh giác dưới cội bồ đề. Núi này gần sông Ni Liên Thuyền.

28) Tâm giải thoát : Tâm không trói buộc, xiềng xích. Tâm ý cởi trói, lia khỏi sự ràng buộc tham, giận, si mê...

29) Tà kiến : Đã chú giải ở số 18 trong tập này.

30) Kim tương hay kim thương : Cây thương bằng vàng. Tiền thân đức Phật Thích Ca có tạo một nhưn không tốt, nên khi đắc quả có cây thương bằng vàng đến lơ lửng trước mặt Phật. Ngài biết là quả phải trả, nên cây thương vàng đâm vào bắp vế của Phật.

31) Mã mạch : Lúa ngựa. Loại mạch mà người ta để cho ngựa ăn. Vua Bà La Môn A Kỳ Đạt có thỉnh đức Thích Tôn đến nước của Vua để Vua tiếp đãi và cúng dường trọn ba tháng an cư. Nhưng Vua quên lời hứa, trọn ba tháng vui hưởng khoái lạc trong cung cấm quần thần không ai được tâu trình với Vua việc chi cả, và Vua không tiếp rước ai cả. Vì lệnh ấy khi Phật hướng dẫn 500 vị tỷ kheo đến kinh thành của Vua để an cư trong mùa hạ, thì Phật chẳng dạng Vua tiếp đãi. Phật và chư tỷ kheo đành phải ăn mã mạch trong ba tháng hạ. Đó là một quả báo mà Phật và chư Tăng phải thọ lãnh.

32) Nhứt kiến đề : Đã chú giải trong tập Luận Huyết Mạch, số 20.

33) Huệ giải : Compréhension de la Sagesse (F). Sự hiểu biết của trí huệ. Nhà đạo đức dùng trí tuệ mà xét nét thì hiểu rõ các pháp. Chỗ hiểu biết rõ ràng, minh bạch, chắc chắn. Ấy là huệ giải.

34) Tám muôn bốn ngàn pháp môn : 84 000 của pháp, tức là vô số phương pháp tu tập để diệt trừ phiền não chúng đắc bồ đề. Vì thấy trình độ của chúng sanh khác nhau, nên Phật dạy đạo dùng rất nhiều pháp môn mà giáo hóa họ. Lại nữa, tâm bệnh của chúng sanh rất nhiều, nên đức Phật lại dùng vô số phương pháp mà điều trị cho họ, nên có tám muôn bốn ngàn pháp môn.

Tất cả những lời chú giải trong sách này đều được trích trong Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn và ý kiến của dịch giả.

Hết phần chú giải Luận Ngộ Tánh

Ngày 11-08-1992

Quán Bốn Hạnh của Tổ Đạt Ma

Vị nào muốn vào đạo tu hành giải thoát phải thâm nhập Bốn Hạnh Quán.

Bài tựa ngắn do đệ tử Đàm Lâm viết. Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma, người nước nam Thiên Trúc Ấn Độ. Ngài là hoàng tử thứ ba của Quốc Vương Bà La Môn, cõi nước này. Ngài có đủ trí tuệ sáng suốt, nghe pháp rồi là liền tỏ ngộ. Chí Ngài theo con đường Ma Ha Diễn (đại thừa), bỏ thế tục đi xuất gia, nối thành giống Phật; tâm hồn thơ thối, thông suốt việc đời. Nội điển, ngoại điển lầu thông, đức tánh cao thượng hơn người đời. Trong tâm hồn canh cánh, lúc nào Ngài cũng mang chánh giáo (1) để giác ngộ người đời; liền đi du phương, theo miền núi biển, du hóa các triều Hán, Ngụy, Thục Lương, bao nhiêu chí sĩ, những người mộ đạo đều quy hướng về Ngài. Cũng có một số không hiểu được hạnh tu của Ngài lại sanh tâm cơ báng (2). Sau cùng chỉ có Ngài Đạo Dục và Huệ Khả, hai vị sa môn này, tuổi mặc dù sanh sau, nhưng chí hướng anh tuấn rất cao xa. May mắn gặp được Tổ Sư, theo thờ Thầy học thiền vài năm, thành kính chuyên tâm, khéo nhận định thiện ý của Tổ Sư. Bồ Đề Đạt Ma cảm thấy lòng tinh thành của đệ tử, truyền trao chơn-đạo (3), khiến ngài Huệ Khả "như thị an tâm", "như thị hành đạo", "như thị thuận vật", "như thị phương tiện". Đây là chánh pháp an tâm của đại thừa, khiến không bao giờ lầm lẫn.

"Như thị an tâm" là thế nào ? -- Bích quan.

"Như thị hành đạo" là thế nào ? -- Bốn hạnh.

"Như thị thuận vật" là thế nào ? -- Phòng hộ chơn-bai hiềm trách.

"Như thị phương tiện" là thế nào ? -- Khiển trừ không chấp trước sự vật.

Đây là bài tựa sơ lược ghi về nơi phát xuất chánh đề. Luận về việc vào đạo thì rất có nhiều đường. Tóm lại mà nói thì không ra ngoài hai cách thức :

Một là lý nhập.

Hai là hạnh nhập.

Thế nào gọi là lý nhập ? -- Nghĩa là nương giáo lý để liễu ngộ tôn chỉ; tin chắc là loài hàm sanh đồng một chơn tánh, chỉ vì bị khách trần vọng tưởng quá nhiều nên che khuất chơn tánh, khó mà hiện rõ ràng. Nếu bỏ vọng trở về chơn, ngưng trụ bích quan (4) không tự, không tha, phàm, thánh bình đẳng, kiên cố không dời đổi. Lại nữa không chạy theo văn tự giáo lý, chỗ này cùng lý hòa hợp. Không đem tâm phân biệt, tịch nhiên vô vi. Ấy gọi là lý nhập.

Thế nào gọi là hạnh nhập ? -- Hạnh nhập có chia làm bốn. Ngoài ra còn có các hạnh khác đều chung vào trong bốn hạnh này. Những gì là bốn ?

1/ Hạnh trả các oan oan tương báo.

2/ Hạnh theo duyên nghiệp.

3/ Hạnh không chỗ cầu và

4/ Hạnh xứng pháp tánh.

Thế nào gọi là hạnh trả các oan oan tương báo ?

Nghĩa là người tu hành làm đạo, nếu khi chịu khổ não, phải chính tự mình nghĩ rằng : Ta từ vô số kiếp về trước, bỏ gốc theo ngọn, trôi nổi trong các cõi, phần nhiều phát khởi các sự oán ghét, gây tai hại không hạn lượng. Đời này mặc dù xem như không trái phạm, nhưng mà oan khiên trong đời trước của ta, các ác nghiệp quả báo đã chín muồi chẳng phải trời, không phải người mà có thể thấy biết được. Cam tâm đành chịu cùng nghiệp báo, trọn không thể nào kêu oan được. Khế Kinh nói : "Gặp khổ không lo". Vì có sao ? Vì hiểu biết thông suốt, tâm này khi sanh cùng lý tánh tương ứng, thể oan tấn đạo. Cho nên nói rằng hạnh trả các oan oan tương báo.

Thế nào gọi là hạnh theo duyên nghiệp (5) ?

Chúng sanh không có thật ngã, đều theo duyên nghiệp ràng buộc, khổ não cùng yên vui đồng thọ lãnh, đều từ duyên nghiệp sanh. Nếu ai được các việc thắng-báo, vinh dự, phước mệnh v.v... là do đời quá khứ đã gieo duyên nghiệp tốt, nên đời này mới chiêu cảm, mới hưởng phước báo; duyên nghiệp hết trở lại không. Đâu có gì là vui vĩnh viễn ? Đặng mất theo duyên nghiệp, còn tâm mỗi người không tăng giảm, gió vui mừng không lay động, thuận theo đạo cả. Thế nên gọi là hạnh theo duyên nghiệp.

Thế nào gọi là hạnh không chỗ cầu ?

Người đời mê lầm quá cỡ. Mỗi việc, mỗi chỗ đều đem tâm tham trước, gọi đó là cầu. Người trí liễu ngộ được chơn tâm, đạo lý cùng thể tục trái nhau, an tâm vô vi, hình thức theo đó mà vận chuyển, muôn cõi đều trở thành Không, không có chỗ nào nguyện vui. Phước đức hắc ám, thường cùng theo dõi, ở lâu trong ba cõi (6), cũng như trong nhà lửa, có thể đều là khổ, ai được yên vui ? Rõ thông điểm này, nên bỏ các cõi thế, ngăn chặn vọng tưởng không tham cầu. Trong Kinh nói : "Có cầu đều là khổ, không cầu tức được an vui". Không cầu thật là đạo hạnh. Thế nên nói hạnh không chỗ cầu.

Thế nào gọi là hạnh xứng pháp tánh (7) ?

Lý tánh thanh tịnh, gọi đó là pháp. Lý này các tướng đều không, không đắm nhiễm, không chấp trước, không bên này, không bên kia. Khế Kinh nói : "Pháp không chúng sanh, vì xa lìa trần cấu của chúng sanh; pháp không có ngã, vì lìa cấu của ngã; người trí nếu hay tin hiểu lý này, cần phải xứng pháp mà làm". Thể của các pháp không xan lẫn, thân mạng và tài sản, nên thật hành xả thí (đàn ba là mật), tâm không sên tiếc, giải thoát ba không, không nương cậy, không chấp trước, chỉ dứt bỏ trần cấu, xứng theo hoàn cảnh mà hóa độ chúng sanh, nhưng không chấp tướng (9). Đây là tự thật hành, lại hay lợi tha, cũng thường hay đi trên con đường trang nghiêm bờ đề. Đàn thí đã như vậy, năm độ (10) khác cũng thế. Vì dứt trừ vọng tưởng, thật hành lục độ, mà không thấy chỗ thật hành, ấy là hạnh xứng pháp tánh.

Phụ thêm bài tụng ghi trong bia ký của Đạt Ma Tổ Sư :

Đỉnh Lăng Già (11) ngồi nhìn trăng sáng,
Trông thấy người vai máng cà-sa,
Hình đồng quả đất chói lòà,
Tâm trung tợ nguyệt, sắc là ngọc trong.

Ngọc trong khỏi mài cũng khỏi giũa,
Mặc dù mây che, tuyết bủa vẫn trong,
Hoa sen trắng, dụng nghiêm thân,
Theo duyên tiếp vật, phong trần sỡ sỡ.

Sở sỡ, chẳng qua cũng chẳng lại,
Văn tài, biện thuyết, hiện tại pháp màu,
Trình bày nghĩa lý cao sâu,
Không lớn, không nhỏ có đâu thể hình.

Thể hình, chuyển biến tâm huyền diệu,
Biển tuệ vượt qua đúng diệu pháp tiên,
Xuôi dòng nước chảy triền miên,
Không cầu không dứt nào phiền sạch trơn.

Sạch trơn, ngọc rạng đèn tâm chiếu,
Rõ pháp màu huyền diệu thậm thâm,
Sông mê biển khổ hết trầm,
Sông thiên trôi chảy gảy âm cầu kia.

Cầu kia chẳng lại đi, phải quấy,
Hình thể này nát bấy từ lâu,
Tịch nhiên đã dứt cượng cầu,
Không còn thăm khổ, còn đâu nào phiền ?

Nào phiền xóa bỏ, truyền đăng kiếp,
Lại đi, sống chết, in tiệp chớp giăng,
Tâm thành phải ráng hiểu rằng,
Khi nào giác ngộ, pháp hoàng truyền ra,
Chơn pháp mỗi ngày mỗi tiến xa,
Phá mê, phá chấp, ấy là Như Lai.
Hết tập Quán Bốn Hạnh Của Đại Sư Đạt Ma
30-07-1992

Phần chú giải Quán Bốn Hạnh Của Đại Sư Đạt Ma

1) Chánh giáo : Orthodoxic. Giáo pháp chánh thống, tôn giáo chánh thức. Trái với tà giáo : Hétérodoxic. Như đạo Phật là đạo chung của dân chúng trên thế giới. Được mỗi chánh phủ nhìn nhận một cách chánh thức nên kêu là chánh giáo. Lại

như chỗ tu học đúng theo những pháp của Phật tánh đã chỉ trong kinh điển, lời nói ra thích hợp với chơn lý, không nguy biện, không tà kiến, không thân kiến. Đó là chánh giáo.

2) Cơ báng : Tâm cơ hiềm hủy báng nghĩa là sanh tâm chê bai, nói xấu ra nhạo báng. Trái hẳn với tâm xưng khen, tôn trọng, nên gọi là cơ báng.

3) Chơn đạo : Đạo lý chơn chánh. Truyền tâm ấn cho người đi sau, đem chơn đạo truyền bá khắp nhơn gian. Chơn đạo là đạo Phật.

4) Bích quan : Xây mặt vào vách. Xưa Tổ Bồ Đề Đạt Ma xây mặt vào vách 9 năm thiền định, khi cơ duyên đến truyền pháp (thiền) lại đến đệ nhị tổ : Huệ Khả hay là Thần Quang.

5) Duyên nghiệp : Nhơn duyên của hạnh nghiệp. Cái nghiệp lúc mới phát khởi, mới tạo tác. Đối nghĩa với quả nghiệp. Do duyên nghiệp xấu nên kết quả nghiệp cũng xấu.

6) Đã chú giải trong Luận Phá Tướng, số 6.

7) Pháp tánh : Đã chú giải trong Luận Huyết Mạch, số 6

8) Ba không : Ba lẽ không. 1/ Ngã không : Ta là không. Sự nhìn thấy không có bản ngã, không có mình, không có người, không có chúng sinh, chỉ là năm uẩn tạm hiệp mà thôi. 2/ Pháp không : Các sự vật đều không. Sự nhìn thấy các sự vật phi tình đều là không không, chẳng thật, chỉ là nhơn duyên tạm hiệp mà thôi. 3/ Câu không : Cả hai ngã và pháp, chúng sanh và sự vật đều là không. Ba không cũng gọi là ba cửa giải thoát.

9) Không chấp tướng : Không chấp nê hình tướng, vì không chấp trước hình tướng, hình thức, nên không bị si mê lầm lạc... rồi do nơi một chỗ không chấp tướng, mà sinh ra ý kiến không lầm lạc, không mê muội v.v...

10) Năm độ khác : Tức là trừ bố thí độ, còn lại năm độ khác là trì giới ba la mật, nhẫn nhục ba la mật, tinh tấn ba la mật, thiền định ba la mật và trí tuệ ba la mật...

11) Đỉnh Lăng Già : Lanka. Ngọn núi tại nước Singha. Nước Tăng Già kêu theo nghĩa : Su tử quốc, ngày nay gọi là đảo Tích Lan, nước Sri-Lanka, nghĩa là Bốn Bảo (châu báu vốn ở đó) cũng có nghĩa là bất khả đáo, nan nhập. Đức Phật Thích Ca có ngự đến cảnh núi Lăng Già tại nước Su Tử mà thuyết Kinh Đại Thừa. Gọi là Lăng Già Kinh. Kinh Lăng Già Lankavatara Sutra. Bộ kinh này được dịch ra chữ Hoa năm 443, nhằm đời nhà Lưu Tống. Bộ Kinh Lăng Già gọi Lăng Già A Bạt Đa La Bảo Kinh. Lankarata Sutra. Ấy là bộ Kinh về đại thừa, nghĩa lý rất cao xa huyền diệu. Về khu vực đông nam nước ấy, có một cảnh núi kêu là Lanka. Đức Phật ngự đến cảnh núi ấy mà thuyết Kinh Lăng Già. Xứ Tăng Già La tức là miền nam Ấn-Độ. Ngày nay gọi là Sri-Lanka.

Tất cả phần chú giải trong tập này đều được trích từ Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn và ý kiến của dịch giả.

Dịch xong tại Tự Viện Linh-Sơn New Jersey, USA.

Mùa An Cư Kiết Hạ năm Nhâm Thân

Vào ngày 11-08-1992.

Truyền Tâm Pháp Yếu

Hoàng Bá Đoạn Tế Thiền Sư

Việt ngữ : Thích Xoa Ma Na Ni Thích Nữ Trí Minh ghi

1. Thiền sư bảo ngài Huệ Hưu rằng : "Các đức Phật cùng với tất cả chúng sanh, chỉ có một tâm, lại không có pháp nào khác. Tâm này từ vô thủy đến nay, không từng sanh, không từng diệt, không xanh, không vàng, không hình, không tướng, chẳng thuộc có không, không tính mới cũ, không dài, không ngắn, không lớn, không nhỏ, vượt qua tất cả hạn lượng, danh ngôn tung tích, đối đãi. Thể này là thể, động niệm liền trái, cũng như hư không, không có ngăn mé, không thể đo lường. Chỉ một tâm này tức là Phật, Phật cùng với chúng sanh, lại không khác biệt. Chỉ vì chúng sanh chấp tướng, tìm cầu bên ngoài, càng tìm càng mất, khiến Phật tìm Phật, đem tâm bắt tâm, cùng kiếp trọn đời trọn không thể nào được. Không biết rằng dứt được vọng niệm (1), Phật sẽ hiện ra trước mặt.

Tâm này tức là Phật, Phật tức là chúng sanh. Khi làm chúng sanh, tâm này không giảm. Khi làm các đức Phật, tâm này cũng không thêm.

2. Cho đến sáu độ (2), muôn hạnh công đức nhiều như hàng sa, vốn tự đầy đủ, không phải nhờ tu mà thêm. Gặp duyên liền lộ, dứt duyên liền vắng lặng. Nếu không quyết định, tin ấy là Phật, mà muốn chấp tướng tu hành để cầu công dụng, đều là vọng tưởng, đối với đạo trái nhau. Tâm này tức là Phật, lại không có Phật nào khác, cũng không có tâm nào khác. Tâm này sáng sạch, giống như hư không, không có một chấm tướng mạo. Hễ cử vọng tâm thì động chánh niệm, liền trái với pháp thể (3), tức là chấp tướng. Từ vô thủy đến nay, không có chấp tướng Phật được. Tu lục độ vạn hạnh, muốn cầu thành Phật, tức là thú lớp. Từ vô thủy đến nay không có thú lớp để thành Phật. Chỉ ngộ nhất tâm, lại không có thú lớp để thành Phật. Chỉ ngộ nhất tâm, lại không có tí pháp gì có thể được, như vậy tức là chơn Phật (4).

3. Phật và chúng sanh đều đồng một tâm không khác, cũng giống như hư không, không lẫn lộn, không hư hoại. Như vầng mặt trời, sáng chiếu bốn châu thiên hạ (5). Khi mặt trời lên, sáng khắp thiên hạ, hư không cũng không từng sáng. Khi mặt

trời lặn, tối khắp thiên hạ, hư không cũng không từng tối. Cảnh tối cùng sáng, tướng tự thay đổi, tánh hư không tự nhiên rỗng không, không thay đổi. Tâm Phật và chúng sanh cũng như vậy. Nếu xem Phật là tướng thanh tịnh, sáng suốt, giải thoát; xem chúng sanh là tướng cấu trược, ám muội, sanh tử, ai khởi lên sự hiểu biết như vậy, thì dù trải qua vô số kiếp, nhiều như số cát sông Hằng, đều không bao giờ giác ngộ được, vì là trước tướng vậy. Chỉ có một tâm này, lại không có mảy trần cho một pháp nào có thể đắc, tâm này tức là Phật. Cũng như người học đạo đời nay, không ngộ được tâm thể này, rồi đối với ở trên, tâm lại sanh vọng tâm, hướng ngoài tìm Phật, trước tướng tu hành, đều là pháp ác, không phải con đường giác ngộ vậy.

4. Cúng dường các đức Phật trong mười phương (6), không bằng cúng dường cho một người vô tâm hành đạo. Vì sao? Chữ vô tâm ở đây là gì? -- Là không tất cả vọng tâm vậy. Thể như như, phía trong như cây đá, không động không lay; phía ngoài như hư không, không ngăn không ngại, không năng không sở, không phương sở, không tướng mạo, không đắc thất. Người dẫn đầu không dám vào pháp này, e lạc vào chỗ không chơn, cho nên trong bờ mà thoái chuyển, so sánh tất cả đều rộng tìm cầu sự hiểu biết. Do đó cho nên người tìm cầu tri kiến cũng như lông rùa, người ngộ đạo cũng như sừng thỏ.

5. Ngài Văn Thù đứng lý, ngài Phổ Hiền đứng hạnh. Lý là chơn không vô ngại. Hạnh là lia những tướng không cùng tận. Ngài Quán Âm đứng với hạnh đại từ, ngài Thế Chí đứng với hạnh đại chí. Còn ngài Duy Ma đứng là Tịnh Danh vậy. Tịnh là nói về tánh, còn danh là nói về tướng, tánh tướng không khác, cho nên gọi là tịnh danh. Các vị đại Bồ Tát cũng để tiêu biểu chỗ đó, mỗi người đều phải có, không lia nhất tâm, ngộ tức là vậy. Người học đạo đời nay, không chịu hướng về trong tâm mình để ngộ, mà cứ lo hướng về ngoài tâm để trước tướng, chấp cảnh, đều là trái với đạo.

Chữ 'hằng hà sa' đó là thế nào? Phật thường thuyết chữ 'sa' này. Các đức Phật, các vị Bồ Tát, các Phạm Vương Đế Thích, các vị trời đó bước qua trên cát mà đi, cát cũng không vui mừng; các loài trâu, dê, trũng, kiến, dậm đạp trên cát đó để đi, cát đó cũng không giận tức; những đồ quý báu và các hương thơm, cát đó cũng không tham; các thú phân, nước tiểu hôi nhơ, cát cũng không ô uế.

6. Tâm này tức là vô tâm, lia tất cả các tướng, chúng sanh cùng chư Phật lại không sai khác. Chỉ hay vô tâm, tức là rốt ráo. Người học đạo nếu không buông bỏ vô tâm, thì nhiều kiếp tu hành, trọn không thành đạo, công hạnh tam thừa (7) đều bị trói buộc, không giải thoát được. Song nếu chúng được tâm này, có chậm có mau. Có người nghe chánh pháp một niệm liền được vô tâm. Có khi đến hàng thập tín (8), thập tự (9), thập hồi hướng (10) mới được vô tâm. Có người tu đến quả vị thập địa (11) mới được vô tâm đó, mau chậm để đắc được vô tâm, lại không thể tu, không thể chứng. Thật không có chỗ đắc, chơn thật không hư dối, một niệm mà được, cùng với hàng thập địa mà được, công dụng như nhau, lại không có cạn sâu, chỉ nhiều kiếp uổng chịu sự cay đắng nhọc nhằn mà thôi.

7. Tạo ác tạo thiện đều là trước tướng. Trước tướng tạo ác uổng chịu luân hồi (12); trước tướng tạo thiện uổng thọ lao khổ. Tóm lại không như lời vừa nói, liền nhận ra căn bản chánh pháp. Pháp này chính là tâm, ngoài tâm không có pháp gì nữa; tâm này chính là pháp, ngoài pháp không có tâm nào nữa. Tâm tự không có vọng tâm, cũng không có vô tâm. Đem tâm vô tâm đó, tâm tức thành có, yên lặng để nhận. Dứt các sự nghi bàn, cho nên nói rằng "Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt". Tâm này chính là nguồn gốc Phật thanh tịnh, mỗi người đều có, loài bò, bay, máy, cựa, cùng chư Phật, Bồ Tát, đều đồng một bản thể không khác. Chỉ vì vọng tưởng phân biệt, nên đã tạo không biết bao nghiệp quả.

8. Trên chỗ giác ngộ căn bản, thật không có một vật, hư, thông, tịch, tĩnh, sáng suốt, nhiệm màu an vui mà có. Sâu sắc tự ngộ nhập, buông bỏ là vậy, lại tròn đầy không có một chỗ nào khuyết. Giả sử có tu ba vô số kiếp, tinh tấn tu hành, trải qua các địa vị cho đến một niệm tu chứng, chỉ chứng nguyên lai Phật (13) của mình. Hướng lên trên cũng không thêm một vật, chỉ quán sát công hạnh trong nhiều kiếp, đều là ở trong giác chiêm bao vọng động. Cho nên đức Như Lai nói: "Ta đối với quả vị vô thượng bồ đề thật không có chỗ được, nếu có chỗ được thì chắc chắn Phật Nhiên Đăng không bao giờ thọ ký cho ta". Lại nói như thế này: "Pháp này bình đẳng, không có cao thấp nên gọi là bồ đề". Tức là, tâm bản nguyên thanh tịnh, cùng với chúng sanh, các đức Phật, thế giới, sơn hà, có tướng, không tướng, khắp mười phương thế giới, tất cả bình đẳng, không có tướng bỉ ngã kia.

9. Nguồn gốc tâm thanh tịnh này thường tự tròn sáng chiếu khắp nơi. Người đời vì không giác ngộ chỉ nhận thấy, nghe, hiểu, biết là tâm, vì thấy nghe hiểu biết bị che lấp, do đó không thể thấy được bản thể trong sáng. Chỉ khi nào buông bỏ vô tâm, bản thể tự hiện, cũng như vùng mặt trời lớn treo giữa hư không, soi khắp mười phương lại không chướng ngại. Cho nên người học đạo chỉ nhận cái thấy, nghe, hiểu, biết, bày làm hành động tạo tác, không chỉ cái thấy, nghe, hiểu, biết, tức là con đường tâm để dứt chỗ không vào được, chỉ ở nơi cái thấy, nghe, hiểu, biết, nhận đó là bản tâm. Nhưng bản tâm không thuộc cái thấy nghe hiểu biết, cũng không lia cái thấy nghe hiểu biết. Chớ ở trên cái thấy, nghe, hiểu, biết, mà khởi ra các kiến giải, cũng chớ ở trên cái thấy, nghe, hiểu, biết đó mà động chánh niệm (14), cũng chớ lia cái thấy, nghe, hiểu, biết mà tìm tâm, cũng chớ bỏ cái thấy, nghe, hiểu, biết mà chấp pháp. Không tức không ly, không trụ, không trước, ngang dọc tự tại thì tất cả đều là đạo tràng (15).

10. Người đời nghe nói các đức Phật đều có pháp truyền tâm, cho nên nói trên tâm riêng có một pháp có thể chứng, có thể giữ, liền đem cái tâm đó truyền pháp. Chớ không biết rằng tâm đó tức là pháp, pháp tức là tâm, không thể đem tâm đó lại cầu nơi tâm, trải qua trọn muôn kiếp cũng không có ngày được. Không bằng buông bỏ vô tâm, liền là pháp căn bản. Cũng như một lực sĩ quên ngọc châu ở trên trán, hướng ngoài tìm cầu, đi giáp khắp trong mười phương, trọn không thể có được. Người trí dùng ngón tay chỉ nơi đó, lập tức tự thấy ngọc châu như cũ. Cho nên người học đạo, tự mê bản tâm, không nhận

là Phật, bèn hướng ngoài để tìm cầu Phật, khởi hạnh công dụng, y theo thứ lớp chứng, trải qua nhiều kiếp siêng năng tìm cầu lâu dài cũng không thành đạo được. Chẳng bằng buông hạ vô tâm, quyết định biết tất cả pháp vốn không chỗ có, cũng không chỗ được, không nương không trụ, không năng không sở, không động vọng niệm, liền chứng giác ngộ. Và khi chứng đạo lý, chỉ chứng Phật nơi bản tâm. Công dụng trải qua nhiều kiếp, đều là tu hành hư dối. Cũng như nhà lực sĩ khi được ngọc châu, chỉ được ngọc châu nơi trán mình, không dùng sức hướng ngoài tìm cầu. Cho nên đức Phật nói : "Tôi ở nơi quá vị vô thượng bồ đề, thật không chỗ được". Sợ người không tin, cho nên Ngài mới dẫn ra chỗ thấy của ngũ nhân (16), lời nói ở năm cách nói, chơn thật không dối, đó là chơn đế thứ nhất.

11. Người học đạo chớ nghĩ bốn đại là thân mình, bốn đại đã không có ngã, ngã cũng không có chủ, cho nên phải biết thân này cũng không có ngã, ngã cũng không có chủ. Năm ấm cũng là tâm, năm ấm không có ngã, cũng không có chủ, cho nên phải biết tâm này không có ngã cũng không có chủ. Sáu căn, sáu trần, sáu thức hòa hợp sanh diệt cũng lại như thế. Mười tám giới (17) đã không thì tất cả đều không. Chỉ có bản tâm này rộng nhiên thanh tịnh.

12. Có thức thực, có trí thực, thân bốn đại ấy, sự đói khát làm bệnh hoạn, tùy thuận để cấp dưỡng, không sanh tham trước, gọi đó là trí thực. Còn buông lung lòng để dùng cái vị, vọng sanh phân biệt, chỉ cầu khoái miệng, không sanh sự nhàm lia, thì gọi là thức thực.

13. Thinh văn là thế nào ? Là nhờ nghe giáo pháp mà được ngộ đạo, cho nên gọi là thinh văn. Nhưng không rõ được tự tâm, ở trên lời nghe giảng dạy mà khởi sự hiểu biết, hoặc nhờ đó có thần thông, hoặc nhờ đó có tướng tốt, nói năng, hoạt động, nghe qua có bồ đề và niết bàn, con đường tu hành Phật đạo phải trải qua ba vô số kiếp (18), đều thuộc con đường thinh văn. Cho nên gọi đó là Thinh Văn Phật. Chỉ buông bỏ liền rõ tự tâm, bỏ lại là Phật, không một pháp nào có thể được, không một hạnh nào có thể tu, đó là con đường vô thượng, ấy là chơn như Phật.

Người học đạo chỉ sợ một niệm có, tức là cách xa đạo vậy. Mỗi niệm, mỗi niệm vô tướng. Mỗi niệm, mỗi niệm vô vi, tức là Phật. Người học đạo nếu muốn cầu thành Phật, thì tất cả Phật pháp không nên dụng học, chỉ học vô cầu vô trước. Không cầu, tức tâm không sanh; không trước, tức tâm không diệt; không sanh không diệt, tức là Phật. Tám muôn bốn ngàn pháp môn đối trị với tám muôn bốn ngàn phiền não, chỉ là môn để tiếp dẫn giáo hóa. Tất cả pháp vốn không, lia tức là pháp. Người biết lia các pháp đó tức là Phật. Nhưng phải lia tất cả các phiền não, đó là không có pháp gì có thể được.

14. Người học đạo nếu muốn biết được yếu quyết, chỉ ở bốn tâm đừng đắm trước một vật. Nói Phật là chơn pháp thân, cũng như hư không, đây là dụ pháp thân tức hư không, hư không tức pháp thân. Thường người ta đem pháp thân biến khắp chỗ hư không, trong hư không bao dung pháp thân. Không biết rằng pháp thân tức hư không, hư không tức pháp thân vậy. Nếu chắc chắn nói có hư không, thì hư không chẳng phải là pháp thân; nếu chắc chắn nói có pháp thân, thì pháp thân không phải là hư không. Nhưng chớ phân biệt, giải thích hư không, vì hư không chính là pháp thân; cũng chớ phân biệt, giải thích pháp thân, vì pháp thân chính là hư không. Hư không cùng pháp thân không có tướng khác, Phật cùng chúng sanh không có tướng khác; sanh tử cùng niết bàn không có tướng khác; phiền não cùng bồ đề không có tướng khác. Lia tất cả tướng tức là Phật.

Phàm phu chấp cảnh, người học đạo chấp tâm. Nên quên tất cả tâm cùng cảnh, đó mới là chơn pháp (19). Quên cảnh thì dễ, còn quên tâm rất khó. Người không dám quên tâm, sợ lạc nơi cái không, không có chỗ vin níu. Không biết cái không vốn cũng không, chỉ một chơn pháp giới mà thôi. Tánh linh giác này từ vô thủy đến nay đồng với hư không, chưa từng sanh, chưa từng diệt, chưa từng có, chưa từng không, chưa từng nhớ, chưa từng sạch, chưa từng ồn ào, chưa từng vắng lặng, chưa từng trẻ, chưa từng già. Không có chỗ hướng, không có trong ngoài, không số lượng, không hình tướng, không sắc tượng, không âm thanh, không thể tìm, không thể cầu mà được, không thể dùng trí huệ mà biết, không thể dùng lời nói mà chấp trước, không thể dùng cảnh vật để lãnh hội, không thể dùng công dụng để đến.

Các đức Phật, các vị Bồ Tát cùng hết thấy các loài bò, bay, máy, cựa, đều đồng với tánh đại niết bàn này. Tánh tức là tâm, tâm tức là Phật, Phật tức là pháp. Một niệm lia chơn, đều trở thành vọng tưởng. Không thể dùng tâm lại tìm ở nơi tâm, không thể ở nơi Phật lại tìm Phật, không thể dùng pháp mà lại đi tìm pháp. Cho nên người học đạo phải vào ngay vô tâm, vắng lặng khế hợp vậy thôi. Tâm chợt nghĩ, tức bị sai. Dùng tâm truyền tâm ấy là chánh kiến. Cần thận chớ nên hướng về bên ngoài để tìm cảnh, nhận cảnh làm tâm, đó là nhận giặc làm con.

15. Vì có tham, sân, si, tức lập thành giới, định, huệ. Vốn không phiền não thì đâu có bồ đề ? Cho nên Tổ Sư dạy : "Phật thuyết tất cả pháp, vì trừ tất cả vọng tâm, ta trọn không tâm, đâu dùng tất cả pháp". Trên bốn nguyên thanh tịnh của Phật đâu có trụ trước một vật. Thí dụ như hư không, dù có vô lượng trân bảo trang nghiêm, trọn không thể trụ. Chỉ vì mê bản tánh, nên chuyển không chấp mà thôi. Có chỗ nói pháp môn tâm địa, muôn pháp cũng y nơi chỗ này mà kiến lập. Gặp cảnh liền có, không cảnh liền không. Không thể ở trên tánh thanh tịnh mà chuyển thành cảnh giải. Cho nên nói xét diệu dụng nơi định huệ đâu vào đó vắng lặng, tĩnh mịch, trong cái thấy, nghe, hiểu, biết, đều là trên cảnh khởi sự hiểu biết.

Hạng người trung căn, hạ căn có thể tạm hiểu, nói ra liền biết được. Nếu muốn đích thân chứng ngộ, đều không thể khởi ra kiến giải. Như thế cảnh cùng pháp đều không, không nơi chỗ có mà nói, nhưng ở nơi tất cả pháp không khởi có, không, thấy, tức là thấy pháp vậy.

16. Ngày mùng một tháng chín, Tổ Sư bảo ông Bùi Hưu rằng : " Từ khi đại sư Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc, chỉ nói một tâm, chỉ truyền một pháp. Dùng Phật truyền Phật, không nói một Phật nào khác; dùng pháp truyền pháp, không nói

một pháp nào khác, pháp đây là pháp không thể nói, Phật tức không thể chứng quả vị Phật, đó chính là tâm bốn nguyên thanh tịnh vậy". Duy có một sự thật này, nếu có hai thì không phải là chơn.

Còn bát nhả là huệ, huệ này vốn là bốn tâm vô tướng vậy. Hạng phàm phu không biết chơn lý đó, cho nên cứ buông lung theo lục tình (20), mới hành theo lục đạo. Người học đạo một niệm so đo sự sanh tử, tức lọt vào đường ma; một niệm khởi lên kiến chấp, tức lạc vào ngoại đạo, còn chấp có sanh, có con đường diệt ấy, liền lạc vào con đường Thịnh Văn. Không thấy có sanh, chỉ thấy có diệt, tức lạc vào con đường Duyên Giác. Pháp vốn không sanh, nay cũng không diệt, không khởi hai kiến chấp, không nhằm chán, không hân hoan, tất cả các pháp chỉ là nhất tâm, vậy sau mới là Phật thừa vậy.

17. Phàm phu theo cảnh sanh tâm, tâm liền hân hoan rồi nhằm hán, nếu muốn không cảnh thì phải quên cái tâm kia. Tâm mất tức cảnh cũng không, cảnh không tức tâm diệt. Vọng tâm nếu không quên thì cảnh không trừ, cảnh không thể trừ thì chỉ thêm sự rắc rối. Cho nên vạn pháp đều duy tâm, cũng không thể được tâm, lại tìm những gì khác ư ?

Người học bát nhả, không thấy có một pháp nào có thể được, dứt ý ba thừa, chỉ có một chơn thật. Không thể chứng được, vì nếu ta hay có chứng có đắc, đều là những người tăng thượng mạn (21). Trên hội Pháp Hoa, đức Phật dù áo mà đi, đều là ý đồ này vậy. Cho nên đức Phật nói rằng : "Ta ở chỗ giác ngộ, thật không có chỗ đắc". Yên lặng khế hợp mà thôi.

18. Người phàm đến khi gần mất, chỉ quán năm uẩn đều không, bốn đại không có ngã, chơn tâm không có tướng, không đi không đến. Khi sanh tánh cũng không đến, lúc mất tánh cũng không đi, vắng lặng rỗng rang, tròn đầy, tịch tĩnh, tâm cảnh nhất như. Chỉ hay trực nhận như thế thì sớm đến ngộ, không bị ba đời ràng buộc, đó là hạng người xuất thế vậy. Dù cho không được một chút nào hưởng thú vị, như nếu có thấy được tướng tốt của chư Phật đến tiếp rước, và tất cả những thú đó hiện ra trước mắt, tâm cũng không tùy theo đó mà đi. Nếu có thấy các ác tướng hiện ra trước mắt, tâm cũng không sợ hãi. Chỉ tự thấy tâm mình quên các vọng đó đi, cùng ở pháp giới, liền được tự tại, đây tức là việc cốt yếu vậy.

19. Ngày mừng tám tháng mười, Tổ Sư Hoàng Bá bảo ngài Bùi Hữu rằng : "Nói hóa thành là thế nào ? Hàng nhị thừa cho đến hàng thập địa v.v... cho đến đẳng giác (22), diệu giác (23), đều là giáo pháp quyền lập để tiếp dẫn mà thôi, đều là hóa thành cả. Còn nói về bảo sở là sao ? Chính là chơn tâm, thú quý báu này tự tánh là gốc Phật. Thú quý báu này không thuộc tình lượng, không thể kiến lập được, không phải là Phật, không phải là chúng sanh, không năng, không sở, làm sao có chỗ thành được ? Nếu như hỏi câu này, thì đã là hóa thành rồi, thì chỗ nào là bảo sở ? Bảo sở không thể chỉ được, chỉ tức là phương sở. Cho nên nói rằng ở gần mà thôi. Không thể dùng định lượng mà nói, nhưng tức là đương thể khế hợp ấy".

20. Nói chữ siển đề là thế nào ? Là sự tin không đầy đủ vậy, tất cả chúng sanh trong các đường, cho đến hàng nhị thừa không tin có quả Phật, đều gọi đó là hạng siển đề đoạn thiện căn. Còn hàng Bồ Tát tin sâu Phật Pháp, không thấy có đại thừa (24), tiểu thừa (25), Phật cùng chúng sanh đồng một pháp tánh, mới gọi đó là hạng thiện căn siển đề. Đại để như nghe giáo pháp mà ngộ thì gọi đó là Thịnh Văn. Hạng nào quán như duyên mà ngộ đạo thì gọi đó là Duyên Giác. Nếu không hướng về tự tâm mà ngộ trong đó, tuy đến chỗ thành Phật, cũng gọi đó là bậc Thịnh Văn. Người học đạo đa số phải đổi trên giáo pháp mà giác ngộ, không đổi trên tâm pháp mà giác ngộ, tuy trải qua nhiều kiếp tu hành, cuối cùng cũng không thể tìm được Phật gốc. Nếu không có đổi với tâm để ngộ, cho đến giác ngộ trên giáo pháp, tức là khinh tâm trọng giáo, bèn chạy theo thành một khối, quên mất bản tâm. Cho nên chỉ hợp với bản tâm, không dùng để cầu pháp được, như vậy tâm tức là pháp vậy.

21. Hạng phàm phu phần nhiều bị cảnh ngại tâm, theo sự ngại lý. Thường muốn trốn cảnh để an tâm, che sự để tồn lý, chứ không biết chính vọng tâm ngại nơi cảnh. Lý ngại sự, chỉ khiến cho tâm cảnh tự không, chỉ khiến cho lý tịch thì sự tịch, chớ có điên đảo dụng tâm như vậy. Người phàm phần nhiều không chịu tâm không, sợ lạc vào nơi không chơn, chớ không biết rằng tâm mình xưa nay vốn không. Người ngu trừ sự, không trừ tâm; còn người trí trừ tâm, không trừ sự.

22. Tâm Bồ Tát như hư không, tất cả đều xả, chỗ làm việc phước đức đều không tham trước, nhưng sự xả có ba cách : Trong ngoài thân tâm tất cả đều xả, cũng như hư không, không có chấp trước, sau đó mới tùy theo phương pháp mà giúp, năng cùng sở đều mất, đó gọi là đại xả. Nếu chỉ một bên hành đạo bố thí, nhưng không có tâm hy vọng, đó là trung xả. Nếu rộng rải tu các việc thiện, có chỗ hy vọng, nghe pháp bèn không chấp trước, đó gọi là tiểu xả.

Đại xả, giống như lửa đốt phía trước, lại không có mê và ngộ. Còn trung xả, giống như đèn đốt một bên, hoặc sáng hoặc tối. Tiểu xả, như đèn đốt sau lưng, không thấy hầm giếng.

23. Cho nên tâm Bồ Tát giống như hư không, tất cả đều xả. Tâm quá khứ không thể được, là xả quá khứ. Tâm hiện tại không thể được, là xả hiện tại. Tâm vị lai không thể được, là xả vị lai. Cho nên, gọi là ba đời đều xả.

Từ thuở Đức Thích Ca Như Lai phú pháp cho ngài Ca Diếp, dùng tâm ấn tâm, tâm với tâm không khác. Ấn trước nơi cái không, tức ấn đó không thành văn, ấn trước nơi vật, ấn đó cũng không thành pháp. Cho nên dùng tâm ấn tâm, tâm tâm không khác. Năng ấn sở ấn, khó mà khế hội, cho nên người được đó rất ít. Nhưng tâm tức vô tâm, đắc tức vô đắc.

24. Thật có ba thân : Pháp thân nói tự tánh pháp hư thông, báo thân nói tất cả pháp thanh tịnh; hóa thân nói pháp lục độ vạn hạnh.

Pháp thân nói pháp, không thể dùng ngôn ngữ, âm thanh, hình tướng, văn tự mà cầu được, không có chỗ thuyết, không có chỗ chứng, tự tánh hư thông mà thôi. Cho nên nói rằng : "Không có pháp nào có thể thuyết, thì mới gọi đó là thuyết pháp". Còn báo thân, hóa thân đều tùy theo căn cơ cảm ứng mà hiện. Chỗ nói pháp cũng tùy theo sự ứng căn để nhiếp hóa, đều không phải là chơn pháp. Cho nên nói rằng báo thân, hóa thân, không phải là chơn Phật, cũng không phải là thuyết pháp.

25. Đã nói đồng là một tinh minh, chia làm sáu hòa hợp. Một tinh minh đó là thế nào ? Đó là nhất tâm vậy.

Sáu hòa hợp đó là gì ? Đó là chỉ cho sáu giác quan vậy. Trong sáu giác quan này, mỗi mỗi hòa hợp với nhau : Mắt hòa hợp cùng với sắc, tai hòa hợp cùng với tiếng, mũi hòa hợp cùng với hương, lưỡi hòa hợp cùng với vị, thân hòa hợp cùng với xúc, ý hòa hợp cùng với pháp, trung gian sanh ra sáu thức, vì đó thành mười tám giới. Nếu rõ biết mười tám giới này không có chỗ ràng buộc thành một tinh minh.

Chữ tinh minh đó là thế nào? Tức là tâm vậy. Người học đạo phải hiểu như thế. Nhưng phải làm sao giảng cho biết rõ chữ nhất tâm minh và lục hòa hợp, nếu không, pháp liền bị ràng buộc, không có khế hợp với bản tâm.

26. Đức Như Lai xuất hiện nơi đời, muốn nói nhất thừa chơn pháp, thì chúng sanh không tin, thêm sự hủy báng, rồi chìm đắm trong biển khổ. Còn như chẳng nói hết cho đầy đủ thì sa vào sự xan tham. Đức Phật không vì chúng sanh bỏ đường đạo nhiệm màu, cho nên mới phương tiện nói tam thừa. Thừa có đại thừa và tiểu thừa, chỗ đắc có cạn có sâu, đều không phải là bản pháp, cho nên nói : "Chỉ có một đạo nhất thừa, không có hai, nếu có thì không phải chơn vậy". Nhưng cuối cùng cũng chưa rõ được pháp nhất tâm, cho nên đồng ở trong pháp tòa với ngài Ca Diếp, đức Phật giơ cánh tay lên, mới trao cho pháp nhất tâm lia lời thuyết pháp. Một chi pháp này biệt hành, nếu người nào hay khế ngộ (26), liền đến địa vị Phật.

27. Lời hỏi : "Như thế nào gọi là đạo ? Như thế nào gọi là tu hành ?"

Tổ sư đáp : "Đạo là vật gì ? Ông có muốn tu hành không ?"

Lời thuyết vấn : "Tôn sư ở các phương truyền nhau pháp tham thiền học đạo như thế nào ?"

Tổ sư đáp : "Tiếp dẫn người độn căn mà nói, chưa có thể nương theo bằng có".

Ngài nói thêm : "Đây là muốn tiếp dẫn người độn căn mà nói, chưa phải thần định đến người thượng căn lại nói những pháp gì ?"

Tổ sư nói : "Nếu nói là người thượng căn thì đâu phải chỗ mà nói, mà chỉ ? Tìm cái khác tự nơi mình còn không thể được, huống chi là pháp riêng ? Không thấy ở trong giáo pháp nói pháp rằng không có hình trạng gì".

Tổ sư nói tiếp : "Nếu như thế không cần yêu cầu mà tìm".

Tổ sư nói : "Nếu cùng với những gì có sức tinh tâm " Lại nói thêm : "Như thế thì tập thành đoạn diệt đâu thể nói là không vậy ?"

Ngài thiền sư nói : "'A' dạy những cái khác là không, những người khác ấy cho 'A' là ai, có phải các ông toan tìm những người khác ?"

Tổ sư lại nói thêm : "Đã không cho tìm, thì có sao lại nói là đoạn ở nơi kia ?"

Tổ sư nói : Nếu không tìm, tức liền thôi, ai dạy cho ông đoạn ? Ông thấy ở trước mắt như hư không, làm sao sanh đoạn ở cái khác ?"

Ngài nói tiếp : "Các pháp này có thể được, lại đồng với hư không chẳng ?"

Tổ sư nói : "Hư không là sớm chiều hướng về ông mà nói có đồng có khác, ta tạm nói như thế này, ông lại hướng về trong cái đó để sanh ra cái hiểu để làm gì?"

Lại nói tiếp : "Như thế là không cho nhơn sanh hiểu ư ?"

Tổ sư nói : "Ta chưa từng ngăn chướng các ông, cần phải thấu triệt ở nơi tình, tình sanh trí cách".

Lại hỏi : "Hướng về trong thì lại sanh tình được chẳng ?"

Tổ sư nói : "Nếu không sanh tình thì ai luận được như vậy ?"

Lời hỏi : "Vừa hướng về chỗ Hòa Thượng phát ngôn, làm thế nào liền sa vào đọa thoại (27) ?"

Tổ sư nói : "Các ông không hiểu lời nói của người, có cái gì mà bị đọa phụ (28)".

28. Hỏi : "Từ xưa đến nay như đã hứa có nhiều chỗ ngôn thuyết coi như đối thoại, đều chưa có pháp chơn thật để chỉ thị cho người".

Tổ sư nói : "Pháp chơn thật không có điên đảo, chỗ ông hỏi ngày nay tự nó sanh ra điên đảo, cho nên tìm thật pháp làm gì ?"

Hỏi thêm rằng : "Đã có chỗ hỏi sanh ra điên đảo, thì chỗ đáp của Hòa Thượng như thế nào ?"

Vị thiền sư đáp : "Các ông đem một vật để soi mặt, chẳng xem người khác như thế nào ?" Lại nói thêm : "Cũng giống như con chó ngu si, thấy chỗ vật động liền sủa, gió thổi cây cỏ đều không phân biệt vậy".

29. Lại nói thêm : "- trong thiền tôn của ta từ trước đến giờ, chưa từng dạy người tìm sự giải ngộ. Chỉ nói rằng người học đạo sớm phải được những lời để dẫn dắt. Song đạo cũng không thể học được, sự học hiểu giữ lại, không khéo chỉ thành con đường mê. Đạo không phương sở, như vậy mới gọi là tâm đại thừa. Tâm này không ở trong, ngoài, hay khoảng giữa, thật không có phương sở. Thứ nhất không khởi sự tri giải, chỉ nói với ông như đây tình lượng, chỗ hết là đạo. Tình lượng nếu hết, tâm không có phương sở, đạo này mới gọi là thiên chơn (29), vốn không có danh tự. Chỉ vì người đời không biết, nên mê vọng ở trong lòng, cho nên chư Phật mới ra đời, nói pháp phá việc này. Sợ các ông không rõ cho nên mới quyền lập có danh từ đạo. Không thể chấp danh mà sanh hiểu biết. Cho nên nói rằng người được cá phải quên nôm đi. Thân tâm tự nhiên đạt đạo thức tâm, đạt được bản nguyên nên gọi là sa-môn (30).

Nói quả sa môn là như thế nào ? Tức là do tất cả mọi duyên lực mà thành, không phải do nơi học đạo mà được.

30. Như ngày hôm nay các ông đem tâm tìm tâm, khắp nhà cửa của người khác, chỉ toan theo sự học cố chấp, có khi được những gì khó được. Người đời xưa tâm thông lợi, vừa nghe một lời nói liền được tuyệt học, cho nên gọi đó là người học đạo tuyệt học vô vi. Người đời nay chỉ muốn nhiều sự hiểu biết, nhiều kiến giải để tìm văn nghĩa liền gọi đó là sự tu hành, chớ không biết rằng biết cho nhiều, hiểu cho nhiều, đều trở thành ngăn lấp chơn tâm, chỉ biết nhiều cùng ít. Cũng như một đứa bé ăn tô, nhũ, tiêu cùng không tiêu đều trọn không biết; người học đạo tam thừa đều giống như thế. Cuối cùng gọi là người ăn không tiêu. Cho nên sự hiểu biết không tiêu hóa đều trở thành thuốc độc. Tận cùng hướng về trong sanh diệt mà chấp. Trong bản tánh chơn như đều không có việc đó. Cho nên nói : 'Ta ở trong kho tàng của nhà Vua mà không có đến một con dao để dùng'. Tất cả chỗ hiểu biết từ trước, chỉ khiến trở về chơn không, lại không phân biệt, tức là kho tàng của Như Lai.

Như lai tạng đó là thế nào ? Trong đó không có mảy trần nào có thể có, tức là phá được cái có mà đấng Pháp Vương đã xuất hiện nơi thế gian. Đức Phật cũng nói rằng : "Ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có được một tí pháp gì hết". Lời nói này chỉ là tình lượng cho các ông hiểu biết chơn không, chỉ tiêu dung trong biểu tượng tận tình, đều không có nương theo sự cố chấp, đó là người vô sự. Giáo lý tam thừa đại cương chỉ là thuốc tùy theo chứng bệnh, tùy nghi thuyết pháp. Đến khi phối bày, mỗi mỗi không đồng. Chỉ hay rõ biết tức không bị mê lầm. Thú nhất là không được đối với một căn cơ, một giáo lý mà cố chấp một bên, thủ văn tác giải. Làm sao làm như thế ? Như Lai thật không nói ra một pháp nào nhất định hết. Ta ở trong tôn môn này không luận việc đó, chỉ biết dứt ở nơi vọng tâm liền thôi, lại không có dùng sự suy nghĩ trước, đoán đo sau".

31. Hỏi : "Từ xưa đến giờ đều nói tức tâm là Phật, chưa rõ tâm nào là Phật ? "

Tổ sư trả lời : "Ông có mấy tâm ?".

Đáp : "Vi phạm tâm là Phật hay thánh tâm là Phật ?"

Tổ sư nói tiếp : "Căn cứ chỗ nào mà ông nói là phạm tâm thánh tâm ?".

Đáp : "Tức nay trong tam thừa nói có phạm thánh, Hòa Thượng đắc tâm nào nói là không ?".

Vị thiên sư trả lời : "Trong ba thừa nói rất phân minh, ông hướng về con đường phạm thánh đều là vọng. Ông nay lại chấp hữu vi là có, đem cái không làm sự thật, há không phải là vọng sao ? Vì vọng nên tâm mê, ông chỉ trừ bỏ cảnh phạm và cảnh thánh, ngoài tâm ra liền không có Phật nào khác hết. Tổ sư từ Tây Thiên Trúc lại, chỉ thẳng cho tất cả mọi người toàn thể là Phật. Các ông nay không biết, chấp phạm chấp thánh, theo đuổi phía ngoài, lại tự mê nơi tâm. Do đó tôi mới hướng về nơi ông mà nói tức tâm là Phật. Một niệm tình sanh tức phải đọa vào con đường khác. Từ vô thủy đến giờ, không khác gì ngày hôm nay. Không có pháp khác, nên gọi là thành đẳng chánh giác".

Hỏi : ""Hòa Thượng đã nói tức là gì ? Có phải là đạo lý không ?"

Tổ sư đáp : "Đạo lý làm sao tìm được, vừa nói đạo lý, liền tức tâm khác".

Lại hỏi thêm rằng : "Từ trước giờ nói từ vô thủy đến nay không khác với ngày này, lý đó là như thế nào ? "

Tổ sư đáp : "Chỉ vì tìm cho nên các ông thấy khác, nếu ông không tìm, có chỗ nào khác đâu ?"

Lại hỏi thêm : "Đã là không khác thì sao Hòa Thượng lại nói tức ?"

Tổ sư nói : "Nếu ông không nhận phạm thánh, thì ai hướng về ông ? Nếu không có tức, thì tâm cũng không tâm, nên ở trong tâm đều quên hết. 'A' đâu có nữa, ông hướng về chỗ nào để tìm".

32. Lời hỏi : "Vọng hay chướng ngại đều tự tâm mình, nay chưa rõ, dùng cái gì để khiến vọng ?"

Tổ sư trả lời : "Khởi vọng dẹp vọng cũng thành vọng. Vọng vốn không căn bản, chỉ vì phân biệt mà có. Ông chỉ đối với phạm, thánh, hai chỗ đó vọng tình hết, tự nhiên không vọng, lại toan lấy gì để khiến kia ? Đều không được sự nương nhờ trong mây may, gọi là ta bỏ hai chấp (31), quyết sẽ thành Phật."

Lại hỏi thêm : "Đã không nương chấp sẽ nương theo tướng gì ?"

Tổ sư đáp : "Dùng tâm truyền tâm".

Lại hỏi : "Nếu như tâm có truyền với nhau, làm sao nói tâm cũng không ?"

Tổ sư nói : "Không được một pháp gọi là truyền tâm. Nếu như rõ được tâm đó, tức là không có tâm, không có pháp".

Lại hỏi thêm : "Nếu không có tâm, không có pháp, tại sao gọi là truyền ?"

Tổ sư đáp : "Các ông nghe nói truyền tâm, toan cho là có thể được vậy. Do đó Tổ sư nói : 'Khi nhận được tâm tánh, có thể nói không thể nghĩ bàn, rõ ràng không có sở đắc, khi được không nói biết'. Việc này nếu chỉ dạy cho các ông để lãnh hội, làm sao để kham lãnh được?"

33. Hỏi : "Chỉ biết việc trước mắt như hư không, không phải là cảnh, khởi không chỉ cảnh thấy tâm ư ?"

Tổ sư trả lời : "Tâm gì dạy ông hướng trên cảnh mà thấy ? Dầu ông có thấy được chẳng nữa, đó chỉ là chiếu cảnh trong đáy lòng thôi. Như người dùng gương soi mặt, mặc dầu thấy được mặt mày một cách rõ ràng, nhưng nguyên lai mặt thiệt chỉ là ảnh tượng, có quan hệ gì đến diện của mình ?"

Hỏi : "Nếu không nhờ sự chiếu soi thì lúc nào thấy được ?"

Tổ sư đáp : "Nếu như lúc giao thiệp, thường phải nhờ vào vật, khi đã liễu ngộ rồi, ông không thấy tướng kia hướng về ông để nói nữa. Khi buông tựa như vừa không có một vật gì, luống nhọc nói hoài vài ngàn việc ?"

Hỏi thêm : "Nếu ai cũng hiểu rõ, chiếu cũng không vật ư ?"

Thiền sư nói : "Nếu là không có vật, lại có thể dùng gì để chiếu ? Ông chó nên mở con mắt trong lúc ngủ để nói chuyện khủ lai".

Lên đến giảng đường, Tổ sư nói : "Trăm thứ hiểu biết, như không cầu gì hết đó là tối đệ nhất vậy, người học đạo là người vô sự, thật không biết bao nhiêu ở trong tâm, cũng không đạo lý gì có thể thuyết được, mọi việc đều tan vào quá khứ".

34. Hỏi : "Như thế nào gọi là thế đế ?"

Tổ sư đáp : "Nói chuyện mỏng manh đó để làm gì ? Từ xưa đến nay vốn thanh tịnh, ngôn ngữ vấn đáp để làm gì ? Chỉ không có tất cả vọng tâm, tức gọi là trí vô lậu . Các ông mỗi ngày đi, đứng, nằm, ngồi, tất cả ngôn ngữ, nhưng chó đấm trước pháp hữu vi. Nói ra lời hoặc nháy con mắt đều có thể đồng với vô lậu. Như ngày hôm nay đời mặt pháp (32) hướng đi, phần nhiều là những người học đạo thiền, đều đấm trước tất cả sắc thanh, làm thế nào không cùng với tâm ta, tâm đồng với hư không mà đi, như cây khô, như đầu cục đá lăn, cũng như tro lạnh, lửa tắt đã qua, cũng chỉ có một phần tương ứng. Nếu không được như thế đó thì một ngày nào đây, đều bị ông diêm lão khảo tra các ông như thường. Nhưng nếu các ông lia bỏ các pháp có pháp không, tâm như vùng mặt trời ở giữa hư không, ánh sáng tự nhiên, không soi mà soi, không phải dùng sức để xét soi mọi việc. Đến lúc đó không có chỗ nào để nương đậu. Như vậy tức là hành hạnh của chư Phật, cũng là 'Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm'. Đây là pháp thân thanh tịnh duy nhất của các ông, cũng gọi là A Nậu Bồ Đề (33). Nếu không lãnh hội được ý này, dù các ông có học hiểu nhiều, siêng tu khổ hạnh, lấy cỏ làm áo, lấy rau để ăn, không biết được tự tâm, đều trở thành tà hạnh, quyết định trở thành bà con của thiên ma (34). Tu hành như thế sẽ trở lại lợi ích gì ? Ngài Chí Công nói : "Phật vốn tự nơi tâm mình hiển lộ, đâu phải hướng trong văn tự mà tìm?" Giả sử cho các ông có học và chứng được tam hiền, tứ quả (35), thập địa mãn tâm đi nữa, thì đó cũng chỉ ở trong chỗ ngồi của phàm thánh mà thôi. Không thấy sự giác ngộ, mọi hạnh đều vô thường, đó là pháp sanh diệt. Thế lực hết, giống như tên bắn đi, hết sức phải rút xuống, với đặc quả lai sanh không như ý. Tranh giành in tuồng như môn thật tướng vô vi, vượt một cái thẳng vào địa vị của Như Lai. Vì các ông không cùng với người như thế, cần phải hướng về người xưa để kiến nhận sự giáo hóa môn, học rộng, biết nhiều. Cho nên ngài Chí Công Hòa Thượng nói : "Nếu không gặp được các vị minh sư xuất thế, thì uống cho một cuộc đời đã uống được pháp được của đại thừa".

35. Các ông như ngày hôm nay, trong tất cả các thời đi, đứng, ngồi, nằm, chỉ học chỗ vô tâm, lâu dần lâu dần sẽ thật đắc, dần dần tạo cho các ông một tâm lượng nhỏ, không thể đốn siêu, chỉ có thể ba năm, năm năm hoặc mười năm, phải có một cái gì thể nhập trong đầu óc của mình, tự nhiên lãnh hội. Vì các ông đều không như thế, cần phải đem tâm học thiền học đạo. Giáo pháp của Phật có giao thiệp những gì đâu ? Cho nên nói : Lời nói của Đức Như Lai thuyết, đều vì để giáo hóa người. Cũng như đem lá vàng làm ra sắc vàng để dỗ trẻ con khóc, quyết không thật. Nếu có được thật chẳng nữa, cũng không mượn tạm trong tôn môn hạ của ta, vả lại, cùng với các ông, bản thể có lắm sự giao thiệp. Cho nên trong Kinh nói rằng : "Thật không có một chút pháp nào có thể được, đó mới gọi là A nậu bồ đề". Nếu ai lãnh hội được ý này, mới biết rằng con đường Phật, con đường ma đều lầm lẫn. Bốn lai thanh tịnh chỗ sáng rõ, không vuông tròn, không lớn nhỏ, không tướng dài, ngắn v.v..., không vô lậu vô vi, không mê, không ngộ. Rõ rõ thấy, không có một vật gì, cũng không có người, cũng không có Phật, như cục bọt trong biển đại thiên sa giới. Tất cả bậc thánh hiền cũng như luồng điện chớp. Tất cả không gì bằng tâm chơn thật, pháp thân từ xưa đến nay, cùng với Phật, Tổ một bậc, không thiếu một chút nào như mây lông. Đã lãnh hội được ý đó thì chúng ta phải hết sức nỗ lực cho hết cuộc đời này, hơi thở ra không bảo đảm hơi trở vào".

36. Hỏi : "Lục Tổ Huệ Năng không lãnh hội được kinh sách, làm sao lại được truyền y bát làm Tổ ? Còn Thượng Tọa Thần Tú là người cầm đầu trong năm trăm môn đệ, làm thầy giáo thọ giảng tới ba mươi hai (32) bộ Kinh luận, tại sao lại không được truyền y bát ?"

Tổ Sư đáp : "Bởi vì người ta có tâm, là pháp hữu vi, chỗ tu chỗ chứng, giống như vậy đó. Vì thế Ngũ Tổ trao bình bát cho Lục Tổ. Đường lúc đó, Lục Tổ chỉ yên lặng khế hợp mà được, kín đáo trao cho ý thâm thâm của Như Lai, do đó mới trao giáo pháp cho ngài. Các ông không thấy chơn lý trong bài kệ sau : "Căn bản của pháp là không pháp, không có pháp cũng là một pháp, nay đúng thời trao cho ông không pháp đó, mỗi pháp mỗi pháp đâu từng gọi là pháp ?" Nếu ai lãnh hội được ý này, mới được gọi là đồng ấu xuất gia, mới được gọi là người tu hành tốt. Nếu không tin, thì Thượng Tọa Minh đầu có chạy đến đầu núi Đại Dũ để tìm Lục Tổ, Lục Tổ liền hỏi : "Ông đến đây để cầu việc gì ? Vì cầu y hay cầu pháp ?"

Thượng Tọa Minh trả lời : "Không phải vì y mà tôi đến đây, chỉ vì pháp mà thôi".

Lục Tổ nói : "Ông hãy tạm thời thức liêm thân tâm, giữ gìn chánh niệm. Chớ nên nghĩ lường mọi việc thiện ác".

Thượng Tọa Minh bảm theo lời nói.

Lục Tổ nói như thế này : "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính lúc đó, Thượng Tọa Minh trở lại nơi ta, tìm hiểu trước khi cha mẹ chưa sanh mình ra, thì diện mục ta như thế nào ?"

Lời nói vừa qua, Thượng Tọa Minh bỗng nhiên sáng suốt, liềm lẽ lạy mà nói rằng:

"Như người uống nước, nóng lạnh tự biết" Tôi đây ở trong pháp hội của Ngũ Tổ, uống công phu đến ba chục năm, ngày nay xét lại đều không có gì"

Lục Tổ bảo : "Đúng như vậy !"

Đến thời gian đó mới biết rằng Tổ Sư từ Tây Thiên Trúc đến, chỉ thẳng thấy tánh thành Phật, không bởi tại ngôn thuyết. Há không thấy ngài Ca Diếp hỏi Tổ A-Nan rằng : "Đức Thế Tôn, ngoài truyền bảng vàng cho ông, riêng có truyền vật gì khác nữa không ?"

Tổ Ca Diếp triệu A-Nan, A-Nan liền vâng dạ. Tổ Ca Diếp nói : "- trước cổng tam quan sào tre bị nghiêng ngã". Liên cùng được Tổ Sư xưng tụng vậy. Chỉ đến ngài A-Nan ba mươi năm làm thị giả, chỉ vì đa văn trí huệ. A-Nan bị Phật quả : "Ông cả ngàn ngày cứ lo học huệ, không bằng cả ngày lo học đạo". Nếu không học đạo thì một giọt nước cũng khó tiêu.

Hỏi : "Như thế nào để không bị lạc vào giai cấp ?"

Tổ Sư nói : "Trộn ngày ăn uống chưa từng cắn một hạt gạo; trộn ngày làm chưa từng đập một chút đất. Cùng với thời gian nào không có tướng người, tướng ta, trộn ngày không lia được tất cả việc, không bị các cảnh mê hoặc, mới gọi là người tự tại. Mỗi niệm, mỗi niệm không thấy tất cả tướng, chớ nhận ba đời trước sau, đời trước không đi, đời nay không trụ, đời sau không đến, an nhiên ngồi đoan trang, tùy thời không nên câu chấp, như thế mới gọi là giải thoát. Nỗ lực, nỗ lực ! Trong pháp môn này, muôn người vạn người, chỉ có ba người năm người đắc thôi. Nếu không đem việc này để thi thử để làm việc, thọ hưởng những gì có của ngày nay. Cho nên nói : "Sức trụ trước đời nay rõ ràng đẹp đi, ai hay nhiều kiếp chịu sự họa ương ?"

Chú giải :

1) Vọng niệm : Suy nghĩ vọng, tưởng quấy, toan tính điều chẳng phải lẽ, suy nghĩ điều chẳng hợp với đạo lý, với chánh pháp.

2) Sáu độ : Six vertus cardinales. Cũng gọi là lục ba la mật đa. Sáu độ đưa đến bờ bên kia, bờ giác. Đây là sáu nền đại hạnh của Bồ Tát. Ai muốn mau thành Phật, phải trì đủ sáu độ : Bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ.

3) Pháp thể : Thể tánh của các pháp hữu vi và vô vi. Luận Câu Xá phân tách ra 75 pháp thể sắc và tâm. Luận Thành Thật phân ra 84 pháp thể. Luận Duy Thức phân ra 100 thứ pháp thể. Cũng là tiếng dùng để xưng thân thể của người mà mình kính trọng.

4) Chơn Phật : Đúc Phật chơn thật. Phật báo thân (sinh thân) đối với Phật hóa thân (biến hóa ra hình Phật). Lại nữa, chơn Phật là pháp thân vô tướng. Chơn Phật lại là đúc Phật tự nhiên nơi mình, bản tánh thanh tịnh nơi mình. Phật của mỗi người sẵn có...

5) Bốn châu thiên hạ : Quatre régions du monde terrestre. Vũ trụ có phân ra bốn châu : 1/ Bắc cầu lục châu (Uttarakura), cũng gọi là Uất Đan Việt. 2/ Nam thiên bộ châu (Jambudvipa), cũng gọi là Diêm Phù Đề. 3/ Tây ngưu hóa châu (Godana), cũng gọi là Cồ Đa Ni và 4/ Đông thắng thần châu (Purvavideha), cũng gọi là Phát Bà Đề.

6) Mười phương : Đã giải trong chú giải Luận Ngộ Tánh, số 14 trang

7) Tam Thừa : Tức là ba thừa đã chú giải trong tập Luận Tối Thượng Thừa, số 15, trang.....

8) Thập tín : Mười đức tu hành mà tín tâm là đức đứng đầu, nên gọi là thập tín : 1/ Tín tâm. 2/ Niệm tâm. 3/ Tinh tấn tâm. 4/ Huệ tâm. 5/ Định tâm. 6/ Bất thoái tâm. 7/ Hộ pháp tâm. 8/ Hồi hướng tâm. 9/ Giới tâm và 10/ Nguyện tâm.

9) Thập trụ : Mười trụ vị, mười địa vị an trụ của Bồ Tát : 1/ Phát tâm trụ. 2/ Tri địa trụ. 3/ Tu hành trụ. 4/ Sanh quý trụ. 5/ Phương tiện cụ túc trụ. 6/ Chánh tâm trụ. 7/ Bất thoái trụ. 8/ Đồng chơn trụ. 9/ Pháp vương tử trụ và 10. Quán đảnh trụ.

10) Thập hồi hướng : Mười sự hồi hướng. Hồi hướng là đem công đức tu hành của mình mà hướng về cho chúng sanh. Xây về quả Phật... 1/ Hồi hướng là đem công đức tu hành của mình cứu hộ chúng sanh, trong khi ấy lia khỏi chúng sanh. 2/ Hồi hướng chẳng hoại. 3/ Hồi hướng bằng hết thủy chư Phật. 4/ Hồi hướng tới hết thủy mọi nơi. 5/ Hồi hướng kho công đức vô tận. 6/ Hồi hướng tùy thuận căn lành bình đẳng. 7/ Hồi hướng tùy thuận quán tất cả chúng sanh như nhau. 8/ Hồi hướng tướng chơn như. 9/ Hồi hướng giải thoát không bị buộc, không dính khấn và 10/ Hồi hướng nhập vào cõi Pháp vô lượng...

11) Thập địa : Đã chú giải trong tập Luận Pháp Tướng số 26, trang ...

12) Luân hồi : Samsara gati. Métempsycose transmigration. Luân : bánh xe, quay tròn. Hồi : Trở về. Chúng sanh từ vô thủy tới nay, luân chuyển mãi, hết sanh rồi tử trong sáu đường, lăn đi lộn lại mãi, hết xuống rồi lên, hết lên rồi xuống, cũng như bánh xe lăn tròn mãi không lúc nào thôi. Họ loanh quanh mãi trong 6 đường : Tiên, thần, người, địa ngục, quỷ đói và súc sanh.

13) Nguyên lai Phật : Tức là Phật từ nguồn đến. Ấy là Phật tánh thanh tịnh sẵn có của mỗi chúng sanh. Thật hành thiền định đến khi chúng chắc là nguyên lai Phật của mình đã hiển lộ...

14) Chánh niệm : Đã chú giải trong tập Luận Ngộ Tánh, số 3, trang...

15) Đạo tràng : Đã chú giải trong tập Luận Ngộ Tánh số 11, trang...

16) Ngũ nhân : Cinq dons de la vue. Năm thứ mắt : nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn. Nhục nhãn trong suốt, không chi chẳng phân biệt tỏ rõ. Thiên nhãn thông đạt, vô lượng vô hạn. Pháp nhãn quán sát cùng tột các sự vật. Huệ nhãn thấy chơn lý, có thể độ qua bờ bên kia. Phật nhãn đầy đủ, thấu suốt Phật tánh.

17) Mười tám giới : Dix huit localités. 18 ranh giới : Sáu căn là sáu cảnh ở trong, sáu trần, là sáu cảnh ở ngoài, sáu thức là sáu hiểu biết ở giữa. Sáu căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (bên trong). Sáu trần : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp (bên ngoài) và sáu thức : Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý (ở giữa).

18) Ba vô số kiếp : Đã chú giải trong tập Luận Pháp Tướng, số 20, trang ...

19) Chơn pháp : Đã chú giải trong tập Luận Ngộ Tánh số 15, trang

- 20) Lục tình : Sáu tình trạng luôn luôn làm loạn động tâm thần. Ấy là sắc tình, thanh tình, hương tình, vị tình, xúc tình và pháp tình. Chúng làm cho vọng tình nhiễu loạn....
- 21) Tăng thượng mạn : Lòng khinh mạn quá cao. Như kẻ chưa có, chưa đắc, chưa chứng mà nói mình đã có, đã đắc, đã chứng. Hàng xuất gia tăng thượng mạn thì lòng còn mê ám mà nói mình đã đắc pháp Thượng Thánh, đã chứng lý Thượng Thánh.
- 22) Đẳng Giác : Tức là Phật, quả vị sáng suốt. Chư Phật giác ngộ một cách bình đẳng như nhau, một đức Phật tức là chư Phật trong mười phương; chư Phật trong mười phương tức là một đức Phật. Bồ Tát tu đủ công hạnh, nhơn và quả đều trọn vẹn, có thể thành Phật. Gọi là Đẳng Giác.
- 23) Diệu Giác : Giác ngộ màu nhiệm, tự giác, giác tha, hạnh giác ngộ tròn đầy mà chẳng có suy nghĩ bàn bạc tới được. Gọi là Diệu Giác. Tức là Chánh Giác không chi trên được của Phật quả này.
- 24) Đại thừa : Mahayana. Grand Véhicule. Cỗ xe lớn tức là giáo pháp đại giác. Đối với tiểu thừa là cỗ xe nhỏ. Tiểu giáo. Cũng như một cỗ xe lớn đưa được nhiều người đến một chỗ xa, cũng như thế, đại thừa đưa rất nhiều nhà tu tới quả vị Đại Giác. Nơi ấy họ thành Phật Như Lai...
- 25) Tiểu thừa : Đã chú giải trong tập Luận Ngộ Tánh số 7, trang.....
- 26) Khế ngộ : Khế lý, khế cơ; ngộ là giác ngộ... ai thật hành giáo lý đúng mức, sáng suốt tâm linh cuối cùng đến chỗ giác ngộ thành Phật
- 27) Đọa thoại : Sa đọa do lời nói ... Lời nói đầy độc ác, dối trá, hai lưỡi, thù ghét...
Chắc chắn tâm linh phải bị tối tăm, đọa lạc trong tam đồ.
- 28) Đọa phụ : Con người làm cô phụ tánh linh của mình. Tánh linh có Phật tánh, xứng theo tánh đó mà tu thì giải thoát cho mình và chúng sanh, trái lại phải bị đọa lạc trong biển sanh tử luân hồi....
- 29) Thiên chơn : Chơn lý thiên nhiên, không phải do sức tạo tác của loài người. Tính chơn thật, tự nhiên sẵn có của người đời. Đồng nghĩa : Phật tánh, chơn như, Pháp thân. Nhơn đó, cái pháp thân của Phật cũng kêu là Thiên Chơn Phật, mà tất cả chúng sanh đều sẵn có lý tánh toàn thiện, toàn mỹ ấy nơi mình.
- 30) Sa môn : Sramana. Moine. Chũ sa môn có ba nghĩa : 1/ Càn giả : Người siêng làm điều thiện. 2/ Túc giả : Người dứt bỏ các nghiệp ác. 3/ Pháp đạo, bản đạo, bản giả : Người chịu thiếu, chịu nghèo, chẳng giữ của cải, chẳng có chi gọi là của mình...
- 31) Hai chấp : Một là chấp ngã, hai là chấp pháp. Chấp ngã nghĩa là chấp thân ta có thật, thường còn, vĩnh viễn, suốt thời gian làm việc gì cũng vì cái ta. Chấp pháp là chấp sự vật có thật là thường còn, là vĩnh cửu. Người đời vì hai bệnh này làm cho Phật tánh phải lu mờ, tối tăm.
- 32) Mật pháp : Đã chú thích trong tập Luận Pháp Tướng, số 23, trang
- 33) A Nậu Bồ Đề : Anuttara bodhi : A Nậu là vô thượng không có vật chi trên. Bồ Đề là giác ngộ có nghĩa là sáng suốt giác ngộ không ai trên.
- 34) Thiên ma : Đã chú thích trong tập Luận Huyết Mạch, số 13, trang
- 35) Tứ quả : Quatre états de Saineté. Bốn quả Thịnh Văn : 1/ Tu đà hoàn (Srotapana), dịch là Nhập Lưu. 2. Tư Đà Hàm (Sakragamin), dịch là Nhứt Lai. 3/ A Na Hàm (Anagamin), dịch là Bất Lai và 4/ A La Hôn (Arhat), dịch là Vô Sanh.

Lời Giải

- (1) Phật đạo: Doctrine du Bouddha. Etat de Bouddha (F): Đạo Phật, con đường giác ngộ. Giáo lý của nền đạo đức do Đức Thích Ca thuyết ra và truyền bá cho đời.
- (2) Đến bờ bên kia: Paramita. Đáo bỉ ngạn là tiếng gọi chung bốn hàng thánh giả. A La Hôn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật. Các vị ấy tử như con thần qui. Con qui có thể ở dưới nước hay lên bờ một cách tự tại. Bốn hàng thánh giả cũng như thế; khi xuống thế gian, vào chốn luân hồi, tử như con qui xuống nước; khi ra khỏi thế gian, lên cảnh niết bàn, tử như con qui lên ở trên bờ. Lại nữa, con qui có thể ẩn tàng năm phần của thân thể mình. Các thánh giả cũng thế, giữ kín ngũ căn của mình. Các ngài xét thấy thế nào là phiền não. Cho nên gọi là đến bờ bên kia.
- (3) Bốn đại: Quatre Eléments (F). Mahabhutas: Bốn chất chính trong thế giới tạm hiệp làm người và muôn vật. Ấy là đất, nước, gió, lửa. Địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại.
- (4) Năm ấm: Skandas: Cinq agrégats, nghĩa là tích tập, nhiều vật dồn dập, kết hợp nhau lại, ấy là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.
- (5) Vui niết bàn: Béatitude du Nirvana (F). Sự vui sướng của niết bàn, cảnh vui sướng ở niết bàn. Lia tất cả khổ não, các phiền lụy trong đường luân hồi, tâm trí được yên ổn, vui sướng một cách rốt ráo. Ấy là chung vui niết bàn.
- (6) Ba cõi: Trois mondes (F): Ba cõi. Những chúng sanh chưa hoàn toàn siêu thoát, còn ở trong ba cõi. Ấy là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

(7) Chơn như: Chơn là chơn thật, không hư vọng. Như là như thường, không biến đổi, không sai chạy. Chơn như tức là Phật tánh, tánh chơn thật, không biến đổi, như nhiên, không thiện không ác, không sanh không diệt. Chơn như thì đầy đủ nơi Phật, nó cũng vẫn có nơi chúng sanh.

(8) Kim cương: Vajra: Foudre, Diamant (F). Có hai nghĩa: 1/ Đọc theo Phạn: Phật Chiếc La (Vajra) tức là điển chấn, lưỡi tầm sét. (foudre), như nói kim cương bát nhã ba la mật; kim cương lực sĩ. Bảo châu kiên cố, ánh triệt, tức là chất hột thủy xoàn. (Diamant). Như nói kim cương châu; hể là kim cương thì dao búa chém không hư.

(9) Phật tánh: Nature de Bouddha (F), tánh Phật, tánh giác ngộ, bản tánh lành, mầm lương thiện ở mọi người mọi vật. Cũng gọi Như Lai tánh. Đối nghĩa: Chúng sanh tánh. Kinh Phạm Võng: Tất cả chúng sanh đều có sẵn tánh giác ngộ nơi mình (Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh). Nhờ tánh ấy, chúng sanh công nhận và thấu đạt lý như quả, hiểu cái thể tự nhiên của mình đồng với chư Phật.

(10) Bản thể: Thể căn bản. Vũ trụ có bản thể vũ trụ. Nhơn sinh có bản thể của nhơn sinh. Mọi người đều có bản thể. Tức là thể căn bản của người và vật.

(11) Sáu cái hiểu biết: Six connaissances (F) lục thức: Hiểu biết của mắt (nhãn thức). Hiểu biết của tai (nhĩ thức). Hiểu biết của mũi (tỷ thức). Hiểu biết của lưỡi (thiệt thức). Hiểu biết của thân (thân thức) và hiểu biết của ý (ý thức).

(12) Thể chơn như: Bản tánh chơn thật như thường. Đó là thể tự nhiên của chúng sanh, nó chơn thật không hư vọng, nó vẫn có từ khi cha, mẹ chưa sanh mình ra. Thể ấy trống không linh thiêng, vắng lặng mà màu nhiệm, dầu trải qua bao nhiêu kiếp cũng chẳng hư, chẳng hoại...

(13) Ba tụ tịnh giới: Ba nhóm giới cấm này thâm nhiếp được hết thảy các giới của đại thừa: Một, điều răn thâm nhiếp luật nghi. Hai, điều răn thâm nhiếp pháp lành và ba là điều răn thâm nhiếp chúng sanh.

(14) Sáu pháp ba la mật: Paramita. Six vertus cardinales (F). Sáu hạnh ba la mật. Ấy là bố thí ba la mật; giữ giới ba la mật; nhẫn nhục ba la mật; tinh tấn ba la mật; thiền định ba la mật và trí tuệ ba la mật. Sáu pháp này đưa người từ bến mê tới bờ giác, từ sanh tử đến niết bàn, từ chúng sanh đến quả vị Bồ Tát.

(15) Chánh nhơn: Cause fondamentale (F). Cái cơ chánh. Ấy là cái mầm, cái gốc, cái sức chánh do nơi đó mà phát sanh ra sự vật. Chánh pháp do nơi đó mà tu thành đạo. Chánh nhơn là cái cơ chánh, có những cơ phụ thuộc tiếp sức, gọi là nhơn duyên hay trợ duyên.

(16) Mười điều lành: Dix actes méritoires: Mười điều lành: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà hạnh, không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời hung ác, không tham lam, không giận tức và không si mê.

(17) Năm giới cấm: PaĐca sila: Cinq défenses (F). Năm điều răn cấm mà người tu tại gia của Phật giáo phải gìn giữ: Một là không sát sanh; hai là không trộm cắp; ba là không tà dâm, bốn là không nói dối và năm là không uống rượu say.

(18) Pháp hữu vi: Samskṛta dharma: Agir (F): Sự vật có tạo tác, pháp có nhơn duyên tạo tác, cố ý tạo tác, chớ không chịu theo cái tự nhiên. Trái với pháp vô vi.

(19) Đường A Tu La: Asura: génie (F). A Tu La cũng gọi là thần. Ấy là một hạng trong mười hạng chúng sanh. Đường đến A Tu La là đường người làm việc phước đức, nhưng ưa sanh ra sân hận nhiều, nên đốt tan phước đức.

(20) Ba vô số đại kiếp: Nằm trong danh từ Asamkhyā. Innombrable (F): chữ a là vô, sankhya là số. Một kiếp có cả trăm vạn năm... Mà có chỗ giải chỉ ở trong một niệm. Một vô số đại kiếp là con số một có theo sau bốn mươi bảy con số không (zéros). Thì ba vô số đại kiếp, xin nhơn lên thì rõ theo con số...

(21) Tánh chơn như: Đã giải trong mục 12 về danh từ thể chơn như giống nhau.

(22) Ba môn giải thoát: Ba cửa giải thoát: giải thoát là tự tại, không còn bị trói buộc, tức cửa niết bàn. 1/ Cửa không; 2/ Cửa vô tướng; 3/ Cửa vô nguyện. Chính Đức Phật đem ba môn giải thoát này mà thuyết độ Vua Tịnh Phạn, khi Phật trở về thành Ca Tỳ La Vệ. Nghe xong ba môn giải thoát, Vua đắc đạo quả.

(23) Đòi mật pháp: Đòi làm cho đạo pháp vào lúc điêu tàn. Mỗi Đức Phật khi ra đời và lập đạo, thì đạo pháp từ đó phân ra làm ba thời kỳ liên tiếp: Chánh pháp, tượng pháp và mật pháp. Đòi chánh pháp tu hành để đắc đạo; đòi tượng pháp tu hành chỉ đắc đạo phân nửa; đến đòi mật pháp tu hành rất khó đắc đạo...

(24) Sáu giặc: Six brigands (F). Sáu kẻ cướp, bọn cướp sáu đứa. Lời tỳ dụ để gọi ngoại lục nhập, sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vì sáu cảnh ngoài rình rập mà xâm nhập sáu cảnh trong của ta. Nói sáu nhập, sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, mà cướp lấy phước đức, thiện pháp của ta nên gọi là sáu giặc.

(25) Tỳ Lô Giá Na: Vairocana Bouddha: Phật Biến Nhứt Thế Xứ. Đức Phật hào quang chiếu khắp các nơi, như ánh sáng mặt trời. Ngài làm Pháp Vương ở cõi Liên Hoa Đại Tạng thế giới; thường có Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát theo châu hai bên.

(26) Vô thượng chánh đẳng chánh giác: Anuttara. Samyak sambodhi. Ấy là quả vị đạo lý cao tột nhứt mà Đức Phật đắc được lúc Ngài ngồi đại định nơi cõi cây bồ đề.

(27) Phật tánh chơn như: Phật tánh cũng tức là chơn như, cái tính chơn thật như thường, không biến cải chẳng sanh, chẳng diệt. Song với kẻ ngu, vì bị nhiều sở dục, vì bị nghiệp chướng ngăn bít, nên cái Phật tánh, cái chơn như phải lu mờ. Còn đối với người trí ít tham, ít dục, mộ việc tu hành, nên cái Phật tánh, cái chơn như tỏ rõ ra. Biết lẽ quấy mà tránh, biết lẽ phải mà theo.

(28) Hương chánh pháp vô vi: Hương đạo, mùi hương giải thoát, đúng với chơn lý giải thoát... Tâm hồn hoàn toàn thanh tịnh ngát thơm trong tinh thần giải thoát bao la.

(29) Pháp sự: Việc Phật pháp, tức là các công việc về đạo lý; cũng gọi là Phật sự. Vì muốn cầu phước, hoặc vì thiện cần nên mở ra những hội Phật, như cúng Phật, thí Tăng, tụng kinh, thuyết pháp v.v... đều gọi là pháp sự.

(30) Chơn tôn: Tôn chỉ chơn chánh của chánh pháp... Tức là Phật đạo, chánh đạo giải thoát.

(31) Dầu tô cao: Dầu tô. Dầu thơm chế bằng hoa của cây tô manna, dùng thắp đèn cúng Phật.

(32) Phật tánh chơn như: Đã chú giải ở số 27, phía trên.

(33) Thân vô vi: Thân vô vi của Phật. Pháp thân mà chư Phật chứng ngộ được sâu xa, an nhiên, tịch tĩnh. Nó rời khỏi các nhơn duyên tạo tác, các nhơn duyên sanh diệt.

(34) Giác sát thân tâm: Giác ngộ quán sát thân lẫn tâm. Làm việc gì, nói lời gì và nghĩ sự gì đều đúng với chân lý, hợp với sự thật... kẻ phàm phu vì ác giác sát, nên tư tưởng chấp trước, điên đảo. Bực thánh nhơn nhờ thiện giác sát luôn luôn, nên tùy thuận thế pháp mà tư tưởng chẳng chấp trước không điên đảo.

(35) Cổng tam quan: Đây là chỉ cho cổng cửa ba gian rộng lớn của mỗi ngôi đại già lam, ngôi chùa, tiêu biểu cho ba cửa giải thoát: Ấy là cửa không, cửa vô tướng và cửa vô ngụyện.

(36) Mười pháp giới: Dix mondes de la doctrine (F). Kêu tắt là thập giới. Mười cảnh giới của Phật pháp: 1/ Phật; 2/ Bồ Tát; 3/ Duyên Giác; 4/ Thanh Văn. Bốn cảnh trên đây là cảnh của các bậc giải thoát. 5/ Trời; 6/ Người; 7/ A Tu La; 8/ Quỷ Đới; 9/ Súc Sanh; 10/ Địa Ngục. Sáu cảnh dưới là các bực còn lăn lộn trong vòng luân hồi. Hoặc hưởng phước báo, hoặc chịu tội báo.

(37) Sáu giặc: Đã chú giải ở số 24 phía trên, trong tập này.

Tất cả phần chú giải đều được rút trong Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn và kiến giải của dịch giả.

Ngài Uyển Lăng Sao Lục

1. Ngài Tướng Công họ Bùi hỏi Tổ Sư rằng : "Trong núi này có bốn, năm trăm người, có bao nhiêu người đắc pháp với Hòa Thượng ?"

Tổ sư trả lời rằng : "Số người đắc pháp thì không lường được. Vì sao ? Bởi vì đạo ở nơi tâm mà ngộ, chứ đâu phải ở lời nói. Lời nói chỉ hóa độ cho kẻ mới học mà thôi".

2. Lời hỏi : "Như thế nào là Phật ?"

Tổ sư trả lời : "Tức tâm là Phật, vô tâm là đạo. Nhưng không sanh vọng tâm, không động chánh niệm, nào là : có, không, dài, ngắn, kia, ta, năng, sở ... những tâm đó, thật ra tâm vốn là Phật, Phật vốn là tâm. Tâm như hư không, cho nên nói rằng chơn pháp thân của Phật cũng như hư không, không dùng gì tìm cầu riêng, có cầu đều có khổ. Giả sử trải qua nhiều kiếp như số cát sông Hằng để thực hành lục độ, vạn hạnh, được Phật bồ đề, cũng không cứu kính. Vì có sao ? Vì đó thuộc nhơn duyên tạo tác vậy. Nhơn duyên đó nếu hết, sẽ trở về sự vô thường. Do đó nói rằng : Báo thân cùng hóa thân không phải là chơn Phật đâu, cũng không phải người thuyết pháp, chỉ biết tâm mình, không ta không người, bản lai là Phật".

3. Hỏi : "Các vị thánh nhơn vô tâm tức là Phật. Còn người phàm phu vô tâm có bị trầm luân không tịch hay không ?"

Tổ sư nói rằng : "Pháp không có phàm, thánh, cũng không có trệ tịch, gốc của pháp chẳng có, chẳng tạo tác vô kiến (1); pháp vốn chẳng không, chẳng tạo tác cái hữu kiến. Có đó cùng không đều là chấp về tình kiến, cũng như nhậm con mắt. Do đó nên nói rằng : thấy cùng nghe cũng như con mắt nhậm nhìn hư không, biết cái hiểu biết là của chúng sanh. Trong pháp môn của Tổ sư chỉ luận dứt căn cơ, quên cố chấp, do đó quên căn cơ thì con đường giác ngộ được thành hành, còn phân biệt căn cơ thì ma quân hùng thịnh.

4. Hỏi : "Tâm đã bỗng lai là Phật, cần phải tu lục độ vạn hạnh chăng?"

Tổ sư nói : "Ngộ ở nơi tâm, không quan hệ gì đến lục độ vạn hạnh. Nhưng lục độ vạn hạnh đều là cửa để giáo hóa cho những người mới bước lên đường đạo, đó là việc ở một bên để tiếp vật độ sanh. Giả sử bồ đề, chơn như, thật tế, giải thoát, pháp thân, thẳng đến thánh vị : thập địa, tứ quả, đều là cửa độ thoát, không có quan hệ gì đến Phật tâm cả. Tâm tức là Phật, do đó trong tất cả các môn độ thoát, tâm Phật là đệ nhất. Nhưng không có tâm sanh tử phiền não, tức không dùng những pháp bồ đề nữa. Do đó cho nên mới có câu : "Phật nói tất cả pháp, độ cho ta tất cả tâm; nếu ta không có tất cả tâm, thì dùng gì để nói tất cả pháp". Từ Phật đến Tổ, đều không luận việc gì cá biệt hết, chỉ luận nhất tâm. Cũng nói rằng nhất thừa (2). Do đó cho nên mười phương tìm cầu chơn lý, lại không có thừa nào khác, trong chúng đây không có nhánh lá, chỉ có những chơn thật mà thôi. Do đó cho nên ý này khó tin.

Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến cõi Đông Độ này, đến hai quốc độ đời nhà Lương và đời nhà Ngụy. Chỉ có ngài Huệ Khả đại sư (tức là ngài Thần Quang) một người hết sức kín đáo tin được tự tâm. Cho nên nói vừa xong, ngài Huệ Khả liền lãnh hội tức tâm là Phật, thân tâm đều không, ấy mới gọi là đại đạo (3). Chơn lý vi đại đó xưa nay bình đẳng. Do đó cho nên phải tin một cách sâu xa tất cả các loài hàm sinh đồng một chơn tánh. Tâm tánh không khác, tức tánh tức tâm. Tâm chẳng khác tánh, gọi đó là Tổ. Do đó cho nên mới có câu : Khi nhận được tâm tánh rồi, có thể nói rằng không thể nghĩ bàn được".

5. Hỏi : "Phật có độ chúng sanh được không ?"

Tổ sư nói : "Thật ra không có chúng sanh nào Như Lai độ hết, ta còn không có thể được, nếu không có ta làm thế nào để đắc ? Phật cùng chúng sanh đều không thể đắc".

Hỏi thêm rằng : "Hiện Phật có ba mươi hai tướng tốt và độ chúng sanh, sao ngài lại nói là không ?

Tổ sư mới trả lời rằng : "Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng. Nếu thấy được các tướng đó là phi tướng, thì mới thấy được Như Lai. Phật cùng chúng sanh, ấy do các ông đều tạo tác ra những vọng kiến. Chỉ vì không biết được bốn tâm, mạn đàm khởi kiến giải, vừa khởi lên sự giác ngộ, liền bị sự giác ngộ ngăn che. Khởi lên sự hiểu biết chúng sanh, thì lại bị ngăn chúng sanh. Khởi phàm, khởi thánh, khởi tịnh, khởi uế, các kiến cấp đó đều thành chướng ngại cả. Vì tâm của các ông ngăn ngại nên các ông đều thành luân chuyển. Cũng như con khỉ, buông một bắt một, không lúc nào hết. Chỉ một điều là học thẳng tới vô học. Không học phàm, học thánh, học tịnh hoặc uế, đại thừa, tiểu thừa, không học lậu, không học vô vi, như thế trong nhất tâm, phương tiện rất trang nghiêm. Cho các ông học ba thừa, mười hai phần giáo đi nữa, đều phải xả bỏ tất cả những kiến giải đó.

Do đó cho nên trừ bỏ sở hữu, chớ để lại một giường (pháp tòa căn bản) còn chuyện để ngủ, đau ốm mà nằm, chỉ là không khởi kiến chấp, không một pháp gì có thể được, không bị pháp chướng, thấu giải thoát được cảnh vực thánh phàm trong ba cõi, mới được gọi đó là xuất thế Phật. Do đó mới có câu : "Cúi đầu như hư không, không chỗ nương, vượt ra khỏi ngoại đạo. Tâm đã không khác, pháp cũng không khác, tâm đã vô vi, pháp cũng vô vi !

Muôn pháp đều do tâm biến. Do đó tâm ta không các pháp đều không, ngàn phẩm muôn loại thấy đều đồng. Hết cả hư không trong mười phương đồng một tâm thể. Tâm vốn không khác, pháp cũng không khác. Chỉ vì biến giải của các ông không đồng, do đó nên thấy có sai khác. Ví dụ như chư thiên đồng ăn trong một đồ đựng quý báu, nhưng tùy theo phước đức của vị đó, sắc cơm có khác. Các đức Phật trong mười phương thật không có một chút pháp nào được hết, cho nên mới gọi đó là 'Vô Thượng Giác Ngộ'. Chỉ là nhất tâm, thật không có tướng gì khác, cũng không có một yển sáng, không có thắng, có phụ. Không có thắng nên không có tướng Phật, không có phụ nên không có tướng chúng sanh".

7. Hỏi : "Tâm đã vô tướng, đâu có được toàn, không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp để ra độ chúng sanh ư ?

Tổ sư nói : "Ba mươi hai tướng đó thuộc về tướng, phàm đã có hình tướng đều là hư vọng, tám mươi thứ đẹp thuộc về sắc, nếu lấy chữ sắc để tìm Ta, thì người đó làm hạnh tà, không thể nào thấy Như Lai được".

8. Có người hỏi Tổ sư : "Phật tánh cùng chúng sanh tánh là đồng hay là khác ?

Tổ sư đáp : "Tánh không đồng không khác. Nếu nói sơ về ba thừa giáo, tức thuyết có Phật tánh có chúng sanh tánh liền có tam thừa như quả, tức có đồng có khác. Nếu nói về Phật thừa và Tổ sư tuyên truyền, tức không thuyết. Duy chỉ có nhứt tâm, chẳng phải đồng, chẳng phải khác, chẳng phải như, chẳng phải quả. Vì thế cho nên nói : 'Duy chỉ nhất thừa đạo, vô nhị diệt vô tam' (Duy nhất chỉ có con đường nhất thừa này mà thôi, không hai cũng không ba) trừ khi nào đức Phật phương tiện nói".

9. Lời hỏi : "Vô biên thân Bồ Tát, vì sao không thấy được đánh tướng Như Lai ?"

Tổ sư đáp : "Thật không có thể thấy, vì có sao ? -- Bởi vì Vô Biên Thân Bồ Tát, lại là Như Lai, không nên thấy có hai, chỉ giáo hóa ông, không khởi kiến chấp giác ngộ, không lạc vào bên giác ngộ; không bị chấp làm chúng sanh, không sa vào bên chúng sanh; không chấp là có, cũng không sa vào bên có; không chấp không, cũng không lạc vào bên không; không chấp là phàm, cũng không sa vào con đường phàm; không chấp thánh, cũng không sa vào con đường thánh. Chỉ không có các chấp, tức là vô biên thân.

Nếu có chỗ chấp, tức gọi là ngoại đạo. Ngoại đạo là sao ? Họ ưa đối với các kiến chấp; còn Bồ Tát đối với các kiến chấp nhưng không động; Như Lai là như thế nào ? Tức là pháp như nghĩa. Do đó cho nên nói rằng : Di Lạc cũng như vậy, rồi thánh hiền cũng như vậy. Như tức là vô sanh, như tức là vô diệt. Như tức là vô thấy, như tức là vô văn; Như Lai đánh tức là viên kiến, mà cũng không có viên kiến, cho nên không sa vào viên kiến.

Do đó cho nên thân Phật là vô vi, không đọa vào các số. Tạm đem hư không để thí dụ, tròn giống như hư không, không thiếu, không dư. Bình đẳng, thanh nhàn không gì chướng ngại, chẳng cưỡng biện các cảnh khác. Hễ biện chấp liền thành ra hiểu biết. Cho nên nói rằng : Tròn thành nơi biển thức trầm luân, lưu chuyển nổi trôi. Chỉ đạo của ta mới biết vậy. Học được cái đó hay tự nhiên khế ngộ vậy, hay là giải thoát vậy, hay có đạo lý vậy ? Chỗ mạnh thì như ý, chỗ yếu thì không như ý, in tuồng như có kiến giải, có chỗ dùng ra làm sao ? Ta hướng về các ông mà nói, bình đẳng, thanh nhàn, mọi việc vô sự, chớ mạn đàm dụng tâm, không dụng cầu chơn, chỉ phải dứt các kiến chấp. Do đó cho nên chấp ở trong, chấp ở ngoài đều lần hết, con đường Phật, con đường ma đều là ác hết.

Do đó cho nên ngài Văn Thù tạm khởi hai cái chấp, rồi đưa tới hai núi Thiết Vi. Ngài Văn Thù tức là thật trí, còn Phổ Hiền tức là quyền trí, tướng quyền thật đối trị, rất ráo không có quyền thật, chỉ là nhất tâm. Tâm và không phải Phật, không phải chúng sanh, không có chấp khác, vừa chấp có Phật, liền phải chấp có chúng sanh. Có chấp, không chấp, chấp thường (4), chấp đoạn (5), đều thành hai núi Thiết Vi, vì bị kiến chấp nên chướng ngại, nên Tổ sư mới khai thị thẳng, chỉ bản tâm cho tất cả chúng sanh, bản thể xưa nay là Phật, không phải nhờ tu mà thành, không thuộc tiệm thứ, không phải sáng tối. Không phải là sáng nên không có vô minh, không phải là ám nên không có vô ám. Do đó cho nên không có vô minh, mà cũng không hết vô minh. Vào trong tôn môn của ta đây, cần phải ở nơi ý. Như thế kiến chấp được thì gọi là pháp. Vì kiến pháp nên gọi đó là Phật. Phật pháp đều không, gọi đó là tăng, thay đổi làm vị tăng vô vi, cũng gọi đó là nhứt

thể tam bảo. Luận về người đi cầu pháp, không trụ trước cầu nơi Phật, không trụ trước cầu nơi pháp, không trụ trước chúng cầu nơi tăng".

10. Hỏi : "Hoà thượng nay hiện thuyết pháp, tại sao cứ nói không có tăng cũng không có pháp ?

Tổ sư nói : "Các ông nếu thấy có pháp còn nói, tức là dùng âm thanh để cầu ta, nếu thấy có ta tức là có xứ sở, pháp cũng không có pháp nữa, pháp tức là tâm. Vì thế cho nên tổ sư nói như thế này : "Khi đem tâm pháp này, mỗi pháp mỗi pháp nào từng là pháp, không pháp không bản tâm, mới hiểu được cả tâm và tâm pháp. Thật không một pháp gì có thể được mới gọi là đạo tràng". Đạo tràng là thế nào ? -- Là không khởi các kiến chấp, ngộ được các pháp vốn không, hay nói một cách khác là không Như Lai Tạng, xưa nay không một vật gì hết thì chỗ nào có bụi bặm ? Nếu được ý ở trong đoạn này thì thông dong tự tại. Còn chỗ nào luận kể nữa ?

11. Lời thuyết vấn : "Xưa nay không một vật, không có một vật, phải đúng như thế chăng ?

Tổ sư nói : "Không cũng chẳng đúng, khổ cũng chẳng đúng, mà cũng chẳng phải không cái tri giải".

12. Lời thuyết vấn : "Thế nào là Phật ?"

Tổ sư nói : "Tâm ông tức là Phật. Phật tức là tâm, tâm cùng Phật không khác. Cho nên nói rằng : Tức tâm tức Phật, nếu lìa khỏi tâm đó, không có ông Phật nào khác".

13. Lời hỏi thêm : "Nếu tự tâm là Phật thì Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Tây Thiên Trúc đến làm sao truyền trao giáo pháp được ?"

Tổ sư nói rằng : "Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Tây Thiên Trúc đến, chỉ truyền tâm Phật, để thẳng chỉ cho là tâm các ông bỗng lai là Phật, mỗi tâm, mỗi tâm không khác, ừ nên gọi là Tổ. Nếu trực hạ nhận được ý này, liền vượt qua ba thừa, tất cả các quả vị đó, bỗng lai là Phật, không phải nhờ sự tu mà thành".

14. Hỏi thêm : "Nếu như thế, các đức Phật trong mười phương ra đời nói các pháp gì ?"

Tổ sư trả lời rằng : "Các đức Phật mười phương ra đời chỉ nói chung có một pháp nhất tâm thôi. Do đó cho nên đức Phật mật ý phú chúc cho ngài Ma Ha Ca Diếp. Pháp thế nhất tâm này, hết cả hư không, khắp cả pháp giới, đó gọi là lý luận của chư Phật, đó gọi là chánh pháp, ông đâu phải đối với trên văn cú đó mà hiểu được chuyện kia. Cũng không phải đối với một căn cơ, trên một cảnh tượng mà thấy được đó đâu. Ý này chỉ là yên lặng vậy để khế hợp mà thôi. Một pháp môn này gọi là pháp môn vô vi. Nếu như biết lãnh hội được, chỉ biết làm sao vô tâm bỗng nhiên liền được. Nếu dụng tâm lo toan phải học, thì liền hư chuyển càng xa. Nếu như không có tâm chia đường, tất cả tâm thủ, xả, tâm như cây đá mới có phân ra học đạo".

15. Hỏi thêm : "Như nay hiện có các thứ vọng niệm, làm sao lại nói là không ?"

Tổ sư nói rằng : "Vọng vốn không có thể, tức là tại bởi tâm các ông tự khởi. Các ông nếu biết được tâm mình là Phật, thì tâm vốn không vọng. Tâm vốn không vọng đâu được phát khởi tâm nhận ở nơi vọng ? Các ông nếu không sanh tâm động niệm, tự nhiên không vọng. Do đó cho nên nói : "Tâm sanh tức các pháp sanh, tâm diệt tức các pháp đều diệt".

16. Hỏi : "Nay khi chánh vọng niệm phát khởi lên, thì Phật ở chỗ nào ?"

Tổ sư giải rằng : "Các ông khi biết vọng một lượt phát khởi, thì biết đó chính là Phật. Có thể ở trong đó, nếu không có vọng niệm, thì Phật cũng không. Tại sao như vậy ? Tại vì tâm ông khi mới phát khởi lên, hễ chấp có Phật, liền gọi đó là có Phật được thành. Còn hễ khởi lên chấp có chúng sanh, liền được gọi có chúng sanh để được độ. Khởi vọng tâm thì động chánh niệm, đều là chỗ chấp của các ông. Nếu không tất cả chỗ chấp đó, thì Phật đâu có ở xứ sở nào ? Như Văn Thù vừa khởi chấp có Phật, thì liền giảm hướng về hai núi Thiết Vi".

17. Hỏi thêm : "Nay chính khi ngộ, Phật tánh ở chỗ nào ?"

Tổ sư nói : "Hỏi từ đâu đến ? Giác ngộ từ chỗ nào phát khởi ? -- Nói, nín, động, tịnh, tất cả thính, sắc đều là Phật sự, tìm Phật chỗ nào ? Không thể tại trên đầu mà lại yên trên đầu, hay ở trên mồm lại thêm mồm. Chỉ chẳng sanh dị kiến, núi là núi, nước là nước, tăng là tăng, tục là tục, núi sông đất liền, mặt trời, mặt trăng, ngôi sao đều không ra ngoài cái tâm của các ông. Ba ngàn thế giới, đều tự nơi các ông mà hiện, chỗ nào có bao nhiêu thứ đâu ? Ngoài tâm ra không có một pháp nào, đầy cả mắt núi xanh, thế giới hư không sáng rõ khắp nơi không có một sợi tơ, sợi tóc nào cho các ông làm kiến giải. Do đó tất cả thính, sắc là mắt huệ của Phật Pháp không một mình mà phát khởi, nhờ cảnh sanh phương. Nhờ các vật đó, nên đối với kia nhiều trí hóa để nhận định. Trọn ngày nói, nào từng nói; trọn ngày nghe, nào từng nghe. Do đó đức Thích Ca Thế Tôn nói pháp bốn mươi chín năm, nhưng cuối cùng ngài nói chưa từng nói và đấm trước một chữ".

18. Hỏi : "Nếu như vậy, chỗ nào là bồ đề ?"

Tổ sư đáp : "Bồ đề không có chỗ, Phật cũng không được bồ đề, chúng sanh không mất bồ đề, không thể dùng thân mà được, không thể dùng tâm mà cầu. Tất cả chúng sanh ai cũng có tướng bồ đề".

19. Hỏi thêm : "Làm thế nào để phát tâm bồ đề ?"

Tổ sư trả lời : "Bồ đề không chỗ nào được, các ông nay chỉ phát tâm vô sở đắc, quyết định không được một pháp, tức là tâm bồ đề. Bồ đề không trụ xứ, thế cho nên không chỗ đắc. Vì thế cho nên ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có một chút pháp gì được, nhưng đức Phật liền cho ta lời thọ ký. Thế nên rõ biết tất cả chúng sanh vốn là bồ đề, không nên nói được bồ đề. Các ông ngày hôm nay nghe phát tâm bồ đề, toan nói một tâm học, chấp trước ở nơi Phật. Chỉ toan nơi Phật, tự ý ba A-tăng-kỳ kiếp các ông tu cũng chỉ được cái báo thân, hóa thân Phật. Còn đối với các ông có giao tiếp gì được cội nguồn chơn tánh Phật đâu ?

Cho nên nói rằng cầu ở bên ngoài có tướng Phật, nhưng cùng với ông không có tương tự".

20. Hỏi : "Vốn đã là Phật, làm sao lại có tứ sanh (6), lục đạo, các thứ hình mạo không đồng ?"

Tổ sư trả lời rằng : "Thế của chư Phật tròn, lại không tăng giảm, nổi trôi vào sáu đường, mỗi chỗ, mỗi chỗ đều tròn. Trong muôn loài, mỗi loài mỗi loài đều có Phật tánh. Thí dụ như cục thủy ngân phân tán ra các chỗ, mỗi viên mỗi viên đều tròn. Nếu không chia ra thì họp thành một khối. Một tức là tất cả, tất cả tức là một. Các thứ hình mạo dụ như nhà cửa, bỏ nhà cửa của lùa vào nhà cửa của người, bỏ thân người đến thân trời, cho đến thân Thịnh Văn, thân Duyên Giác, thân Bồ Tát, thân Phật, đều là chỗ của các ông thủ xả, do đó cho nên có khác. Tánh bản nguyên đầu có khác gì ?"

21. Lời thuyết vấn : "Các đức Phật như thế nào hành tâm đại từ bi vì chúng sanh thuyết pháp ?"

Tổ sư nói : "Lòng từ bi của Phật như thế nào ? Vì vô duyên vậy, cho nên gọi đó là đại từ bi. Từ là thế nào ? -- Là không thấy có Phật để thành. Bi là gì ?- Là không thấy có chúng sanh để độ. Chỗ đức Phật thuyết pháp không nói, không chỉ, người nghe pháp cũng không nghe, không được. Ví cũng như kẻ huyền si, vì người huyền mà nói pháp, thì pháp đó, nếu nói là ta từ thiện tri thức nói xong để được lãnh hội, được liễu ngộ. Thì từ bi như vậy đó, nếu vì các ông khởi tâm động chánh niệm học cho được kiến giải kia, không phải tự ngộ bản tâm, thì rất ráo vô ích".

22. Lời thuyết vấn : "Thế nào gọi là tinh tấn ?"

Tổ sư nói : "Thân tâm đừng khởi, đó gọi là đệ nhất lao cường tinh tấn. Vừa khởi tâm hướng ngoại tìm cầu, đó gọi là Vua Ca Lợi ưa đi săn bắn xua, tâm không du ngoạn hướng ngoại, tức là vị tiên nhẫn nhục. Thân tâm đều không, tức là con đường sáng suốt vậy".

23. Lời thuyết vấn : "Nếu không có tâm hạnh, thì có được cái đạo này không ?"

Tổ sư nói : "Vô tâm tức là hành cái đạo này, lại cần gì nói những gì được và không được ? Vả như vừa liếc qua phát khởi một niệm tức là có cảnh rồi, nếu như không có một niệm, tức là cảnh hết, tâm tự diệt, không lại có thể tìm cầu".

24. Lời thuyết vấn : "Như thế nào ra khỏi ba cõi ?"

Tổ sư nói : Chớ lo nghĩ thiện ác tức là ra khỏi ba cõi. Đức Thích Ca Như Lai ra đời ngài phá ba cõi. Nếu như không có một tâm gì hết, thì cũng không có ba cõi. Cũng như một mảy bụi bị tách ra thành trăm phần, chín mươi chín là không, chỉ có một phần là có. Còn chấp vậy thì dù gọi là Đại Thừa giáo, cũng chưa phải là siêu xuất. Còn như trăm phần đều không, thì mới là Đại Thừa hay thù thắng vậy".

25. Tổ sư lên trên giảng đường nói : "Tức tâm là Phật, trên đến các đức Phật, dưới đến các loài bò bay máy cựa, đều có Phật tánh, đồng một tâm thể. Do đó cho nên tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Tây Thiên Trúc đến, chỉ truyền có pháp nhất tâm, thẳng chỉ tất cả bốn lai của chúng sanh là Phật, không phải nương trong sự tu hành, chỉ như ngày nay biết được để giữ gìn tâm của mình, thấy được bản tánh của mình, chớ có tìm cầu gì khác".

26. Thế nào biết được tâm của mình ? Tức như ngày nay, ngôn ngữ chính là tâm của ông. Nếu không có ngôn ngữ, lại không có tác dụng, tâm thể in tuồng như hư không, không có tướng mạo, cũng không có phương sở. Cũng không có một bề là không, có mà không thể thấy được vậy.

Tổ sư nói : "Chơn tánh chứa ở trong tâm địa (7), không đầu cũng không đuôi, theo duyên mà hóa vật, phương tiện gọi là trí" Nếu khi không có ứng duyên, không thể nói kia là có là không, lúc nào chánh ứng, cũng không dấu vết. Đã biết như thế, nay hướng về nơi cái không đó mà nương đậu, tức là con đường đi của chư Phật. Kinh nói : "Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm". Tất cả chúng sanh ở trong sự sanh tử luân hồi, ý duyên chạy động, tâm ở trong lục đạo không dừng, khiến chịu không biết bao nhiêu sự khổ. Trong Kinh Tịnh Danh nói : "Những người khó giáo hóa, tâm họ giống như khỉ đột, cho nên phải dùng biết bao nhiêu phương pháp để chế ngự vọng tâm kia, vậy sau mới điều phục". Do đó cho nên khi vọng tâm sanh, thì biết bao nhiêu pháp sanh, hề vọng tâm diệt, biết bao nhiêu pháp diệt. Cho nên phải biết tất cả các pháp đều do tâm tạo, cho đến người, trời, địa ngục, sáu đường, A-Tu-La đều do tâm tạo. Như ngày hôm nay, chỉ học vô tâm, dứt bỏ các duyên, chớ sanh vọng tưởng phân biệt, không người, không ta, không tham lam, sân hận, không thương, không ghét, không thắng, không thua. Rồi xa lìa các loại vọng tưởng, tánh tự nhiên trước giờ được thanh tịnh, tức là tu hành pháp Phật, bồ đề v.v... Nếu không hội ý này, theo sự học rộng, siêng năng, cần mẫn tu hành, dùng rau để ăn, lấy cỏ làm áo, không biết tự tâm mình, đều gọi đó là tà hạnh. Cuối cùng làm thiên ma ngoại đạo, các thần đất, thần nước. Tu hành như thế, lại có lợi ích gì !

Ngài Chí Công Hoà Thượng nói như thế này : "Bản thể là tự tâm mình tạo tác, đâu phải tìm cầu trong vạn tự". Như nay chỉ biết tự tâm, dứt bỏ tư duy, vọng tưởng trần lao tự nhiên không sanh. Kinh Tịnh Danh nói rằng : "Chỉ để một giường nhỏ, để lỡ bệnh mà nằm, vọng tâm không khởi vậy". Như người đau nằm, bao nhiêu phan duyên đều dứt, vọng tưởng hết sạch, tức là bồ đề. Như nay nếu trong tâm còn lăng xăng không định, mặc dù các ông học cho đến các địa vị ba thừa, bốn quả, mười địa, thì gom lại chỉ trong hướng phạm thánh mà ngồi. Các hạnh đó cuối cùng trở về vô thường, thế lực đều theo thời kỳ hết, như tên bắn giữa hư không, hề hết sức thì phải rớt, chỉ về lại con đường sanh tử luân hồi. Tu hành như thế, là không hiểu ý của Phật, lưỡng chịu sự đắng cay, đâu phải là việc quá làm ư ?

Ngài Chí Công Hoà Thượng còn nói như thế này : "Chưa gặp vị minh sư xuất thế thiết ủng dùng pháp được đại thừa". Như ngày hôm nay, chỉ trong tất cả thời đi, đứng, ngồi, nằm, chỉ học vô tâm, cũng không phân biệt, cũng không nương cậy, cũng không trụ trước. Trọn ngày làm tất, cả, tướng tượng tự người ngu si, người đời đều không biết các ông, các ông cũng không dùng dạy người đời biết hoặc không biết, tâm giống như đá cuội, đều không nứt nẻ. Tất cả pháp thấu suốt, không vào trong tâm các ông, cao vót không trụ trước. Như thế mới có chút phần tương ứng. Vượt qua cảnh tam giới, gọi

đó là Phật xuất thế. Tâm tướng không phiền não, nên gọi là trí vô lậu. Không tạo nghiệp như thiên, không tạo nghiệp địa ngục, không khởi tất cả vọng tâm, các duyên đều không sanh, thân tâm này là người tự do. Không phải một hương không sanh, chỉ là tùy ý mà sanh. Trong Kinh nói : "Bồ Tát có ý sanh thiên (8) là vậy. Bỗng nhiên nếu chưa lãnh hội nghĩa vô tâm, chấp tướng mà tạo tác, đều thuộc ma nghiệp. Cho đến tạo tác Tịnh Độ Phật sự, thấy đều thành nghiệp; chính đó gọi là Phật chướng, vì đó chướng ngại tâm các ông, bị như quả quản thúc, đi đứng không có phần tự do. Do đó các pháp Bồ đề đều vốn không phải có. Cho nên những lời đức Như Lai nói, đều chỉ để giáo hóa người thôi. Cũng như lá vàng giống như vàng huyền dùng chỉ cho đứa trẻ đang khóc vậy, thật không có pháp nào hết, cho nên mới gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như ngày hôm nay đã lãnh hội được ý này, làm sao khuê khuê dùng, chỉ phải theo duyên để tiêu trừ nghiệp cũ, lại chớ tạo những họa ương mới, trong tâm luôn luôn sáng suốt. Do đó cho nên đối với thời gian cũ, những kiến giải đều phải xả bỏ.

Trong Kinh Tịnh Danh nói : "Hãy trừ bỏ sở hữu". Trong Kinh Pháp Hoa nói : "Trong hai mươi năm thường kiến phải bỏ các chất phóng uế". Chỉ là trừ bỏ những chỗ kiến giải tạo tác ở trong tâm. Lại trong Kinh Pháp Hoa nói : "Phải dứt trừ các phóng uế, hý luận. Do đó Như Lai Tạng của mỗi người vốn tự không tịch, đều không nên dùng để một pháp nào trong đó. Cho nên trong Kinh lại nói thêm : "Cõi nước của chư Phật cũng lại đều không". Nếu nói con đường sáng suốt giác ngộ đó là do tu học mà được, kiến giải như thế đó không có hợp gì. Hoặc là một căn cơ, một cảnh ngộ nương mi, động mất chỉ là đối với sự tương đương, liền theo con đường sáng suốt đó khế hội vậy, được chứng ngộ lý thiên vậy. Bỗng nhiên gặp một người không hiểu, liền nói đều là vô sở tri (9), đối với người khác nếu được đạo lý, trong lòng liền hoan hỉ, nếu bị người kia chiết phục không như kẻ khác, liền tức tâm ôm sự buồn bã. Tâm ý như thế mà họ được thiên, có tiếp xúc được thiên vị gì đâu ? Tự ý các ông lãnh hội nhiều ít gì, theo một đạo lý, chỉ được pháp tâm sở. Chớ chẳng tiếp xúc được với thiên đạo. Do đó Tổ Đạt Ma mới xây mặt vào vách chín năm trường, đều không muốn cho người có chỗ kiến giải. Cho nên ngài nói : Phải quên hết cơ duyên đi, là Phật đạo đó ! Phân biệt là cảnh ma. Tánh này dù cho đến khi ông mê, cũng không bao giờ mất, lúc ngộ cũng không bao giờ được. Tự tánh thiên chơn vốn không có mê ngộ. Hết cõi hư không trong mười phương, nguyên lai là thể nhất tâm của ta. Dù cho ông có động dụng tạo tác đi nữa, đâu có lìa được hư không. Hư không bốn lại không lớn, không nhỏ, không lậu, không vi, không mê, không ngộ, thấy được một cách rõ ràng, không có một vật, cũng không có người, cũng không có Phật, tuyệt đối một mảy lông, một sợi tóc so lường cũng không có, không nương cậy, không có sự nói liền, một con đường thanh lưu. Nhưng tự tánh đó là vô sanh pháp nhẫn. Đâu có toan tính, luận bàn. Phật chính không nói, không giải pháp đã nói, thật cũng không lấy tai để nghe, ai là người nghe vậy ? Quý trọng, quý trọng !"

Tổ sư một ngày nọ lên ở trên giảng đường khai thị đại chúng ngài nói : "Dự trước nếu đả phá không thấu triệt, đem ba mươi tháng hạ đến, phải giữ gìn những gì thuộc nóng nảy, loạn động. Có những hạng ngoại đạo, vừa thấy người nói công phu kia liền lạnh lùng cười nói : 'Hãy còn có đó tồn tại'. Ta và như hỏi ông, bỗng nhiên đến lúc mạng chung, ông lấy gì để đối địch với sự sanh tử ? Các ông và thử suy nghĩ xem, chỉ có một đạo lý, đâu được đức Di Lạc sanh lên cõi trời, tự nhiên đức Thích Ca lại ló hạng nhân thần đã quý, vừa thấy người đã sanh ra bệnh, liền cùng với kẻ khác nói 'Các ông chỉ nên buông bỏ sự chấp trước đi' Nhấn đến những người khác có bệnh, lại chỉ lý hội không buông bỏ, bị mờ mịt loạn động, rồi tranh đoan, ở nơi nhục thể của các ông, như là dao bén cắt đứt, làm chủ tế không được. Khi rảnh phải làm muôn sự muôn việc, tính toán xong phải bỏ, lợi dụng được lúc bộn rộn, bao nhiêu sức tĩnh. Đứng đợi đến lúc khát mới đào giếng, làm bằng tay chân không xong ngăn che lộn xộn, làm thế nào để trốn tránh được ? Đường trước mờ mịt, lòng tin tán loạn. Khổ thay, khổ thay ! Ngày thường chỉ học tam muội trên đầu môi chót lưỡi, nói thiên nói đạo, hét Phật mắng Tổ. Đến đó dùng trước đều vô dụng. Ngày thường chỉ dòm ngó người để tranh giành, biết ngày nay tự mờ mịt. - trong a-tỳ địa ngục (10), quyết định không tự do đi được. Nhưng nay đời mật pháp, dễ dàng chìm đắm, còn nhờ có lực lượng trong nhà huynh đệ, gánh mang để phụng sự huệ mạng của Phật, chớ cho gián đoạn. Ngày hôm nay chỉ còn có một nữa người hành cước, chỉ biết xem nước coi cảnh, không biết ngày giờ có được bao nhiêu. Một hơi thở ra không trở lại, liền sanh trong đời khác, chưa biết đầu mặt như thế nào. Than ôi ! khuyên các nhà huynh đệ, khi còn thanh niên, phải giữ chỗ hiểu biết, không bị người làm mờ mịt tối tăm cho đại sự của mình, ngăn tất cả những gì hệ trọng, phải làm sao có sự dễ dàng, không bị khúc mắc trong cuộc đời. Từ ấy các ông không chịu buông bỏ chuyện sanh tử cho đến làm các công phu. Nhìn xem đạo lý khó, đem sự tốt lành dạy bảo các ông, như biết được trên cây tự sanh các nhánh lá vậy, trên thân này tạo biết bao công đức lành. Các ông cũng như thế, phải làm sao tự đi, tự chuyển biến mới được. Nếu là một đấng trượng phu xem công án.

Có một vị tăng hỏi ngài Triệu Châu thiền sư : "Con chó có Phật tánh hay không?"

Ngài Triệu Châu quả quyết : "Không" chỉ bỏ hai trong sáu thời, khán chữ "vô", ngày đêm tham cứu, đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, mặc áo, đi cầu, tâm không rời bỏ, mạnh mẽ tinh chuyên, giữ chữ "vô" lâu ngày chày tháng trở thành một khối "vô", bỗng nhiên tâm hoa đốn phát, ngộ được thiên cơ của Phật tổ, liền không bị lão hòa thượng trong thiên hạ, đầu lưỡi mờ mịt, liền hội khai đại khẩu. Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Tây Thiên Trúc đến, không gió mà khởi sóng. Còn đức Thế Tôn nắm cành hoa, một đàn tràng đều bại hoại khuyết điểm, ngàn vị thánh còn không, không tin đạo thẳng có những bậc đặc trì đó, làm sao được như thế, việc làm này e sợ có tâm người nghi ngờ, cho nên có bài tụng như thế này :

Trần lao xa lánh việc phi thường,

Chỉ cầm đầu dây làm một trường,

Không phải một phen xương buốt lạnh,

Tranh được hoa mai thoảng mùi hương.

Bài kệ Truyền Tâm của Ngài Bùi Tường Quốc

Tôi với ông Uyển Lăng, Chung Lăng, đều là bạn rất thân với ngài Hoàng Bá Hy Vận thiền sư. Các người đó đều được truyền tâm yếu cho nên tôi mới làm bài kệ truyền tâm như thế này :

Tâm không thể truyền,
Dùng khế hội truyền,
Tâm không thể thấy,
Lấy vô vi thấy.

Khế hợp cũng không,
Không cũng không không,
Hóa thành không trụ,
Mê trần có châu.

Ngọc đỏ gương danh,
Hóa thành đầu tướng,
Túc tâm túc Phật,
Phật túc không sanh.

Trục hạ là thế,
Chớ cầu chớ vin,
Theo Phật tìm Phật,
Uổng phí công trình.

Tùy pháp sanh giải,
Liền sa cõi ma,
Phàm thánh không phân,
Mới lìa kiến văn.

Vô tâm tuồng cảnh,
Cùng vật không tranh,
Không niệm tợ không,
Không vật chẳng thông.

Ngoài pháp tam thừa,
Nhiều kiếp ít gặp,
Nếu được như thế,
Đó là anh hùng.

Thường nghe ở chốn Hà Đông. Có một bậc đại sĩ rất thân cận, được gặp ngài Cao An truyền tâm yếu trong năm đó, chép bài kệ khai thị cho đời sau, thoát tiên khai đốn ngộ để mở mang cho kẻ mù kẻ điếc làm sáng rõ đôn thanh. Tôi túc ở chỗ di chuyển đó, nối với bản lục đã nói : Mừng ở niên lịch năm Mậu Tý, chốn Nam Sơn tự, Ngài Thiên Chơn đề lại bài kệ này.

Lời giải

- 1) Vô kiến : Không thấy, không nhận định, lìa tất cả văn tự ngôn ngữ, xa hết các cố chấp buồn phiền, không cho vọng kiến bất cứ việc gì ...
- 2) Nhứt thừa : Đã chú giải trong tập Luận TỐI THƯỢNG THỪA, số 12, trang.....
- 3) Đại đạo : Con đường lớn tức là đạo Phật. Đạo lý to lớn, sâu xa, thâm diệu của Phật. Đại đạo còn có nghĩa : đại giác, đại bồ đề. Tu thành đại đạo tức là tu thành Phật.
- 4) Chấp thường : Là cái ý kiến chấp rằng con người chết rồi còn mãi, thuộc về hữu kiến...
- 5) Chấp đoạn : Là ý kiến chấp rằng, con người chết rồi mất hẳn, thuộc về đoạn kiến hay vô kiến.
- 6) Tứ sanh : Caturyonī. Quatre états de naissance. Bốn cách sanh ra : 1/ Noãn sanh : Từ trong trứng mà nở ra và lớn lên như chim, sáo, gà, vịt. 2/ Thai sanh : Từ trong thai bào mà sanh ra và lớn lên, như người, trâu, bò, lừa v.v... 3/ Thấp sanh : Từ chỗ ẩm ướt mà sanh ra như rắn, cá, ếch nhái v.v... 4/ Hóa sanh: Tự nhiên mà hóa ra, sanh ra do sức mạnh của nghiệp,

như những loài sanh lên cõi trời, hoặc sa vào địa ngục, quỷ đói, hay các loài cõi lốt đổi hình, như loài dơi, loài bướm, loài tằm v.v...

7) Tâm địa : Chỗ sanh ra vạn pháp (mọi sự mọi vật). Tâm là gốc của muôn sự vật, nó có thể hình thành các sự vật, cho nên gọi là tâm địa... Tâm là nguồn gốc, nền tảng, chỗ nương cậy. Đạo đức gốc ở tâm. Giống như những sản vật của người làm ruộng, làm vườn do nơi đất mà phát xuất; đạo đức do nơi tâm mà phát sanh, cho nên kêu tâm là tâm địa...

8) Ý sanh thân : Ý thành thân. Cái ý sanh ra, tạo thành cái thân. Người tu học chúng được Bồ Tát từ sơ địa sắp lên, vì ý muốn tế độ chúng sanh, nên hễ muốn sanh vào đâu thì liền được thọ sanh. Ấy là nhờ sức mạnh của ý mà thành ra cái thân vậy.

9) Vô sở tri : Chẳng để ý chi hết, thật ra chẳng có chi mà để ý biết. Tự mình liễu đạt các pháp vốn không, tất cả giống như hư không, cho nên không thấy rằng mình biết. Vô sở tri giống như, vô sở hữu, vô sở kiến...

10) A-tỳ-địa ngục : Avichi. A-tỳ là chữ Phạn, thông dụng thành chữ Hán. A-tỳ dịch nghĩa là vô gián, không lúc nào ngừng. A-tỳ địa ngục hay vô gián địa ngục là cảnh trừng trị, nơi ấy tội nhưn bị hành hạ mãi không lúc nào ngừng, từ năm này kiếp kia, họ chịu khổ mãi mãi, muốn thoát ra không bao giờ được.